

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

TÀI LIỆU

ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023
MÔN NGỮ VĂN

Lê Hồng Phong ngày 17- 03- 2023. Tài liệu lưu hành nội bộ

CHUYÊN ĐỀ: RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Các dạng câu hỏi thường gặp trong phần đọc hiểu

Câu 1: thường hỏi về phương thức biểu đạt/phong cách ngôn ngữ/thể thơ.

- **Cách xác định thể thơ:** bằng cách **đếm số chữ trong từng câu thơ**. Thông thường trong bài người ra đề sẽ cho vào các thể thơ bốn chữ/ năm chữ/bảy chữ/lục bát/tự do...

- **06 phong cách ngôn ngữ: sinh hoạt** (nếu ngữ liệu là 1 đoạn nhật kí/đoạn chat/thư từ/đoạn hội thoại...), **nghệ thuật** (đoạn thơ/văn xuôi... trích từ TPVH), **báo chí** (xem trích dẫn nguồn), **chính luận** (bàn về những vấn đề mang tính thời sự - chính trị - XH), **khoa học** (đề cập đến những vấn đề mang tính nghiên cứu về các lĩnh vực...) và **hành chính** (các biểu mẫu về hành chính như đơn, chứng chỉ, văn bằng...).

- **06 phương thức biểu đạt: TỰ SỰ, MIÊU TẢ, BIỂU CẢM, THUYẾT MINH, NGHỊ LUẬN, HÀNH CHÍNH – CÔNG VỤ.**

STT	Phương thức	Khái niệm	Dấu hiệu nhận biết
1	Tự sự	- Dùng ngôn ngữ để kể lại một hoặc một chuỗi các sự kiện, có mở đầu → kết thúc - Ngoài ra còn dùng để khắc họa nhân vật (tính cách, tâm lí...) hoặc quá trình nhận thức của con người	- Có sự kiện, cốt truyện - Có diễn biến câu chuyện - Có nhân vật - Có các câu trần thuật/đối thoại
2	Miêu tả	Dùng ngôn ngữ để tái hiện lại những đặc điểm, tính chất, nội tâm của người, sự vật, hiện tượng	- Các câu văn miêu tả - Từ ngữ sử dụng chủ yếu là tính từ
3	Biểu cảm <i>(phổ biến nhất trong ngữ liệu thơ)</i>	Dùng ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc, thái độ về thế giới xung quanh	- Câu thơ, văn bộc lộ cảm xúc của người viết - Có các từ ngữ thể hiện cảm xúc : ơi, ôi....
4	Thuyết minh	Trình bày, giới thiệu các thông tin, hiểu biết, đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng	- Các câu văn miêu tả đặc điểm, tính chất của đối tượng - Có thể có những số liệu chứng minh

5	Nghị luận <i>(phổ biến nhất trong ngữ liệu văn xuôi)</i>	Bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình	- Có vấn đề nghị luận và quan điểm của người viết - Từ ngữ thường mang tính khái quát cao (nêu chân lí, quy luật) - Sử dụng các thao tác: lập luận, giải thích, chứng minh
6	Hành chính - công vụ	Là phương thức giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí	- Hợp đồng, hóa đơn... - Đơn từ, chứng chỉ... <i>(Phương thức và phong cách hành chính công vụ thường không xuất hiện trong bài đọc hiểu)</i>

Câu 2: thường yêu cầu tái hiện lại nội dung trong ngữ liệu (thường bắt đầu bằng lệnh *“Theo tác giả/người viết/đoạn trích...”*) → HS nên **đọc kĩ ngữ liệu và chỉ ra những câu/từ có liên quan, không đưa thêm ý của mình vào** (chú ý nên đọc kĩ ngữ liệu vì các ý có thể rời nhau ở các đoạn khác nhau). Hoặc đề yêu cầu HS trình bày nội dung của một ý/câu thơ... có trong ngữ liệu.

Câu 3: thường yêu cầu phân tích tác dụng/hiệu quả của biện pháp tu từ hoặc nội dung ngữ liệu/lí giải vì sao...

→ **Chú ý:** nếu đề yêu cầu chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ thì cần chỉ rõ biện pháp đó nằm ở câu chữ nào (trích trong ngoặc kép “...”) sau đó chỉ ra tác dụng về mặt nội dung (thường dùng từ *“nhằm nhấn mạnh...”*) và hình thức (thường dùng từ *“tăng thêm sự sinh động/hấp dẫn/thuyết phục/gợi cảm...”*).

Câu 4: thường yêu cầu nêu ra quan điểm cá nhân (đồng tình/không đồng tình), rút ra thông điệp ý nghĩa/bài học/hình ảnh tâm đắc, ấn tượng... và yêu cầu lí giải. Nếu đề không yêu cầu lí giải HS cũng nên lí giải (lí giải nên ngắn gọn, tránh viết thành đoạn văn dài. Chỉ nên lí giải trong vòng 3-5 dòng).

II. Nhận diện các phương thức biểu đạt

- **Yêu cầu:** Nắm được có bao nhiêu phương thức biểu đạt.

- **Nắm được:**

+ Khái niệm.

+ Đặc trưng của từng phương thức biểu đạt.

1. Tự sự (kể chuyện, tường thuật): Là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa.

2. Miêu tả: Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người (đặc biệt là thế giới nội tâm) như đang hiện ra trước mắt qua ngôn ngữ miêu tả.

3. Biểu cảm: Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

4. Nghị luận: Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.

5. Thuyết minh: Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc, người nghe.

6. Hành chính – công vụ: Văn bản thuộc phong cách hành chính công vụ là văn bản điều hành xã hội, có chức năng xã hội. Xã hội được điều hành bằng luật pháp, văn bản hành chính. Văn bản này qui định, ràng buộc mối quan hệ giữa các tổ chức nhà nước với nhau, giữa các cá nhân với nhau trong khuôn khổ hiến pháp và các bộ luật văn bản pháp lý dưới luật từ trung ương tới địa phương.

Ví dụ 1:

Hắn về lần này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng săng đá! Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai con mắt gườm gườm trong góm chết! Hắn mặc cái quần nái đen với áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông góm chết!

(Chí Phèo - Nam Cao)

Hãy chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên?

Trả lời: Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên là:

.....

Ví dụ 2: *Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến. Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.*

(Hồ Chí Minh – Về vấn đề giáo dục)

Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Trả lời: Đoạn văn trên được viết theo phương thức.....

Ví dụ 3: *Tam Đảo được mọi người biết đến là khu du lịch nổi tiếng không chỉ với du khách trong nước. Đặc biệt là thời điểm mùa hè - khi mà nền nhiệt vùng đồng bằng khiến con người muốn tìm đến một không gian mát lạnh để nghỉ ngơi thì Tam Đảo là sự lựa chọn lý tưởng. Đến đây du khách sẽ cảm nhận được bốn mùa trong một ngày: buổi sáng se se gió xuân, buổi trưa nắng mùa hạ, buổi chiều heo may mùa thu, buổi tối lạnh giá mùa đông; thưởng thức những món ăn đặc sản của dân tộc, món ăn dân dã của địa phương; nghỉ ngơi trong những phòng khách sạn có vị trí và tầm nhìn đẹp mắt, thành thơ trong khung cảnh thiên nhiên trên những con đường dạo bộ, khung cảnh vừa thơ mộng vừa hùng vĩ, vừa huyền ảo với sương, gió, mây trời như đan quện vào nhau. Tam Đảo như một Sa Pa thứ hai trên miền Bắc, trở thành điểm hẹn lý tưởng của nhiều người giữa lưng trời.*

(*Những địa danh đi cùng năm tháng* – Nguyễn Hào, Du lịch Vĩnh Phúc)

Đoạn trích được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Trả lời: Đoạn trích được viết theo phương thức.....

Ví dụ 4:

*Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu về đâu?*

(*Thuyền và biển* - Xuân Quỳnh)

Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn thơ là phương thức nào?

Trả lời: Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn thơ là

II. Phong cách chức năng ngôn ngữ:

Yêu cầu:

- Các loại phong cách chức năng ngôn ngữ.
- Khái niệm.
- Đặc trưng.

1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- Khái niệm: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm... đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.
- Đặc trưng:
 - + Giao tiếp mang tư cách cá nhân.
 - + Nhằm trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp.
- Nhận biết:
 - + Gồm các dạng: Chuyện trò, nhật kí, thư từ.
 - + Ngôn ngữ: Khẩu ngữ, bình dị, suồng sã, địa phương.

2. Phong cách ngôn ngữ khoa học:

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học.
- + Là phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu.
- Đặc trưng
 - + Chỉ tồn tại chủ yếu ở môi trường của những người làm khoa học.
 - + Gồm các dạng: khoa học chuyên sâu; Khoa học giáo khoa; Khoa học phổ cập.
 - + Có 3 đặc trưng cơ bản: (Thể hiện ở các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu, đoạn văn, văn bản).

a/ Tính khái quát, trừu tượng.

b/ Tính lí trí, lô gíc.

c/ Tính khách quan, phi cá thể.

3. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

- Khái niệm:

+ Là loại phong cách ngôn ngữ được dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực văn chương (Văn xuôi nghệ thuật, thơ, kịch).

- Đặc trưng:

+ Tính thẩm mĩ.

+ Tính đa nghĩa.

+ Thể hiện dấu ấn riêng của tác giả.

4. Phong cách ngôn ngữ chính luận:

- Khái niệm: Là phong cách ngôn ngữ được dùng trong những văn bản trực tiếp bày tỏ tư tưởng, lập trường, thái độ với những vấn đề thiết thực, nóng bỏng của đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, xã hội.

- Mục đích: Tuyên truyền, cổ động, giáo dục, thuyết phục người đọc, người nghe để có nhận thức và hành động đúng.

- Đặc trưng:

+ Tính công khai về quan điểm chính trị: Rõ ràng, không mơ hồ, úp mở. Tránh sử dụng từ ngữ mơ hồ chung chung, câu nhiều ý.

+ Tính chặt chẽ trong biểu đạt và suy luận: Luận điểm, luận cứ, ý lớn, ý nhỏ, câu đoạn phải rõ ràng, rành mạch.

+ Tính truyền cảm, thuyết phục: Ngôn từ lời cuốn để thuyết phục; giọng điệu hùng hồn, tha thiết, thể hiện nhiệt tình và sáng tạo của người viết.

5. Phong cách ngôn ngữ hành chính:

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Là giao tiếp giữa nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác.

- Đặc trưng: Phong cách ngôn ngữ hành chính có 2 chức năng:

+ Chức năng thông báo: thể hiện rõ ở giấy tờ hành chính thông thường (Văn bằng, chứng chỉ các loại, giấy khai sinh, hóa đơn, hợp đồng,...)

+ Chức năng sai khiến: bộc lộ rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của cấp trên gửi cho cấp dưới, của nhà nước đối với nhân dân, của tập thể với các cá nhân.

6. Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn):

- Khái niệm: Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

+ Là phong cách được dùng trong lĩnh vực thông tin của xã hội về tất cả những vấn đề thời sự: (thông tấn có nghĩa là thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi).

- Một số thể loại văn bản báo chí:

+ Bản tin: Cung cấp tin tức cho người đọc theo 1 khuôn mẫu: Nguồn tin - Thời gian - Địa điểm - Sự kiện - Diễn biến - Kết quả.

+ Phóng sự: Cung cấp tin tức nhưng mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện, miêu tả bằng hình ảnh, giúp người đọc có 1 cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.

+ Tiểu phẩm: Giọng văn thân mật, dân dã, thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa 1 chính kiến về thời cuộc.

Ví dụ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Những kẻ ở vườn thấy quan sang, quan quyền, cũng bèn mùi làm quan. Nào lo cho quan, nào lót cho lại, nào chạy ngược, nào chạy xuôi, dầu cổ ruộng dầu bán trâu cũng vui lòng, chỉ cần được lấy một chức xã trưởng hoặc cai tổng, dựng ngòi trên, dựng án trước, dựng hống hách thì mới thôi. Những kẻ như thế mà vẫn không ai khen chê, không ai khinh bỉ, thật cũng lạ thay! Thương ôi! Làng có một trăm dân mà người này đối với người kia đều ngó theo sức mạng, không có một chút gì gọi là đạo đức luân lí cả. Đó là nói người trong một làng đối với nhau, chỉ như đối với dân kiều cư kí ngụ thì lại càng hà khắc hơn nữa. Ôi! Một dân tộc như thế thì tư tưởng cách mạng nảy nở trong óc chúng làm sao được! Xã hội chủ nghĩa trong nước Việt nam ta không có cũng là vì thế.

(Đạo đức và luân lí Đông Tây - Phan Châu Trinh)

Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Trả lời: Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ.....

Ví dụ 2:

Theo báo cáo tình hình trẻ em thế giới 2006 được UNICEF công bố ngày 11 - 12, trong vòng nhiều năm qua, Việt Nam luôn dẫn đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương về các chỉ số bình đẳng giới. Nhìn chung, Việt Nam thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục tới các trẻ em gái và trẻ em trai, phụ nữ và nam giới. Sự chênh lệch về tỉ lệ nhập học giữa các em nữ và các em nam là rất thấp (91% và 97%, giai đoạn 2000 - 2005). Tỉ lệ mù chữ của nữ giới so với nam giới ngày càng giảm. Tỉ lệ tham gia các hoạt động kinh tế không khác biệt nam - nữ: 85% nam giới và 83% nữ giới ở độ tuổi từ 15 - 60.

(Báo Thanh niên, ngày 12 - 12 - 2006)

Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Trả lời: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ.....

Ví dụ 3:

Nhà di truyền học lấy một tế bào của các sợi tóc tìm thấy trên thi thể nạn nhân từ nước bọt dính trên mẫu thuốc lá. Ông đặt chúng vào một sản phẩm dùng phá hủy mọi thứ xung quanh DNA của tế bào. Sau đó, ông tiến hành động tác tương tự với một

số tế bào máu của nghi phạm. Tiếp đến, DNA được chuẩn bị đặc biệt để tiến hành phân tích. Sau đó, ông đặt nó vào một chất keo đặc biệt rồi truyền dòng điện qua keo. Một vài tiếng sau, sản phẩm cho ra nhìn giống như mã vạch sọc (giống như trên các sản phẩm chúng ta mua) có thể nhìn thấy dưới một bóng đèn đặc biệt. Mã vạch sọc DNA của nghi phạm sẽ đem ra so sánh với mã vạch của sợi tóc tìm thấy trên người của nạn nhân.

(Nguồn: Le Ligueur, 27 tháng 5 năm 1998)

Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Trả lời: Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ

III. Nhận diện và nêu tác dụng các hình thức, phương tiện ngôn ngữ

1. Các biện pháp tu từ

1.1. Phân loại các biện pháp tu từ:

- Tu từ về ngữ âm: điệp âm, điệp vần, điệp thanh,... (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu).
- Tu từ về từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...
- Tu từ về cú pháp: Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,...

1.2. Nhận diện các biện pháp tu từ và hiệu quả nghệ thuật

- So sánh: Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
- Ẩn dụ: Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
- Nhân hóa: Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.
- Hoán dụ: Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc
- Điệp từ/ngữ/cấu trúc: Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm
- Nói giảm, nói tránh: Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mát mát nhằm thể hiện sự trân trọng.
- Thậm xưng (phóng đại, nói quá): Tô đậm ấn tượng về...
- Câu hỏi tu từ: Bộc lộ cảm xúc
- Đảo ngữ: Nhấn mạnh, gây ấn tượng
- Đối: Tạo sự cân đối
- Im lặng (...): Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc
- Liệt kê: Diễn tả cụ thể, toàn diện.
- Chơi chữ: Tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

Lưu ý: Ẩn dụ và hoán dụ là 2 biện pháp tu từ học sinh hay nhầm lẫn nhất:

+ Ẩn dụ: So sánh ngầm 2 sự vật, hiện tượng có tính chất tương đồng nhau với hiệu quả tạo ra nghĩa bóng so với nghĩa gốc của nó.

+ Hoán dụ: Lấy một sự vật, hiện tượng ngầm để chỉ cái lớn lao hơn. Tìm hoán dụ dựa vào sự xuất hiện của các bộ phận trên cơ thể người; sự xuất hiện của trang phục hay những vật dụng của con người; sự xuất hiện của số đếm; vật chứa đựng và vật bị chứa đựng...

Ví dụ 1: Chỉ ra biện pháp tu từ chính được sử dụng trong đoạn thơ sau và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được*

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Trả lời: - Biện pháp tu từ được sử dụng là phép..... (điệp từ con sóng, điệp ngữ con sóng dưới..., con sóng trên...). Hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ là.....

Ví dụ 2: Xác định biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong dòng thơ in đậm và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ấy.

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

Trả lời:

-Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ in đậm là - mặt trời (trong lăng) chỉ Bác Hồ.

- Tác dụng:

Ví dụ 3: Cho đoạn văn sau:

Trần trê trên mặt bàn, chạm cả vào cành quýt Lí có tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... - món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...

(Trích Mùa lá rụng trong vườn – Ma Văn Kháng)

Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong đoạn văn?

Trả lời: - Trong đoạn văn, tác giả có sử dụng biện pháp..... “...gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò...”

- Tác dụng:

Ví dụ 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngọt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngọt sông là một số hòn bèn nhồm cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngộ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.

(Trích Tuỳ bút Người lái đò Sông Đà - Nguyễn Tuân)

* Trong đoạn văn trên, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều biện pháp tu từ về từ. Xác định biểu hiện các phép tu từ đó và nêu tác dụng của hình thức nghệ thuật này.

Trả lời: Trong đoạn văn trên, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều biện pháp tu từ về từ. Đó là:

-: *thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo..*

-: *oán trách, van xin, khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.., rống lên, mai phục, nhồm cả dậy, ngộ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm*

- Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là:

2. Các hình thức, phương tiện ngôn ngữ khác:

- Từ láy, thành ngữ, từ Hán – Việt ...

- Điển tích điển cố,...

Ví dụ 1: Đọc hai câu thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“*Nhân hính cũng vừa toan cất bút*

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”

(*Thu vịnh* – Nguyễn Khuyến)

Trong hai câu thơ trên, tác giả đã sử dụng điển tích nào? Giải thích ngắn gọn về điển tích ấy.

Trả lời: Tác giả sử dụng điển tích:

Ví dụ 2: Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà

rủ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nôi nhau sống qua được cơn đói khát này không?

(Trích *Vợ nhặt* - Kim Lân)

Chỉ ra những thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng?

Trả lời: Các thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn:

.....

.....

.....

.....

Ví dụ 3:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

(*Tây Tiến* – Quang Dũng)

Hãy nêu tác dụng của các từ láy trong việc vẽ ra bức tranh thiên nhiên miền Tây?

Trả lời: Tác dụng của các từ láy “khúc khuỷu” “thăm thẳm” và “heo hút:

IV. Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

1. Phép lặp từ ngữ: Câu đứng sau lặp lại những từ ngữ đã có ở câu trước

2. Phép liên tưởng (đồng nghĩa/ trái nghĩa): Câu đứng sau sử dụng những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước

3. Phép thế: Câu đứng sau sử dụng các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước

4. Phép nối: Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước

Ví dụ: Đọc kĩ đoạn văn sau và xác định các phép liên kết được sử dụng:

Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến. Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.

(Hồ Chí Minh – *Về vấn đề giáo dục*)

Trả lời: Các phép liên kết được sử dụng là:

- Phép lặp: “Trường học của chúng ta”

- Phép thế: “Muốn được như thế”... thay thế cho toàn bộ nội dung của đoạn trước đó.

VI. Nhận diện các thao tác lập luận

1. Giải thích: Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.

2. Phân tích: Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kỹ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng.

3. Chứng minh: Chứng minh là đưa ra những cứ liệu - dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề.

4. Bác bỏ: Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.

5. Bình luận: Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng... đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại...; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng.

6. So sánh: So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm. Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

Ví dụ:

- Thao tác giải thích:

Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoảng. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.

(Trích Nhìn về vốn văn hóa dân tộc – Trần Đình Hượu)

- Thao tác chứng minh:

Từ sau khi Việt Nam hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường, tiềm lực khoa học và công nghệ (KH& CN) của đất nước tăng lên đáng kể. Đầu tư từ ngân sách cho KH&CN vẫn giữ mức 2% trong hơn 10 năm qua, nhưng giá trị tuyệt đối tăng lên rất nhanh, đến thời điểm này đã tương đương khoảng 1 tỷ USD/năm. Cơ sở vật chất cho KH&CN đã đạt được mức độ nhất định với hệ thống gần 600 viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu của Nhà nước, hơn 1.000 tổ chức KH&CN của các thành phần kinh tế khác, 3 khu công nghệ cao quốc gia ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã bắt đầu có sản phẩm đạt kết quả tốt. Việt Nam cũng có cơ sở hạ tầng thông tin tốt trong khu vực ASEAN (kết nối thông tin với mạng Á - Âu, mạng VinaREN thông qua TEIN2, TEIN4,...

(Khoa học công nghệ Việt Nam trong buổi hội nhập, Mai Hà, Ánh Tuyết – Theo Báo Hà Nội mới, ngày 16/5/2014)

- Thao tác phân tích:

... Nói tới sách là nói tới trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích lũy truyền lại cho mai sau. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và

những dân tộc xa xôi. Những quyển sách khoa học có thể giúp người đọc khám phá ra vũ trụ vô tận với những qui luật của nó, hiểu được trái đất tròn trên mình nó có bao nhiêu đất nước khác nhau với những thiên nhiên khác nhau. Những quyển sách xã hội lại giúp ta hiểu biết về đời sống con người trên các phần đất khác nhau đó với những đặc điểm về kinh tế, lịch sử, văn hóa, những truyền thống, những khát vọng. Sách, đặc biệt là những cuốn sách văn học giúp ta hiểu biết về đời sống bên trong tâm hồn của con người, qua các thời kì khác nhau, những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ, những khát vọng và đấu tranh của họ. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này. Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của con người và phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự.

Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng. Ta đồng ý với lời nhận xét mà cũng là một lời khuyên bảo chí lí của M. Gorki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Vì thế, mỗi chúng ta hãy đọc sách, cố gắng đọc sách càng nhiều càng tốt.

(Bàn về việc đọc sách – Nguồn Internet)

- Thao tác lập luận bình luận:

... Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi. [...] Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình...

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức* – Theo SGK Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

- Thao tác lập luận so sánh:

Ai cũng biết Hàn Quốc phát triển kinh tế khá nhanh, vào loại con rồng nhỏ có quan hệ khá chặt chẽ với các nước phương Tây, một nền kinh tế thị trường nhận nhịp, có quan hệ quốc tế rộng rãi. Khắp nơi đều có quảng cáo, nhưng không bao giờ quảng cáo thương mại được đặt ở những nơi công sở, hội trường lớn, danh lam thắng cảnh. Chỗ nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh, nếu có thì viết nhỏ đặt dưới chữ Triều Tiên to hơn ở phía trên. Đi đâu, nhìn đâu cũng thấy nổi bật những bảng hiệu chữ Triều Tiên. Trong khi đó thì ở một vài thành phố của ta nhìn vào đâu cũng thấy tiếng Anh, có bảng hiệu của các cơ sở của ta hẳn hoi mà chữ nước ngoài lại lớn hơn cả chữ Việt, có lúc ngỡ ngàng tưởng như mình lạc sang một nước khác”.

(Chữ ta, bài *Bản lĩnh Việt Nam* của Hữu Thọ)

- Thao tác lập luận bác bỏ:

...Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu? Vì sao

người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự? Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người? Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này: Điều gì người ta suy nghĩ kỹ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra...

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, theo SGK Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

VII. Yêu cầu nhận diện kiểu câu và hiệu quả sử dụng:

1. Câu theo mục đích nói:

- Câu tường thuật (câu kể)
- Câu cảm thán (câu cảm)
- Câu nghi vấn (câu hỏi)
- Câu khẳng định
- Câu phủ định.

2. Câu theo cấu trúc ngữ pháp

- Câu đơn
- Câu ghép/ Câu phức
- Câu đặc biệt.

VIII. Yêu cầu xác định nội dung chính của văn bản/ Đặt nhan đề cho văn bản

Ví dụ: *Từ sau khi Việt Nam hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường, tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) của đất nước tăng lên đáng kể. Đầu tư từ ngân sách cho KH&CN vẫn giữ mức 2% trong hơn 10 năm qua, nhưng giá trị tuyệt đối tăng lên rất nhanh, đến thời điểm này đã tương đương khoảng 1 tỷ USD/năm. Cơ sở vật chất cho KH&CN đã đạt được mức độ nhất định với hệ thống gần 600 viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu của Nhà nước, hơn 1.000 tổ chức KH&CN của các thành phần kinh tế khác, 3 khu công nghệ cao quốc gia ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã bắt đầu có sản phẩm đạt kết quả tốt. Việt Nam cũng có cơ sở hạ tầng thông tin tốt trong khu vực ASEAN (kết nối thông tin với mạng Á - Âu, mạng VinaREN thông qua TEIN2, TEIN4, ...).*

(Báo Hà Nội mới, ngày 16/5/2014 - Mai Hà, Ánh Tuyết)

Đọc đoạn văn trên và cho biết nội dung chính bản về vấn đề gì? Đặt tên cho văn bản.

Trả lời: - Nội dung chính của đoạn văn bản về: Sự phát triển của KH&CN Việt Nam trong hoàn cảnh hội nhập, có thể đặt tên cho đoạn văn là Khoa học công nghệ của Việt Nam...)

IX. Yêu cầu nhận diện các lỗi diễn đạt và sửa chữa lại cho đúng

1. Lỗi diễn đạt (chính tả, dùng từ, ngữ pháp)

2. Lỗi lập luận (lỗi logic...)

Ví dụ: Đây là đoạn văn còn mắc nhiều lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp, logic..., Anh/chị hãy chỉ ra những sai sót đó và chữa lại cho đúng.

Đọc Tất đèn của Ngô Tất Tố, người đọc tiếp nhận với một không gian ngột ngạt, với nỗi khổ đè nặng trên đôi vai gầy yếu và nỗi đau xé lòng chị Dậu tưởng như đã thành nỗi đau tột cùng. Nhưng khi Chí Phèo với những tiếng chửi tục tĩu cùng khuôn mặt đầy vết sẹo, với bước chân chệch choạc, ngật ngưỡng bước đi trên những dòng vãnh của Nam Cao, thấy rằng đó mới là kẻ khốn cùng ở nông dân Việt Nam ngày trước. Qua đó, Nam Cao không chỉ lột trần sự thật đau khổ của người nông dân mà còn nêu được một quy luật xuất hiện trong làng xã Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám: hiện tượng người nông dân bị đẩy vào con đường lưu manh hoá.

X. Yêu cầu nêu cảm nhận nội dung và cảm xúc thể hiện trong văn bản

1. Cảm nhận về nội dung phản ánh

2. Cảm nhận về tư tưởng, tình cảm của tác giả

Ví dụ: Đọc đoạn thơ sau trong và trả lời câu hỏi bên dưới:

*“Bao giờ cho tới mùa thu
trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm
mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao
Ngân hà chảy ngược lên cao
quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thằng Bờm
bờ ao đom đóm chập chờn
trong leo lẻo những vui buồn xa xôi
Mẹ ru cái lẽ ở đời*

*sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn
Bà ru mẹ, mẹ ru con
Liệu mai sau các con còn nhớ chăng?*

(*Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa* – Nguyễn Duy)

Nêu nội dung chính của đoạn thơ? Nhận xét về quan niệm của tác giả trong hai dòng thơ:

*Mẹ ru cái lẽ ở đời
sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn*

Trả lời: - Nội dung chính của đoạn thơ:.....

.....

- Quan niệm của tác giả thể hiện qua hai dòng thơ: Lời ru của mẹ chứa đựng những điều hay lẽ phải, những kinh nghiệm, bài học về cách ứng xử, cách sống đẹp ở đời; sữa mẹ nuôi dưỡng thể xác, lời ru của mẹ nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Đó là ơn nghĩa, là tình cảm, là công lao to lớn của mẹ.

XI. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản
- Chỉ ra từ ngữ chứa đựng chủ đề đoạn văn

Ví dụ 1: Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi*

*Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời*

*Ngoài bờ đê cỏ non tràn biếc cỏ
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa*

(*Chiều xuân* – Anh Thơ)

Cảnh xuân được miêu tả bằng những hình ảnh thiên nhiên nổi bật nào?

Trả lời: Cảnh mùa xuân được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh: mưa bụi, hoa xoan tím rụng, cỏ non tràn biếc cỏ, đàn sáo đen, mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió, trâu bò thong thả cúi ăn mưa...

Ví dụ 2: Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoảng. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.

(Trích *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* – Trần Đình Hượu)

Hãy xác định câu chủ đề của đoạn văn và nêu ra 3 từ mà anh/ chị cho là chứa đựng chủ đề đoạn văn.

Trả lời: - Câu chủ đề của đoạn văn:

- Ba từ chứa đựng chủ đề đoạn văn là:

XII. Yêu cầu nhận diện các hình thức nghị luận (hoặc cách thức trình bày của đoạn văn/ Kết cấu đoạn văn)

1. Diễn dịch

2. Qui nạp

3. Tổng – Phân – Hợp

Ví dụ:

+ Diễn dịch:

Đồng tiền cơ hồ đã thành một thế lực vạn năng. Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. Ngay Kiều nữa, cái việc đại dột nhất, tội lỗi nhất trong suốt đời nàng, cái việc nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, một phần cũng bởi xiêu lòng vì ngọc vàng của Hồ Tôn Hiến.

Câu chủ đề:.....

+ Tổng – Phân – Hợp:

Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng. Cần gì cả vũ trụ phải tòng hành nhau (hùa vào nhau) mới đè bẹp cây sậy ấy? Một chút hơi, một giọt nước cũng đủ làm chết được người. Nhưng dù vũ trụ có đè bẹp người ta, người ta so với vũ trụ vẫn cao hơn vì khi chết thì biết rằng mình chết chứ không như vũ trụ kia, khỏe hơn người nhiều mà không tự biết rằng mình khỏe. Vậy thì giá trị chúng ta là ở tư tưởng.

(Theo Pa-xcan, bản dịch của Nghiêm Toàn, trong *Luận văn thị phạm*)

XIII. Yêu cầu nhận diện thể thơ

- **Đặc trưng của các thể loại thơ:** Lục bát; Song thất lục bát; Thất ngôn; Thơ tự do; Thơ ngũ ngôn, Thơ 8 chữ...

Ví dụ 1: Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió thu
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

(Trích *Sang thu* – Hữu Thỉnh)

Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn thơ trên?

Trả lời: Thể thơ được sử dụng trong đoạn thơ trên là thể thơ

Ví dụ 2: Xác định thể thơ của đoạn trích sau:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*

Trả lời: Thể thơ tự do

XIV. Xác định nội dung, chi tiết chính có liên quan đến văn bản

- Muốn xác định được nội dung của văn bản cần căn cứ vào **tiêu đề** của văn bản. Căn cứ vào những **hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần**. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản.

- Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... Xác định được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. **Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn**. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó.

B. LUYỆN TẬP

ĐỀ 1

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau:

TỰ SỰ

*Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy
Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh
Dù người phạm tục hay kẻ tu hành
Đều phải sống từ những điều rất nhỏ.
Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?
Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng
Nếu tất cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta
Ai trong đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy.
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Đâu chỉ dành cho một riêng ai.*

(Luu Quang Vũ)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau:

*"Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng".*

Câu 3: Theo anh/chị, vì sao tác giả nói rằng:

*"Nếu tất cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta"*

Câu 4: Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

*** GỢI Ý TRẢ LỜI:**

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là:

Câu 2: Ý nghĩa 2 câu thơ:

“ Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm

Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng ”

.....
.....

Câu 3: Tác giả cho rằng:

“Nếu toàn bộ đường đời đều trơn láng

Chắc gì ta đã nhận ra ta ”

.....
.....
.....
.....

Câu 4: Học sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau và trình bày suy nghĩ thấm thía của bản thân về thông điệp ấy:

.....
.....
.....

ĐỀ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau :

*“Bàn thân hương huệ thơm đêm
Khói nhang vẽ nẻo đường lên niết bàn
Chân nhang lấm láp tro tàn
Xăm xăm bóng mẹ trần gian thưở nào ?*

*Mẹ ta không có yếm đào
Nón mê thay nón quai thao đội đầu
Rối ren tay bí tay bầu
Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*

*Cái cò...sung chát đào chua
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời*

*Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết những lời mẹ ru*

*Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao
Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*

(Nguyễn Duy; Thơ Nguyễn Duy - Trần Đăng Khoa tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1998)

Câu 1. Hình ảnh người mẹ được gọi lên qua những chi tiết nào?

Câu 2. Anh/ chị hiểu như thế nào về nghĩa của từ “đi” trong câu thơ sau: “*Ta đi trọn kiếp con người/ Cũng không đi hết những lời mẹ ru*”?

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ trong đoạn thơ sau:

*“Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao”*

Câu 4. Đoạn thơ gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

*** GỢI Ý TRẢ LỜI:**

Câu 1. Hình ảnh người mẹ được gọi lên qua các chi tiết:

.....

Câu 2. Nghĩa của từ đi:

- “Ta đi trọn kiếp con người”: “Đi” nghĩa là

.....

- “cũng không đi hết mấy lời mẹ ru”: “Đi” nghĩa là

=>

.....

Câu 3.

*“Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao”*

- Biện pháp tu từ nhân hóa: “Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm”. Tác giả nhân cách hóa trái bưởi, trái hồng như hình ảnh những đứa trẻ tinh nghịch, hiếu động chơi trò đánh đu giữa trăng rằm. Câu thơ vì thế gợi hình ảnh rất sinh động, ngộ nghĩnh và gợi cảm xúc tuổi thơ trong trẻo.

Câu 4. Học sinh trình bày suy nghĩ của cá nhân, có thể nêu cảm xúc: cảm động và biết ơn sâu sắc trước hình ảnh người mẹ nghèo, lam lũ những hết lòng thương yêu, chăm lo cho con.

ĐỀ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

TRÁI TIM HOÀN HẢO

Có một chàng thanh niên đứng giữa thị trấn và tuyên bố mình có trái tim đẹp nhất vì chẳng hề có một vết hay rạn nứt nào. Đám đông đều đồng ý đó là trái tim đẹp nhất mà họ từng thấy. Bỗng một cụ già xuất hiện và nói: “Trái tim của anh không đẹp bằng trái tim tôi!”. Chàng trai cùng đám đông ngắm nhìn trái tim của cụ. Nó đang đập mạnh mẽ nhưng đầy những vết sẹo. Có những phần của tim đã bị lấy ra và những mảnh tim khác được đắp vào nhưng không vừa khít nên tạo một bề ngoài sần sùi, lởm chởm; có cả những đường rãnh khuyết vào mà không hề có mảnh tim nào trám thay thế. Chàng trai cười nói:

- Chắc cụ nói đùa! Trái tim của tôi hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh chấp vá đầy sẹo và vết cắt.

- Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người mà tôi yêu, không chỉ là những cô gái mà còn là cha mẹ, anh chị, bạn bè, ... Tôi xé một mẩu tim mình trao cho họ, thường thì họ cũng sẽ trao lại một mẩu tim của họ để tôi đắp vào nơi vừa xé ra. Thế nhưng những mẩu tim chẳng hoàn toàn giống nhau, mẩu tim của cha mẹ trao cho tôi lớn hơn mẩu tôi trao lại họ, ngược lại với mẩu tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo ra những nếp sần sùi mà tôi luôn yêu mến vì chúng nhắc nhở đến tình yêu mà tôi đã chia sẻ. Thỉnh thoảng tôi trao mẩu tim của mình nhưng không hề được nhận lại gì, chúng tạo nên những vết khuyết. Tình yêu đôi lúc chẳng cần sự đền đáp qua lại. Dù những vết khuyết đó thật đau đớn nhưng tôi vẫn luôn hi vọng một ngày nào đó họ sẽ trao lại cho tôi mẩu tim của họ, lấp đầy khoảng trống mà tôi luôn chờ đợi.

Chàng trai đứng yên với giọt nước mắt lăn trên má. Anh bước tới, xé một mẩu từ trái tim hoàn hảo của mình và trao cho cụ già. Cụ già cũng xé một mẩu từ trái tim đầy vết tích của cụ trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp nhau, tạo nên một đường lởm chởm trên trái tim chàng trai. Trái tim của anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết vì tình yêu từ trái tim cụ già đã chảy trong tim anh...

(Theo Trí Quyền – *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ TPHCM, 2006)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói sau: “*Tôi xé một mẩu tim mình trao cho họ, thường thì họ cũng sẽ trao lại một mẩu tim của họ để tôi đắp vào nơi vừa xé ra*”

Câu 3: Theo anh/chị, vì sao tác giả cho rằng: “*Tình yêu đôi lúc chẳng cần sự đền đáp qua lại.*”

Câu 4: Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

* GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1: Phương thức biểu đạt

Câu 2:

Câu 3:

- Sự thay đổi về nhận thức của chàng trai.
- Sự cảm động trước tình yêu thương mà cụ già đã dành cho mọi người.
- Trao yêu thương là hạnh phúc

Câu 4: Học sinh có thể chọn 1 thông điệp phù hợp (VD: Thông điệp về cho - nhận, thông điệp về đức hi sinh...) và lý giải vì sao đó là thông điệp ý nghĩa.

ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Con yêu quý của cha, suốt mấy tháng qua con vùi đầu vào mớ bài học thật là vất vả. Nhìn con nhiều lúc mệt ngủ gục trên bàn học, lòng cha cũng thấy xót xa vô cùng. Nhưng cuộc đời là như thế con ạ, sống là phải đối diện với những thử thách mà vượt qua nó. Rồi con lại bước vào kì thi quan trọng của cuộc đời mình với biết bao nhiêu khó nhọc. Khi con vào trường thi, cha chỉ biết cầu chúc cho con được nhiều may mắn để có thể đạt được kết quả tốt nhất. Quan sát nét mặt những vị phụ huynh đang ngồi la liệt trước cổng trường, cha thấy rõ được biết bao nhiêu là tâm trạng lo âu, thôn thức, mong ngóng... của họ. Điều đó là tất yếu vì những đứa con luôn là niềm tự hào to lớn, là cuộc sống của bậc sinh thành.

Con đã tham dự tới mấy đợt dự thi để tìm kiếm cho mình tấm vé an toàn tại giảng đường đại học. Cái sự học khó nhọc không phải của riêng con mà của biết bao bạn bè cùng trang lứa trên khắp mọi miền đất nước. Ngưỡng cửa đại học đối với nhiều bạn là niềm mơ ước, niềm khao khát hay cũng có thể là cơ hội đầu đời, là bước ngoặt của cả đời người. Và con của cha cũng không ngoại lệ, con đã được sự trải nghiệm, sự cạnh tranh quyết liệt đầu đời. Từ nay cha mẹ sẽ buông tay con ra để con tự do khám phá và quyết định cuộc đời mình. Đã đến lúc cha mẹ lui về chỗ đứng của mình để thế hệ con cái tiến lên. Nhưng con hãy yên tâm bên cạnh con cha mẹ luôn hiện diện như những vị cố vấn, như một chỗ dựa tinh thần vững chắc bất cứ khi nào con cần tới.

(Trích “*Thư gửi con mùa thi đại học*”, trên netchunetnguoi.com)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Theo người cha, vì sao *tâm trạng lo âu, thốn thức, mong ngóng của các bậc phụ huynh* khi ngồi la liệt trước cổng trường chờ con thi là tất yếu?

Câu 3. Trước ngưỡng cửa quan trọng của đời người, thái độ của người cha với con được bộc lộ như thế nào qua câu văn “*Từ nay cha mẹ sẽ buông tay con ra để con tự do khám phá và quyết định cuộc đời mình*”.

Câu 4. Ý nghĩa lời dặn của cha đối với con khi đứng trước ngưỡng cửa đại học?

* GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ

Câu 2. *Tâm trạng lo âu, thốn thức, mong ngóng của các bậc phụ huynh* khi ngồi la liệt trước cổng trường chờ con thi là tất yếu là vì.....

Câu 3. Thái độ của người cha với con:

.....
.....

Câu 4. Ý nghĩa lời dặn của cha đối với con: tình yêu thương, trách nhiệm, sự tin tưởng, quan tâm, động viên... của cha đối với con.

CHUYÊN ĐỀ: KĨ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ

1. Kiến thức cơ bản:

a. Phạm vi nghị luận:

- Vấn đề nhận thức: *lí tưởng, mục đích sống...*
- Vấn đề về đạo đức, tâm hồn, tính cách: *lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hòa nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...*
- Vấn đề về các quan hệ gia đình: *tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em...*
- Vấn đề về các quan hệ xã hội: *tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...*
- Vấn đề về cách ứng xử, đối nhân xử thế của con người trong cuộc sống

b. Xác định nội dung, vấn đề cần nghị luận

- Thao tác lập luận: GT, PT, CM, BL,...
- Phạm vi dẫn chứng: doanh nhân, danh nhân, anh hùng lịch sử,...

2. Kĩ năng làm bài:

a. Phân tích đề:

- Đọc kĩ đề (không bỏ sót chữ nào)
- Gạch chân yêu cầu, phạm vi của đề và từ khóa về vấn đề được đặt ra.

- Dùng dấu / để chia các vế của vấn đề (nhất là với dạng đề tổng hợp, cặp đôi)

b. Lập dàn ý:

- * Mở đoạn (câu chủ đề):
 - Dẫn dắt vấn đề (trực tiếp/ gián tiếp)
 - Giới thiệu vấn đề nghị luận (trích ý kiến,... với dạng đề gián tiếp)
- * Phát triển đoạn:
 - Giải thích khái niệm
 - Bàn luận
 - + phân tích (vì sao, tại sao)
 - + bình luận: đúng/sai, vì sao
 - + Phê phán (khen, chê)
- * Kết thúc vấn đề:
 - Bài học nhận thức và phương hướng hành động

3. Bài tập vận dụng:

ĐỀ 1: Từ đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người.**

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Yêu cầu về hình thức:

- Đoạn văn 200 chữ, bố cục ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
- Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu...

2. Yêu cầu về nội dung: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

3. Triển khai vấn đề nghị luận

- **Giải thích:** Trung thực là gì?
- **Bàn luận:** Vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người
 - + Sự trung thực là điều kiện đủ để có được thành công, là yếu tố quan trọng đưa con người đến thành công.
 - + Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài; giúp công việc thuận lợi, các mối quan hệ xã hội trở nên hài hòa.
 - + Sống trung thực sẽ đem đến sự thanh thản trong tâm hồn, giúp con người luôn vui vẻ, thoải mái, từ đó đem đến sự tỉnh táo, sáng suốt khi đưa ra những lựa chọn, những quyết định quan trọng, góp phần tạo nên thành công.
- **Phản đề:** Phê phán những người thiếu trung thực, thay trắng đổi đen...

- Rút ra bài học nhận thức và hành động.

ĐỀ 2: Từ nội dung phần Đọc - hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của *Sự quyết tâm*.

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Yêu cầu về hình thức:

- Đoạn văn 200 chữ, bố cục ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
- Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu...

2. Yêu cầu về nội dung: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

3. Triển khai vấn đề nghị luận

- **Giải thích:** Quyết tâm là sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu không ngừng để đạt được kết quả mà mình mong muốn.

- **Bàn luận:** ý nghĩa của sự quyết tâm.

+ Là ý chí, là nghị lực giúp ta vượt qua được mọi khó khăn, thử thách.

+ Có quyết tâm chúng ta sẽ không dễ nản lòng, chùn bước.

+ Là nguồn năng lượng, là động lực, là cơ sở thôi thúc ta phải hành động, phải thực hiện các mục tiêu đã đặt ra.

+ Giúp ra khắc phục được những hạn chế của bản thân tìm ra con đường đi đúng đắn.

- Dẫn chứng thực tế.

- **Mở rộng:** Có quyết tâm thì con người ta mới có sức mạnh chiến thắng mọi thử thách và vươn tới thành công. Ngược lại nếu thiếu đi quyết tâm bạn sẽ chỉ có được sự chán nản, thất vọng mà thôi.

- Rút ra bài học nhận thức và hành động.

ĐỀ 3: Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống.

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Yêu cầu về hình thức:

- Đoạn văn 200 chữ, bố cục ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
- Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu...

2. Yêu cầu về nội dung: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

3. Triển khai vấn đề nghị luận

– **Giải thích:** Tình yêu thương là.....

.....

– Bàn luận, chứng minh:

Tình yêu thương trong cuộc sống có ý nghĩa:

- + Mang đến cho con người niềm vui, sự ấm áp và hạnh phúc.
- + Làm vơi đi những khổ đau, bất hạnh và khiến cho con người có niềm tin vào cuộc sống.
- + Có khả năng cảm hóa những con người lầm lạc để họ trở thành một người tốt....

– Bài học nhận thức và hành động

.....
.....
.....

Lưu ý: HS có thể có những cách lập luận khác nhau, nhưng nếu đó là những lập luận vững chắc, logic thì đều được chấp nhận.

II. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. Kiến thức cơ bản:

a. Phạm vi nghị luận:

- Đề tài nghị luận thường gắn gũi với đời sống và sát hợp với trình độ nhận thức của học sinh: *tai nạn giao thông, hiện tượng môi trường bị ô nhiễm, đại dịch AIDS, những tiêu cực trong thi cử, nạn bạo hành trong gia đình, phong trào thanh niên tiếp sức mùa thi, cuộc vận động giúp đỡ đồng bào hoạn nạn, những tấm gương người tốt việc tốt...*
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn có tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo lí, cách sống đúng đắn, tích cực đối với học sinh, thanh niên.

b. Xác định nội dung, hiện tượng cần nghị luận

c. Thao tác lập luận: GT (nếu có), PT, CM,...

d. Phạm vi dẫn chứng: trong cuộc sống

2. Kỹ năng làm bài:

a. Phân tích đề:

- Đọc kĩ đề (không bỏ sót chữ nào)
- Gạch chân yêu cầu, phạm vi của đề và từ khóa về hiện tượng được đặt ra

b. Lập dàn ý:

* Mở đoạn (câu chủ đề):

- Dẫn dắt và giới thiệu hiện tượng cần nghị luận

* Phát triển đoạn:

- Giải thích hiện tượng (nếu có)

- **Thùc tr¹ng vĒn Ồ:** phổ biến hay không phổ biến trong cuộc sống.

- **Nguy²n nh©n, hĒu qu¶ (kỐt qu¶)**

+ Nguy²n nh©n: cÇn chó ý tí nguy²n nh©n chñ quan vµ kh, ch quan.

+ HĒu qu¶: Khi ph©n tÝch hĒu qu¶ cÇn chó ý tí c, c ph-ng diỐn: C, nh©n- céng Ắng, hiỐn t¹i, t-ng lai....

- Gi¶i ph, p: (nguy²n nh©n nµo, gi¶i ph, p Ồ ả)

* Kết thúc vấn đề:

- §, nh gi, , b×nh luĒn, bµy tá th, i Ồ é cña ngêi viỐt Ồ èi víi hiỐn tĩng x· héi Ồ ả

- Bµi hăc nhĒn thøc vµ hµnh Ồ éng

3. Bài tập vận dụng:

Ồ: Suy nghĩ cña anh chP vỒ vĒn Ồ b¹o lúc hăc Ồ êng hiỐn nay?

1. Mở đoạn: giới thiệu và dẫn dắt vấn đề

2. Phát triển đoạn

a. Giải thích hiện tượng:

- B¹o lúc hăc Ồ êng lµ nh÷ng hµnh vi th« b¹o, tµn nhĒn, bĒt chĒp c«ng lý, xóc ph¹m, trĒn ,p ngêi kh, c g©y n²n nh÷ng tæen th-ng cho con ngêi trong ph¹m vi trĒng hăc.

- B¹o lúc hăc Ồ êng diỐn ra dñi nhiỒu h×nh thøc: b¹o lúc thÓ x, c vµ b¹o lúc tinh thÇn

b. Thực trạng

- Thùc tr¹ng: B¹o lúc hăc Ồ êng hiỐn nay cũ xu híng gia t¹ng nhanh chăng, ph, t triỐn phøc t¹p, diỐn ra ẽ nhiỒu n-i, do Ồ ả Ồ ang trĒ thµnh mét vĒn n¹n cũa x· héi.

- B¹o lúc hăc Ồ êng diỐn ra dñi nhiỒu biỐu hiỐn phøc t¹p:

+ Xóc ph¹m, l¹ng m¹, sỒ nhôc, chµ Ồ¹p nh©n phĒm, lµm tæen th-ng vỒ mÆt tinh thÇn con ngêi th«ng qua lêi năi.

+ §, nh Ồ Ēp, hµnh h¹ lµm tæen h¹i vỒ søc khăe, x©m ph¹m c- thÓ con ngêi th«ng qua nh÷ng hµnh vi b¹o lúc.

+ Mét bé phĒn nhá thanh ni²n coi Ồ ả lµ thó vui

- HĒu qu¶:

+ Víi n¹n nh©n: Tæn th-ng vÒ thÓ x,c, tinh thÇn, g©y t©m Ý nÆng nÒ ¶nh häng ®Ön cuéc sèng, hác tËp.

+ Víi x· héi: T¹o t©m lý bÊt æn, lo l³/₄ng, hoang mang

+ Víi ngêi g©y ra hµnh vi b¹o lúc: Con ngêi ph,t triÓN kh«ng toµn diÖn; mÇm mæng cña téi ,c; lµm háng t-ng lai cña chÝnh m×nh; bP mãi ngêi l²n ,n, xa l,nh, c"m ghÐt.

- *Nguy²n nh©n*:

+ Sù ph,t triÓN thiÖu toµn diÖn, thiÖu hôt vÒ nh©n c, ch, thiÖu kh¶ n"ng kiÓm so,t hµnh vi øng xö cña b¶n th©n, thiÖu kÜ n"ng sèng, sai lÖch trong quan ®iÓm sèng.

+ Cã nh÷ng c"n bÖnh t©m lý

+ Do ¶nh häng cña m«i trêng v"n hãa b¹o lúc tở cuéc sèng vµ phim ¶nh.

+ ThiÖu sù quan t©m cña gia ®×nh

+ Sù gi, o dộc trong nhµ trêng: nÆng vÒ d¹y kiÖn thóc v"n hãa, cha thËt chó träng d¹y kÜ n"ng sèng cho hác sinh.

+ X· héi cha cã sù quan t©m ®óng m¸c, cha cã nh÷ng gi¶i ph,p thiÖt thùc, ®ång bé, triÖt ®Ó.

- *Gi¶i ph,p*:

+ CÇn cã nh÷ng gi¶i ph,p ®ång bé. CÇn phèi hìp chÆt chỉ gi÷a gia ®×nh, nhµ trêng vµ x· héi trong viÖc gi, o dộc hác sinh.

+ T"ng cêng gi, o dộc ®¹o ®øc, d¹y kÜ n"ng sèng, v-n tí nh÷ng gi, trP ch©n thiÖn, mü.

3. Kết thúc vấn đề:

- Bản thân mỗi người cần có quan điểm nhận thức hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp. Vậy cần đấu tranh, tố cáo những hành vi bạo lực để môi trường giáo dục trở lại đúng nghĩa.

ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Có những ngã ba nối những dòng sông lớn của một đại châu; sóng dựng trùng trùng;

Có những ngã ba nối những con đường dài chạy từ các thủ đô to

Như những mạch máu khổng lồ

Trên thân hình Trái Đất

Trong đó mỗi con người là một hạt hồng cầu đỏ chói

Có những ngã ba là nơi gặp gỡ của những dòng văn minh lớn, đông, tây, kim, cổ...

Tất cả những ngã ba trên con có thể học biết (trong sách địa dư, trên bản đồ)

Mai sau lớn lên con có thể đến thăm và chụp ảnh nữa...

Xong rồi con có thể quên...

Nhưng con ơi, chớ quên ngã ba Đồng Lộc.*

(Trích *Ngã ba Đồng Lộc*, Huy Cận, NXB Chính trị quốc gia, 2009)

* **Ngã ba Đồng Lộc:** di tích lịch sử tại huyện Can Lộc (Hà Tĩnh), gắn liền với việc 10 nữ Thanh niên xung phong Tiểu đội 4, Đại đội 552 đã anh dũng hi sinh trong lúc đang làm nhiệm vụ thông đường cho xe ra tiền tuyến năm 1968.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Theo anh/chị, hình ảnh xuyên suốt giữ vai trò kết nối các câu trong đoạn thơ là gì?

Câu 3. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ điệp cấu trúc được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Có những ngã ba nối những dòng sông lớn của một đại châu; sóng dựng trùng trùng;

Có những ngã ba nối những con đường dài chạy từ các thủ đô to

Như những mạch máu khổng lồ

Trên thân hình Trái Đất

Câu 4. Lời thơ sau gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Mai sau lớn lên con có thể đến thăm và chụp ảnh nữa...

Xong rồi con có thể quên...

Nhưng con ơi, chớ quên ngã ba Đồng Lộc.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: *Lớp trẻ ngày hôm nay cần làm gì để xứng đáng với sự hi sinh của thế hệ cha anh?*

HƯỚNG DẪN CHẤM

		Nội dung	Điểm
--	--	----------	------

Phần	Câu	ĐỌC HIỂU	3.0
Đọc hiểu	1	<p>Thể thơ: Tự do</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng thể thơ “tự do”: không cho điểm 	0.75
	2	<p>Hình ảnh xuyên suốt giữ vai trò kết nối các câu trong đoạn thơ là: <i>những ngã ba đường/những ngã ba.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng hoặc không trả lời: không cho điểm 	0.75
	3	<p>* HS có thể chỉ ra biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc: “<i>Có những ngã ba nói những...</i>”</p> <p>* Hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm tăng sức gợi hình gợi cảm, tạo nhịp điệu cho lời thơ. - Nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của những ngã ba đường đối với sự lưu thông, nối liền giữa các nước trên trái đất. Qua đó, bộc lộ niềm tự hào của tác giả. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án : 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được ý phát hiện và 01 ý hiệu quả : 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 01 trong 02 ý (phát hiện hoặc hiệu quả): 0,5 điểm. 	1.0
	4	<p>HS có thể đưa ra nhiều suy nghĩ. Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ, biết ơn công lao của những thế hệ đi trước đã chiến đấu, hi sinh vì dân tộc. - Ý thức, trách nhiệm đối với đất nước. - Tự hào về truyền thống lịch sử, tinh thần yêu nước của dân tộc. - Lý tưởng sống của thế hệ thanh niên. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh bày tỏ rõ ràng, thuyết phục: 0,5 điểm - Học sinh bày tỏ chưa rõ ràng, chưa thuyết phục: 0,25 điểm. 	0.5

Làm văn	1	Viết đoạn văn để trả lời câu hỏi: <i>Lớp trẻ ngày hôm nay cần làm gì để xứng đáng với sự hi sinh của thế hệ cha anh?</i>	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i>	
		Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25
		Lớp trẻ ngày hôm nay cần làm gì để xứng đáng với sự hi sinh của thế hệ cha anh?	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	
		Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ lớp trẻ ngày hôm nay cần làm gì để xứng đáng với sự hi sinh của thế hệ cha anh. Có thể theo hướng sau:	1.0
		- Trước sự hi sinh của thế hệ cha anh, thế hệ trẻ hôm nay cần nhận thức rõ ràng về trách nhiệm, vai trò to lớn của mình trong việc bảo vệ, gìn giữ đất nước, phát huy truyền thống vẻ vang của cha anh;	
		- Mỗi người trẻ cần học tập, tu dưỡng để trưởng thành, từ đó sẵn sàng đóng góp công sức xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước; cùng hòa nhập với thế giới nhưng không đánh mất bản sắc của dân tộc.	
		Hướng dẫn chấm:	
		- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i>	
		- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i>	
		- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i>	
		<i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0.25

	<p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0.25

CHUYÊN ĐỀ:

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Phần I: NLVH VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

NLVH về một đoạn thơ, bài thơ thường có các nội dung sau:

- Giới thiệu khái quát về đoạn thơ, bài thơ.
- Bàn về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.
- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.

1. Yêu cầu:

- Đọc kỹ một đoạn thơ, bài thơ: nắm vững hoàn cảnh, nội dung, vị trí,...
- Đoạn thơ có những hình ảnh, ngôn ngữ gì đặc biệt.
- Đoạn thơ, bài thơ thể hiện phong cách nghệ thuật, tư tưởng tình cảm của tác giả như thế nào?

2. Các bước tiến hành

a. Tìm hiểu đề:

- Đọc kỹ đề, xác định nội dung nghị luận trong bài thơ, đoạn thơ
- Xác định thao tác lập luận
- Phạm vi dẫn chứng.

b. Tìm ý: có nhiều cách tìm ý:

- Tìm ý bằng cách lập câu hỏi: tác phẩm hay ở chỗ nào? Cái hay thể hiện ở hình thức nghệ thuật nào? Hình thức đó được xây dựng bằng những thủ pháp nào?

- Tìm ý bằng cách đi sâu vào những hình ảnh, từ ngữ, tầng nghĩa của tác phẩm...

c. Lập dàn ý:

* Mở bài

- Giới thiệu tác giả, giới thiệu bài thơ, đoạn thơ (hoàn cảnh sáng tác, vị trí,...)
- Dẫn dắt bài thơ, đoạn thơ.

* Thân bài:

- Làm rõ nội dung tư tưởng, nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ (dựa theo các ý tìm được ở phần tìm ý)
- Bình luận về vị trí của đoạn thơ, bài thơ.

* Kết bài:

Đánh giá vai trò và ý nghĩa đoạn thơ, bài thơ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng và phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

3. Ví dụ:

Đề 1: Phân tích hình ảnh người lính Tây Tiến trong đoạn thơ:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

.....

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Dàn ý:

* Mở bài:

- Giới thiệu vài nét chính về Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến.
- Giới thiệu đoạn thơ (chép lại).

* **Thân bài** cần phân tích mấy ý chính: Hình ảnh người lính Tây Tiến hiện lên qua đoạn thơ với:

- **Diện mạo khác thường**, dáng vẻ oai phong dữ dội: “đầu không mọc tóc”, “xanh màu lá”, “dữ oai hùng”, “mắt trừng” → Người lính với căn bệnh sốt rét hiểm nghèo, cuộc sống sinh hoạt thiếu thốn làm tóc rụng, da xanh xao, nhưng ngòi bút lãng mạn của nhà thơ đã phủ lên hiện thực khắc nghiệt ấy một màn sương mờ ảo, làm cho sự gian khổ dường như giảm đi. Trong gian nan thử thách, dáng dấp người lính vẫn toát lên khí phách làm kinh sợ kẻ thù.

- **Tâm hồn lãng mạn**: hướng về Hà Nội với những “dáng kiêu thơm”.

Đoàn quân Tây Tiến gồm những chàng trai vừa xếp bút nghiên, bỏ lại Hà Nội sau lưng, sẵn sàng chiến đấu cho Tổ quốc, nhưng bản chất hào hoa của người lính Hà thành vẫn có chỗ cho một “dáng kiêu thơm”.

- **Sự hi sinh bi tráng**:

+ chẳng tiếc đời xanh, áo bào (mỹ từ) thay chiếu, về đất (nói giảm), sông Mã gầm lên (nhân hoá);

+ biên cương, mờ viễn xứ, chiến trường, khúc độc hành: những từ Hán Việt gợi không khí trang trọng, cổ kính. Chân dung người lính Tây Tiến phảng phất hình bóng tráng sĩ thời xa xưa.

Bằng bút pháp lãng mạn trên cơ sở hiện thực, Quang Dũng đã khắc hoạ bức chân dung người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa và sự hi sinh bi tráng với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, một phẩm chất người lính bộ đội cụ Hồ.

* Kết bài:

Tây Tiến là thi phẩm xuất sắc của nền thơ Việt Nam từ sau 1945 đến nay. Dù đã ra đời đến nay hơn 70 năm nhưng thời gian càng làm sáng lên vẻ đẹp và giá trị bền vững của bài thơ trong lòng người đọc về người lính Cụ Hồ.

Phần II: NLVH VỀ MỘT TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

NLVH một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi gồm các kiểu bài cơ bản dưới đây:

1. Nghị luận về một tình huống truyện trong tác phẩm, trích đoạn văn xuôi.

** Mở bài:*

- Giới thiệu về tác giả, vị trí văn học của tác giả (có thể nêu phong cách).
- Giới thiệu về tác phẩm (đánh giá sơ lược về tác phẩm)
- Nêu nhiệm vụ nghị luận.

** Thân bài*

- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác

Tình huống truyện: tình huống truyện giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại. Nó là cái hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt, khiến tại đó cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất, ý đồ tư tưởng của tác giả thể hiện đậm nét nhất.

- Phân tích các phương diện cụ thể của tình huống và ý nghĩa của tình huống đó.
- + Tình huống 1... ý nghĩa và tác dụng đối với tác phẩm
- + Tình huống 2... ý nghĩa và tác dụng đối với tác phẩm
- Bình luận về giá trị của tình huống.

** Kết bài:*

- Đánh giá ý nghĩa vấn đề đối với sự thành công của tác phẩm
- Cảm nhận của bản thân về tình huống đó.

2. Nghị luận về một nhân vật, nhóm nhân vật trong tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

** Mở bài*

- Giới thiệu về tác giả, vị trí văn học của tác giả. (có thể nêu phong cách)
- Giới thiệu về tác phẩm (đánh giá sơ lược về tác phẩm), giới thiệu nhân vật.
- Nêu nhiệm vụ nghị luận.

** Thân bài:*

- Giới thiệu hoàn cảnh xuất hiện của nhân vật.
- Phân tích ngoại hình (nếu có), các biểu hiện tính cách, phẩm chất nhân vật (chú ý các sự kiện chính, các biến cố, tâm trạng, thái độ nhân vật...)
- Đánh giá về nhân vật đối với tác phẩm

** Kết bài:*

- Đánh giá nhân vật đối với sự thành công của tác phẩm, của văn học dân tộc.

- Cảm nhận của bản thân về nhân vật đó.

3. Ví dụ:

Đề 1: *Phân tích tình huống truyện được Nguyễn Minh Châu xây dựng trong Chiếc thuyền ngoài xa*

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả tác phẩm và nêu bật được tình huống truyện độc đáo trong tác phẩm là gì.

II. Thân bài

1. Định nghĩa tình huống truyện:

- Là hoàn cảnh được tác giả tạo dựng bằng một sự kiện đặc biệt để từ đó thể hiện được chủ đề, tư tưởng của tác giả.

2. Phân tích tình huống truyện trong "Chiếc thuyền ngoài xa"

Tình huống truyện trong "*Chiếc thuyền ngoài xa*" được xây dựng qua việc phát hiện ra những nghịch lí của Phùng, một nghệ sĩ nhiếp ảnh sẵn tìm cái đẹp ở ngoài bãi biển và ở toà án huyện

– Ở ngoài bãi biển:

+ Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng: Bức tranh thiên nhiên toàn bích của chiếc thuyền lưới vó đang tiến gần bờ trong buổi sớm mai "trước mắt tôi là một bức tranh mực tàu... tôi tưởng chính mình vừa khám phá cái chân lí của sự hoàn thiện...". Trong đôi mắt người nghệ sĩ khát khao cái đẹp thì đó là "cảnh đất trời cho" chứa đựng chân lí sự hoàn thiện, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.

+ Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí, phi nghệ thuật: Cảnh tượng xấu xí: người đàn bà xấu xí, mệt mỏi, người đàn ông cục mịch, hung bạo. Thiếu tính người: người chồng đánh đập vợ thô bạo, đưa con bảo vệ mẹ, đánh lại cha => Người nghệ sĩ cay đắng nhận ra: đằng sau cái đẹp cảnh "đất" trời cho là khung cảnh xấu xí, chứa đựng sự thật tàn nhẫn - nạn bạo hành gia đình.

– Trong toà án huyện:

+ Người đàn bà dù bị đánh đập, bị nguyên rửa mỗi ngày bởi người chồng vũ phu nhưng khi tòa khuyên bà bỏ chồng thì bà lại van xin "*quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó*". Với bà "*người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông*" là rất khó khăn. Dù người đó có vũ phu thì cũng cần đến những lúc sóng gió ngoài biển khơi.

+ Niềm vui của bà là được ngắm con cái ăn no, ngủ say và chờ đợi những đôi lúc "vợ chồng con cái hòa thuận vui vẻ", người đàn bà trên thuyền sống vì con.

+ Câu chuyện người đàn bà khiến Phùng và Đầu một lần nữa nhận thức sâu hơn về cuộc đời:

* Cuộc sống mưu sinh có thể làm người hiền lành trở nên thô bạo

* Đằng sau vẻ xấu xí kia thì người đàn bà lại nhân hậu, vị tha, hiểu đời

* Vị chánh án nhận ra cuộc sống hôn nhân không dễ dàng giải quyết được bằng cách dứt khoát như anh nghĩ.

* Nhà nhiếp ảnh nhận ra nghệ thuật thì đẹp đấy nhưng cuộc đời sinh ra nghệ thuật vẫn nhiều khiếm khuyết. Hình thức bên ngoài của người đàn bà không nói lên được lòng vị tha, nhân hậu và nỗi đau bên trong. Người cán bộ đôi khi lại chưa thể thấu hiểu vì còn thiếu trải nghiệm.

3. Ý nghĩa tình huống truyện:

– Tư tưởng và chủ đề của tác phẩm được thể hiện qua tình huống truyện: Đó là những phát hiện sâu sắc của người nghệ sĩ về cuộc đời, con người, sự gắn kết giữa nghệ thuật và đời sống.

+ Cuộc đời vốn là bức tranh nhiều màu sắc, nhiều nghịch lý mà khi nhìn vẻ bề ngoài khó lòng mà đánh giá. Từ cái nhìn của chánh án Đầu, tác giả cho ta cái nhìn đa chiều, toàn diện.

+ Đôi khi thiện chí không là chưa đủ để giúp đỡ ai đó, cần phải gắn liền với thực tế để trải nghiệm, thấu hiểu họ.

+ Mỗi chúng ta cần nhìn lại bản thân để hoàn thiện nhân cách.

+ Nghệ thuật không thể tách rời cuộc đời, nó phải có cội rễ từ đời sống và phản ánh đời sống chân thật nhất.

– Tình huống truyện còn mang ý nghĩa nền tảng để nhà văn xây dựng thành công nhân vật:

+ Người đàn bà hàng chài với nỗi khổ cả thể xác lẫn tâm hồn thế nhưng vẫn ngời lên đức tính tốt đẹp của người phụ nữ.

+ Người chồng là kết quả của cuộc sống túng thiếu, bế tắc

+ Phùng – người nghệ sĩ tha thiết với cuộc đời, Đầu - chánh án có lòng tốt nhưng cả hai còn thiếu kinh nghiệm sống.

– Tình huống truyện còn lôi cuốn người đọc bởi nhiều sự vỡ ra, bất ngờ.

– Tình huống truyện chứa đựng giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc của nhà văn:

+ Giá trị hiện thực: Cuộc sống đói nghèo lạc hậu tăm tối là nguyên nhân dẫn tới nạn bạo hành gia đình. Cuộc chiến đấu bảo vệ quyền sống của cả dân tộc trải qua bao hi sinh gian khổ nhưng cuộc đấu tranh bảo vệ quyền sống của từng con người còn đầy cam go, lâu dài, cần có sự quan tâm của cách mạng, của cộng đồng

+ Giá trị nhân đạo: Sự chia sẻ cảm thông của tác giả với những số phận đau khổ tủi nhục của những người lao động vô danh đông đảo trong xã hội. Lên án, đấu tranh với cái xấu, cái ác vẫn còn tồn tại trong từng gia đình. Phát hiện, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người lao động.

III. Kết bài

- Tình huống truyện là một thành công lớn của truyện ngắn nói chung và của tác phẩm “*Chiếc thuyền ngoài xa*” nói riêng.

- Với tình huống truyện độc đáo sẽ tạo ra tài năng của tác giả.

Đề 2: Phân tích nhân vật Mị trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” của nhà văn Tô Hoài.

I. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.
- Dẫn dắt nhân vật Mị.

II. Thân bài:

1. Nhân vật Mị trước khi về làm dâu

- Mị là một cô gái dân tộc Mèo, xinh đẹp và tài giỏi, có đời sống nội tâm và khát vọng tự do, có tài thổi sáo “thổi lá cũng hay như thổi sáo có biết bao nhiêu người mê”
- Là con người hiếu thảo, chăm chỉ. Mị đã từng yêu, từng được yêu, luôn khao khát đi theo tiếng gọi của tình yêu
- Vì hoàn cảnh gia đình quá nghèo nên cô đã phải làm dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá tra.

2. Cuộc sống của Mị khi ở nhà Thống lí Pá Tra

- Để cứu nạn cho cha, cô đã phải làm dâu để gạt nợ, với danh nghĩa là con dâu, nhưng thực chất là tôi tớ. Khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra Mị bị “cúng trình ma” nhà thống lí, bị bóc lột sức lao động, “không bằng con trâu con ngựa”, “đàn bà con gái trong cái nhà này chỉ biết vùi đầu vào công việc”, bị đày đọa, bị đánh, bị phạt, bị trói...
- Không chỉ bị hành hạ về thể xác, Mị còn bị đầu độc bởi chế độ thần quyền, dưới chế độ quan lại miền núi trước cách mạng, sức mạnh thần quyền thật đáng sợ, nó trói buộc con người ta trong vô thức làm cho họ trở nên tê liệt về ý thức và không biết phản kháng.
- Sự hành hạ về thể xác, đầu độc bởi chế độ thần quyền khiến cho Mị bị rơi vào tình trạng mê muội mê mẩn, Mị đã sống trong một môi trường cô đơn không tình người tăm tối, ngột ngạt, căn buồng của Mị ở chính là địa ngục trần gian. Mị dần trở nên chai sạn với nỗi đau, một cô gái lúc nào cũng vậy dù quay sợi, thái cỏ ngựa, ... đều cúi mặt “mặt buồn rười rượi”, không quan tâm đến thời gian “lỡ vuông bằng bàn tay ... không biết là sương hay nắng”.
- Mị sống lầm lũi “như con rùa nuôi trong xó cửa”, “ở lâu trong cái khổ Mị quen rồi”

3. Sức sống tiềm tàng của Mị

- Bị đày đọa, bị bóc lột, nhưng trong Mị vẫn có một sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Trong đêm hội mùa xuân ở Hồng Ngài, người đọc vẫn nhận ra một cô Mị đầy khát vọng, sức sống của Mị đã trỗi dậy.
- Cuộc sống bên ngoài với âm thanh (tiếng trẻ con chơi quay, tiếng sáo gọi bạn tình, ...) tất cả đã ùa vào tâm trí Mị, đánh thức những kỉ niệm trong quá khứ của Mị. Mị lầm nhảm lời bài hát, Mị ý thức được sự tồn tại của bản thân “thấy phơi phới trở lại”, “Mị còn trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn được đi chơi”...
- Tinh thần phản kháng mạnh mẽ: lấy miếng mỡ để thắp sáng lên căn phòng tối, nổi loạn muốn “đi chơi tết” chấm dứt sự tù đày. Khi A Sử trói, lòng Mị vẫn lừng lơ theo tiếng sáo, tiếng hát của tình yêu đến những đám chơi. Lúc vùng dậy cô chợt tỉnh trở về với hiện thực.

4. Thoát khỏi cuộc đời khổ cực

– A Phủ vì làm mất bò nên đã bị phạt trói, ban đầu Mị dửng dưng, nhưng khi thấy giọt nước mắt của A Phủ đã khiến Mị đồng cảm, chợt nhớ đến hoàn cảnh của mình trong quá khứ. Mị lại biết thương mình và thương cho kiếp người bị đày đọa.

– Bất bình trước tội ác của cha con nhà Thống lí, Mị đã cắt dây đay cởi trói cho A Phủ. Mị sợ sau khi cắt dây cho A Phủ cô sẽ bị nhà Thống lí xử tội, Mị sợ cái chết, sợ cái khổ, cô chạy theo A Phủ tìm lối thoát để vượt ra khỏi địa ngục trần gian, và để giải thoát chính mình.

5. Nghệ thuật

– Tác giả đã rất thành công trong việc xây dựng hình tượng nhân vật, đặc biệt là ở phương diện miêu tả tâm lí Mị và A Phủ

– Tái hiện cuộc sống và vẻ đẹp thiên nhiên, phong tục tập quán của người dân miền núi Tây Bắc

– Tác phẩm đã xây dựng được tình huống truyện đặc sắc. Tác phẩm đã phơi bày những sự tàn bạo, bất nhân của giai cấp thống trị miền núi. Ngoài ra, tác phẩm còn thể hiện được khát vọng sống, sống một cách đúng nghĩa, sống như một con người của những người lương thiện như Mị và A Phủ.

III. Kết bài

– Với việc xây dựng hình tượng nhân vật Mị, Tô Hoài khắc họa rất rõ cuộc sống của những người dân nghèo miền núi trước khi có ánh sáng của Đảng, đồng thời lên án sự thống trị, chuyên quyền độc đoán của giai cấp thống trị thời bấy giờ.

CHUYÊN ĐỀ:

RÈN LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI TRONG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

PHẦN I: CÁCH MỞ BÀI:

I. CÁC VẤN ĐỀ CẦN KHÁI QUÁT TRONG PHẦN MỞ BÀI

* Cần nêu được những nét đặc sắc nhất về tác giả, tác phẩm, Vị trí của tác giả trong nền văn học hoặc trong các giai đoạn lịch sử, Phong cách sáng tác, Đề tài tiêu biểu.

* Sau đó, dẫn dắt từ đề tài, chủ đề, sau đó đến tác phẩm. Tiếp đến là dẫn đến đoạn thơ/ đoạn văn.

II. CÁC CÁCH MỞ BÀI: TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

1. Mở bài trực tiếp

- Ưu điểm: Dễ, an toàn, tiết kiệm thời gian.

- Hạn chế: Không ấn tượng.

2. Mở bài gián tiếp

- Ưu điểm: Sắc sảo, ấn tượng.

- Hạn chế: Đòi hỏi kiến thức cao, mất nhiều thời gian, dễ lan man.

VD: Cảm nhận của anh/chị về bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.

Mở bài trực tiếp:

Quang Dũng là một người nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh, soạn nhạc... nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ tinh tế, lãng mạn, tài hoa. Là nhà thơ của “*xứ Đoài mây trắng*”, thơ Quang Dũng giàu chất nhạc, chất họa. Ông rất thành công với những bài thơ viết về người lính, trong đó có bài “*Tây Tiến*”.

Mở bài gián tiếp:

Có những “bài ca không bao giờ quên”, cũng có những năm tháng chiến tranh không phai mờ trong ký ức. Cùng với khí thế sôi sục của những năm mưa bom bão đạn, văn học, với sứ mệnh thiêng liêng của nó đã khắc tạc một cách sống động tượng đài của những chiến sĩ anh hùng kiên trung. Để ngày hôm nay lòng ta không khỏi bồi ngùi xúc động khi đọc lên những câu thơ bất hủ trong áng thơ *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng.

Luyện tập:

Đề: Hãy viết phần mở bài cho đề bài sau:

Phân tích đoạn văn mở đầu tác phẩm “*Tuyên ngôn Độc lập*” của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh (1890 - 1969) không chỉ là Lãnh tụ vĩ đại, nhà lãnh đạo xuất sắc của Cách mạng Việt Nam mà còn là một tác gia lớn của nền văn học dân tộc, thành công trên nhiều thể loại văn chính luận, truyện ký, thơ ca và ở thể loại nào cũng có những tác phẩm xuất sắc mẫu mực. *Tuyên ngôn Độc lập* chính là dẫn chứng hùng hồn chứng tỏ Người là một cây bút xuất sắc mẫu mực ở thể loại văn chính luận. Trong đó, đoạn mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ tư tưởng và tài năng của Người.

PHẦN II: CÁCH KẾT BÀI

1. Lưu ý khi viết kết bài:

- Phần kết bài có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá vấn đề đặt ra ở mở bài và đã giải quyết ở thân bài. Phần này góp phần tạo tính hoàn chỉnh, trọn vẹn cho bài văn. Tùy mục đích nghị luận, người viết có thể sử dụng một trong các cách kết bài sau đây:

+ **Kết bài bằng cách tóm lược:** Là kiểu kết bài mà ở đó người viết tóm tắt quan điểm, tổng hợp những ý chính đã nêu ở thân bài. Cách kết bài này dễ viết hơn và thường được sử dụng nhiều hơn.

+ **Kết bài bằng cách bình luận mở rộng và nâng cao:** Là kiểu kết bài trên cơ sở quan điểm chính của bài viết, bằng liên tưởng, vận dụng, người viết phát triển, mở rộng nâng cao vấn đề.

2. Ví dụ:

Đề 1: Phân Tích Diễn Biến Tâm Trạng Nhân Vật Bà Cụ Tứ Trong Tác Phẩm Vợ Nhặt Của Kim Lân

Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân, là tác phẩm giàu giá trị hiện thực, nhân đạo; là bài ca về tình người ở những người nghèo khổ, ca ngợi niềm

tin bất diệt vào tương lai tươi sáng của con người. Truyện xây dựng thành công hình tượng nhân vật bà cụ Tứ, một người mẹ nghèo khổ mà ấm áp tình thương, niềm hi vọng, lạc quan qua cách dựng tình huống truyện và dẫn truyện độc đáo, nhất là ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, khiến tác phẩm mang chất thơ cảm động và hấp dẫn.

Đề 2: Từ cuộc đời của các nhân vật phụ nữ trong hai tác phẩm “Vợ nhặt” (Kim Lân) và “Vợ chồng A Phủ” (Tô Hoài), anh (chị) hãy phát biểu suy nghĩ của mình

về số phận người phụ nữ xưa và nay

Như vậy, các nhân vật nữ trong hai tác phẩm “Vợ nhặt” và “Vợ chồng A Phủ” có nhiều điểm chung. Họ đều là những người phụ nữ có số phận bất hạnh, cơ cực nhưng trong tâm hồn họ đều tiềm tàng một sức sống và ý thức vươn lên. Người phụ nữ ngày nay có nhiều khác biệt, họ đã biết khẳng định vị trí của mình trong xã hội và càng ngày càng vươn tới những đỉnh cao mới.

KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ

Hãy viết phần mở bài và kết bài cho đề bài sau: *Phân tích hình tượng người lái đò sông Đà trong đoạn trích sau...*

Gợi ý:

MB: Tuỳ bút “Người lái đò sông Đà” là một trong những tác phẩm đặc sắc của Nguyễn Tuân được in trong tập Sông Đà (1960). Viết tuỳ bút này, Nguyễn Tuân tự coi mình là người đi tìm cái “thứ vàng mười” của núi rừng Tây Bắc và nhất là cái thứ vàng mười trong những con người đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng quê hương. Chất vàng mười ấy chính là vẻ đẹp người lái đò sông Đà. Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, người lái đò vừa là người anh hùng vừa là người nghệ sỹ tài hoa trong nghề của mình, trong đó nổi bật là đoạn văn: “...”.

KB: Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, “Người lái đò sông Đà” không chỉ ngợi ca vẻ đẹp kì vĩ thơ mộng của thiên nhiên Tây Bắc mà dường như còn ca ngợi vẻ đẹp bình dị, anh hùng mà tài hoa của người dân lao động nơi đây. Tác phẩm là áng văn đẹp được tạo nên từ tình yêu đất nước của một con người muốn dùng văn chương để ngợi ca vẻ đẹp kì vĩ, thơ mộng của thiên nhiên và con người Tây Bắc. Và cứ thế, dòng sông Đà vẫn chảy, vẫn rền rĩ âm ào còn tên tuổi Nguyễn Tuân vẫn mãi lưu dấu trong lòng độc giả bao thế hệ.

CHUYÊN ĐỀ: TÁC PHẨM THƠ

1. TÂY TIẾN – QUANG DŨNG

I. Tác giả Quang Dũng

- Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh ...Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ.
- Là một trong những nhà thơ xuất sắc của thi ca Việt Nam hiện đại
- Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa.

II. Hoàn cảnh sáng tác

Cuối 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, nhớ về Tây Bắc và đồng đội trong đoàn quân Tây Tiến, Quang Dũng viết bài thơ Tây Tiến (lúc đầu bài thơ có tên Nhớ Tây Tiến).

III. Đọc - hiểu văn bản:

1. Thiên nhiên núi rừng Tây Bắc gắn với những cuộc hành quân (khổ 1)

a. Nỗi nhớ Tây Tiến:

- Các địa danh: Sông Mã, Sài Khao, Mường Lát, Mường Hịch, Pha Luông, Mai Châu.
- “Nhớ chơi vơi”:
- Từ biểu cảm *ơi* + từ láy *chơi vơi* tạo âm hưởng
- Nỗi nhớ Tây Tiến da diết.....

b. Bức tranh thiên nhiên Tây Bắc:

- Sài Khao sương lấp, Mường Lát hoa về trong đêm hơi:

- *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*: từ láy mang giá trị tạo hình gợi lên sự hiểm trở, độ cao ngất trời của đèo dốc.

- *Heo hút cồn mây- Súng ngửi trời*:

- *Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*: câu thơ như bẻ đôi, diễn tả dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên chót vót, nhìn xuống thăm thẳm.

- *Pha Luông, mưa xa khơi*:

.....

.....

- *Thác gầm thét, cọp trêu người*: nguy hiểm luôn rình rập, rừng núi chứa đầy bí ẩn...

→ *Bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng*

.....

.....

c. Những cuộc hành quân:

- *Không bước nữa, bỏ quên đời*:

+ Vất vả, hiểm nguy nhiều người lính kiệt sức và đã ngã xuống, cách nói hài hước, dí dỏm, xem thường cái chết của người lính.

+ Cách nói giảm, nói tránh làm giảm bớt sự đau thương, mất mát của người lính.

- *Mùa em thơm nếp xôi*:

+

.....

+

.....

→ *Những cuộc hành quân đầy những*

.....

.....

2. Cảnh liên hoan doanh trại và thiên nhiên sông nước Tây Bắc (khổ 2)

a. Cảnh đêm liên hoan:

- *Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*: ánh sáng lung linh, bập bùng lửa đuốc được liên tưởng như những ngọn nến trong đêm tân hôn tình tứ, lãng mạn. của

- *Kìa em*: cái nhìn vừa

- *Khèn, man điệu, xiêm áo tự bao giờ*: những cô gái hiện lên với bộ xiêm lộng lẫy, nhảy múa ca hát, chơi nhạc cụ dân tộc đậm chất văn hóa xứ Viên Chăn.

- *Nàng e ấp*: tâm trạng vừa

.....

→ Cảnh đêm liên hoan ở doanh trại thật vui vẻ, tưng bừng, cảnh vừa thực vừa mộng,

đầy chất thơ và nhạc.

b. Cảnh sông nước:

- *Chiều sương ấy - hồn lau nẻo bến bờ*: buổi chiều sương giăng trên sông nước, bến bờ hư ảo, hoang vu, lạnh ngắt như tờ.

- *Dáng người trên độc mộc*:

- *Hồn lau nẻo bến bờ*: hình ảnh hoa lau mang tính hư ảo, với tâm trạng nhớ nhung da diết nhà thơ nắm được hồn lau nẻo bến bờ.

- *Hoa đong đưa*:

- *Có nhớ, có thấy*: khẳng định quy luật tình cảm khi ở gần thì thương, ở xa thì nhớ.

→ *Cảnh sông nước miền Tây Bắc chiều Châu Mộc*

3. Hình ảnh người lính Tây Tiến (khổ 3)

a. Ngoại hình, tâm hồn:

- *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*:

+ Căn bệnh sốt rét hành hạ thể xác người lính, tóc rụng gần hết, để dễ dàng chiến đấu khi sập lá cà với địch, người lính đã chủ động cạo trọc đầu đi.

+ Từ *không* cho thấy người lính luôn ở tư thế làm chủ hoàn cảnh.

- *Quân xanh màu lá dữ oai hùm*:

+ Bệnh sốt rét làm cho da người lính xanh xao, bủng như lá cây, dù ốm yếu nhưng họ vẫn oai phong, lẫm liệt.

+ Màu xanh lá cây còn là sự nguy trang khi chiến đấu với kẻ thù, trên mình được che những nhánh cây rừng, một hình ảnh rất đặc trưng của người lính khi chiến đấu.

- *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/ Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*:

+

+

+

→ *Ngoại hình, tâm hồn của người lính Tây Tiến được khắc họa hiện thực với cảm hứng hiện thực và bút pháp lãng mạn: dùa bệnh tật, đói khát hoành hành nhưng người lính vẫn có trái tim*

b. Sự hi sinh:

- *Rải rác biên cương mồ viễn xứ*:

+ Tác giả không tránh né sự thật, trong chiến đấu đã có rất nhiều người lính hi sinh, ngã xuống.

+ Từ Hán Việt làm giảm nhẹ

- *Chẳng tiếc đời xanh:*

+ Phần lớn họ là những người trẻ tuổi, thanh niên, sinh viên; cuộc đời và tương lai còn dài nhưng họ đã tự nguyện vào chiến trường.

+ Họ tự nguyện hi sinh tính mạng vì

- *Áo bào thay chiếu anh về đất:*

+ Từ Hán Việt và biện pháp nói giảm nói tránh để giảm nhẹ sự đau thương. *Áo bào* thể hiện sự tôn vinh, tôn kính đối với anh hùng dân tộc.

+ *Về đất* là quan niệm cái chết nhẹ nhàng,

- *Sông Mã gầm lên khúc độc hành:* sự hi sinh của người lính làm cảm động cả núi sông, đất trời, tiếng gầm thác dữ đưa tiễn vong linh người lính vào cõi vĩnh hằng, hình ảnh mang đậm tính sử thi.

→ *Sự hi sinh chói ngời lí tưởng cao đẹp, bi nhưng không lụy. Hình tượng người lính Tây Tiến với một vẻ đẹp đậm chất lãng mạn và*

4. Lời thề của đoàn quân Tây Tiến (khổ 4)

- *Người đi không hẹn ước, một chia phôi:* ra đi không hẹn ngày về, khẳng định sự quyết tâm.

- *Hòn về Sầm Nứa chẳng về xuôi:* người lính Tây Tiến luôn dành tất cả trái tim cho miền Tây Bắc.

→ *Lời thề bất diệt của người lính Tây Tiến khẳng định tình cảm tha thiết và sự gắn bó sâu nặng của người lính Tây Tiến với mảnh đất Tây Bắc.*

5. Vài nét nghệ thuật:

- Dòng cảm xúc tha thiết, mãnh liệt.

- Những nét vẽ tạo hình, kết hợp với chất họa, chất nhạc đậm nét.

- Sự phối hợp tài tình giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn.

- Ngôn ngữ, hình ảnh được sử dụng một cách tinh tế, tài hoa.

IV. ĐỀ LUYỆN TẬP

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục bên súng mũ bỏ quên đời
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng, Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.88)

Cảm nhận về đẹp thiên nhiên miền Tây Bắc trong đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét nghệ thuật đặc sắc trong thơ Quang Dũng.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

* Phân tích đoạn thơ:

* Nội dung:

-.....
.....
-.....
.....
-.....

.....
→ Khắc họa thiên nhiên Tây Bắc vừa hiểm trở, dữ dội vừa lãng mạn, trữ tình, nên thơ, Quang Dũng còn gián tiếp cho thấy hình tượng người lính Tây Tiến với sức mạnh hào hùng, khí thế oanh liệt và vẻ đẹp kiêu hùng. Thiên nhiên chính là nền cảnh để nhà thơ làm nổi bật hình ảnh của con người.

* Nghệ thuật:

- Nghệ thuật tương phản, liệt kê, cường điệu và nói giảm nói tránh, sử dụng từ láy gợi hình, gợi cảm.

- Bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn; chất họa kết hợp với chất nhạc.

* Đánh giá:

Khẳng định lại vẻ đẹp độc đáo của đoạn thơ: Vẻ đẹp thiên nhiên Tây Tiến.

.....
.....
.....
.....

2. VIỆT BẮC - TỔ HỮU

* PHẦN I: TÁC GIẢ

I. Tác giả Tố Hữu

- Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng Việt Nam.

- Thơ Tố Hữu thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm tính dân tộc, truyền thống.

II. Phong cách thơ Tố Hữu

1. Thơ Tố Hữu mang tình chất trữ tình chính trị sâu sắc:

- Hướng đến cái chung về lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người Cách mạng và của cả dân tộc (*Từ ấy, Sáng tháng năm, Cá nước, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên,...*)

- Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi, coi những sự kiện chính trị lớn của đất nước là đối tượng thể hiện chủ yếu, luôn đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính toàn dân. (*Lên Tây Bắc, Tiếng Hát sang xuân, Người con gái Việt Nam*)...

- Giọng thơ mang tính chất tâm tình, đầm thắm, chân thành (*Việt Bắc*)

2. Nghệ thuật biểu hiện trong thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc

- Về thể thơ, tiếp thu tinh hoa của phong trào Thơ mới, thể giới cổ điển và hiện đại nhưng ông đặc biệt thành công khi vận dụng những thể thơ truyền thống của dân tộc:

+ Lục bát ca dao và lục bát cổ điển: *Khi con tu hú, Việt Bắc, Bầm ơi,...*

+ Thất ngôn: *Quê mẹ, Bác ơi, Mẹ Tom, Theo chân Bác,...*

- Về ngôn ngữ:

+ Không chú ý sáng tạo từ ngữ mới, cách diễn đạt mới, mà thường sử dụng cách nói quen thuộc với dân tộc.

+ Đặc biệt biết phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt, từ láy, thanh điệu, vần thơ,...

* **PHẦN II: TÁC PHẨM** (*trích*)

I. Hoàn cảnh sáng tác

- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi miền Bắc, nước ta được giải phóng. Lịch sử đất nước bước sang trang mới. Cách mạng Việt Nam bước vào một thời kì mới.

- *Việt Bắc* được Tố Hữu sáng tác vào tháng 10 năm 1954, ngay sau khi kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và Chính phủ từ *Việt Bắc* về thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu để về xuôi. Nhân sự kiện lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ *Việt Bắc*.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Tâm trạng và lời đối đáp của nhân vật trữ tình (8 dòng đầu)

a. Bốn câu thơ mở đầu là lời của Việt Bắc hỏi người ra đi, khơi gợi kỷ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, nghĩa tình.

- Mở đầu là câu hỏi tu từ. Trong câu hỏi này, “Mình” là chỉ người ra đi, “Ta” là chỉ người ở lại.

+ “*Mười lăm năm ấy*” là trạng ngữ chỉ thời gian, đó là thời gian chỉ độ dài gắn bó nhớ thương vô vàn giữa người đi kẻ ở. Bốn chữ “*thiết tha mặn nồng*” đã cho thấy tình cảm giữa Việt Bắc và người cán bộ thật thủy chung sâu nặng, keo sơn bền chặt.

- Hai câu sau là lời nhắc nhở chân tình, lời dặn dò kín đáo mà rất đối thiết tha. Câu thơ có hai hình ảnh “*núi*” và “*nguồn*” là sự vận dụng rất linh hoạt và tài tình của Tố Hữu với câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn*”. Đó là lời nhắc nhở, dặn dò kín đáo rất đối chân thành: Việt Bắc là cội nguồn Cách mạng, là trung tâm đầu não của cuộc kháng chiến. Xin người về đừng quên cội quên.

b. Bốn câu thơ tiếp theo là tiếng lòng của người về xuôi mang bao nỗi nhớ thương, bịn rịn:

- “*Bâng khuâng*” là.....

.....

. “*Bồn chồn*” là từ láy diễn tả tâm trạng cảm xúc day dứt, hồi hộp, nôn nao trong lòng khiến cho bước chân đi cũng ngập ngừng, bịn rịn không muốn chia xa .

- Buổi chia tay ấy có hình ảnh “*Áo chàm đưa buổi phân ly*”. “Áo chàm” là màu áo nghèo khổ, bình dị của người dân Việt Bắc, là hình ảnh hoán dụ để chỉ con người Việt Bắc.

- Câu thơ “*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*” đầy tính chất biểu cảm.

+ “*Biết nói gì hôm nay...*” không phải là không có gì để nói. Không nói được vì xúc động nghẹn ngào không thốt được nên lời. Những lời không nói ấy có lẽ đã nằm hết trong ba chữ “*Cầm tay nhau*”.

+ Mặt khác, ba dấu chấm lửng đặt ở cuối câu như càng tăng thêm cái tình cảm mặn nồng ấy. Nó giống như nốt lặng trong một khuôn nhạc mà ở đó tình cảm cứ ngân dài sâu lắng.

2. Nỗi nhớ da diết của nhà thơ về Việt Bắc:

a. Nỗi nhớ về thiên nhiên Việt Bắc:

- Thiên nhiên vừa thực, vừa thơ mộng đa dạng về thời gian và không gian:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.”*

+ Lời của cán bộ cách mạng – tác giả thủ thi, tâm tình nói với nhân dân Việt Bắc.

+ *Nhớ gì như nhớ người yêu:*.....

+ *Trăng lên, chiều lưng nương, sớm khuya:* những tháng ngày gắn bó giữa người cán bộ và nhân dân Việt Bắc..

+ *Bản khói cùng sương, trăng lên đầu núi, rừng nứa bờ tre, Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê:* không gian thân thuộc, giản dị nhưng cũng rất đổi thơ mộng, trữ tình của những địa danh Việt Bắc.

- Bức tranh tứ bình tuyệt đẹp với 4 mùa *Xuân, Hạ, Thu, Đông* mỗi mùa một nét riêng:

Chuyển từ bức tranh tứ bình của thiên nhiên thành bức tranh tứ bình của nỗi nhớ - một nỗi nhớ được thị giác hóa.

*“Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh, hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh rao gài thắt lưng*

*Ngày xuân mơ nở trắng rừng
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
 Ve kêu rừng phách đổ vàng
 Nhớ cô em gái hái măng một mình
 Rừng thu trăng rọi hoà bình
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”.*

+ Nhân vật trữ tình:

- *Ta*: cán bộ cách mạng – tác giả, *mình* nhân dân Việt Bắc.
- Lời của cán bộ cách mạng- tác giả thủ thi, tâm tình nói với nhân dân Việt Bắc.

+ Mùa đông: “*hoa chuối đỏ tươi*” rực màu đỏ của hoa chuối giữa nền rừng xanh mênh mông, sự kết hợp giữa hai gam màu – màu xanh gam màu lạnh, màu đỏ gam màu nóng → sự ấm áp xua tan băng giá của mùa đông.

+ Mùa xuân: “*mơ nở trắng rừng*,.....

+ Mùa hạ: “*Ve kêu rừng phách đổ vàng*” :.....

+ Mùa thu: “*Rừng thu trăng rọi hòa bình*” :.....

- Xen vào những đoạn tả về thiên nhiên là những đoạn thơ tả về con người Tây Bắc khẳng định sự gắn bó giữa cảnh và người: chính con người lao động làm cho thiên nhiên thêm sinh động, rực rỡ

+ *Dao gài thắt lưng* :.....

+ *Chuốt từng sợi giang* con người hiện lên.....

+ *Cô em gái hái măng*: cô gái cần mẫn lao động giữa núi rừng, hình ảnh thân thuộc, gần gũi, trữ tình.

+ *Tiếng hát ân tình thủy chung*: tiếng hát ngọt ngào sâu lắng, đó cũng là tiếng lòng của nhà thơ.

b. Nhớ về cuộc sống và con người Việt Bắc:

- Nhớ về cuộc sống, chiến đấu, tình cảm và những kỉ niệm không bao giờ phai mờ:

“Minh đi, có nhớ những ngày

*Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
 Minh về, có nhớ chiến khu
 Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?
 Minh về, rừng núi nhớ ai
 Trám bùi để rụng măng mai để già
 Minh đi, có nhớ những nhà
 Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
 Minh về, có nhớ núi non
 Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
 Minh đi, mình có nhớ mình
 Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa”.*

+ Nhân vật trữ tình:

- *Ta*: nhân dân Việt Bắc, *mình* cán bộ cách mạng – tác giả.
- Lời của nhân dân Việt Bắc – tác giả thủ thi, tâm tình nói với cán bộ cách mạng.

+ *Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù*:

+ *Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*:

+ Biện pháp tu từ nhân hóa *rừng núi nhớ ai*: tình cảm tha thiết của Việt Bắc đối với những người kháng chiến.

+ *Trám bùi để rụng, măng mai để già*: thức ăn thường nhật của bộ đội, cách nói thật hay lấy cái thừa để nói cái thiếu.

+ Hình thức đối lập *hắt hiu lau xám/ đậm đà lòng son*: biểu hiện chân thật cuộc sống lam lũ, nghèo đói của người dân Việt Bắc nhưng trong lòng vẫn thủy chung son sắt với cách mạng.

+ *Mình đi mình có nhớ mình*: câu thơ hay nhất trong bài, một sáng tạo nghệ thuật tuyệt vời trong thơ Tố Hữu - người ở nhắn nhủ với người về, sự ước hỏi khéo léo dự báo những chuyển biến tư tưởng trong hòa bình.

- Cuộc sống khó khăn, vất vả nhưng giàu tình cảm đồng chí, quân dân, sự đồng cam cộng khổ:

“Ta đi ta nhớ những ngày

.....

Chày đêm nện cối đều đều suối xa”.

+ Nhân vật trữ tình:

- *Ta*: nhân dân Việt Bắc, *mình* cán bộ cách mạng – tác giả.
- Lời của nhân dân Việt Bắc – tác giả thủ thi, tâm tình nói với cán bộ cách mạng.

+ *Đắng cay ngọt bùi, chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*:

.....
.....
.....

+ *Người mẹ, lớp học i tờ, tiếng mõ, chày đêm nện cối, xuôi xa*: cuộc sống thanh bình, êm ả, khẳng định sự gắn bó thủy chung giữa người cán bộ với Việt Bắc.

3. Những kỉ niệm của cuộc kháng chiến hào hùng

- Khung cảnh chiến đấu hùng tráng, đậm chất sử thi, với tinh thần chiến đấu quyết liệt:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về”*

+ Động từ mạnh *rầm rập, đất rung, nát đá*: diễn tả ngày Việt Bắc ra trận tràn đầy khí thế, tưởng như mặt đất đang rung chuyển dưới những bàn chân của những người chiến sĩ trong cuộc hành quân vĩ đại từ khắp các ngã đường.

+ Từ láy *điệp điệp, trùng trùng*: Thể hiện.....

.....
.....

+ Hình ảnh lãng mạn *Ánh sao đầu súng*: những đêm hành quân chiến đấu, người lính chiến đấu vừa có sao rơi sáng vừa như rục sáng của lí tưởng trên đầu súng.

+ Hình ảnh thực *dân công đỏ đuốc*: những đêm hành quân của dân công có ngọn đuốc để soi đường, thể hiện tinh thần quyết tâm.

+ *Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay*:

.....

+ Hình ảnh đối lập *thăm thẳm sương dày/ Đền pha bất sáng*:

- Khẳng định vai trò của Việt Bắc: Việt Bắc là quê hương, là căn cứ địa vững chắc của cách mạng, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ bao tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước

“*Ở đâu u ám quân thù*

.....
Mái đình, Hồng Thái, cây đa Tân Trào”.

4. Vài nét về nghệ thuật:

- Nghệ thuật biểu hiện của đoạn thơ đậm đà tính dân tộc:
- + Phát huy nhiều thế mạnh của thể thơ lục bát truyền thống.
- + Cấu tứ bài thơ là cấu tứ trong ca dao với hai nhân vật trữ tình *ta* và *mình*.
- + Nhịp thơ uyển chuyển, linh hoạt, cân xứng, kết hợp hài hòa, dễ nhớ, thấm sâu vào tâm tư.
- + Ngôn ngữ bằng lời ăn tiếng nói hằng ngày giản dị, mộc mạc, giàu hình ảnh.
- Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của văn học dân gian: *mình về, có nhớ, nhớ sao...*
- Thể hiện chất trữ tình chính trị sâu sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.
- + Chính trị: đề tài cuộc kháng chiến, vận mệnh đất nước,...
- + Trữ tình: so sánh tình cảm của cán bộ và nhân dân như tình yêu, xưng hô *mình, ta*, lời lẽ giàu tình cảm.

IV. ĐỀ LUYỆN TẬP

1. Đề 1

Ta đi ta nhớ những ngày

Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.

Nhớ sao lớp học i tờ

Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan

Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.

Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

(Trích Việt Bắc, Tố Hữu, Ngữ Văn 12, Tập một, tr.109 – 111, NXB Giáo Dục – 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về nghĩa tình kháng chiến được thể hiện trong đoạn thơ trên .

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát về nhà thơ Tố Hữu, bài thơ “Việt Bắc”, đoạn thơ.

* Cảm nhận đoạn thơ trong bài Việt Bắc

– Về nội dung:

+ Nêu ý chính toàn đoạn thơ: Khẳng định tấm lòng trước sau như một, nỗi nhớ sâu sắc trào dâng, ân tình giữa kẻ đi với người ở. Cảnh sắc thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, kỉ niệm kháng chiến lần lượt hiện ra sâu sắc, chân thực qua nỗi nhớ của nhà thơ.

+ Hai dòng đầu diễn tả.....

.....

+Hai câu tiếp chứa đựng bao tình nghĩa sâu đậm. Tất cả những khoảnh khắc ấy sáng mãi trong lòng người ra đi, tâm trí người ở lại, ghi dấu ấn không thể xóa nhòa.

+ Hai câu thơ tiếp theo:

++ “Người mẹ nắng cháy lưng”, “địu con” gọi liên tưởng

.....

+ Là hình ảnh tiêu biểu cho cái đẹp, ân tình trong cuộc sống kháng chiến.

+ Bốn câu cuối: nhớ về Việt Bắc là nhớ về cuộc sống sinh hoạt kháng chiến một thời không thể nào quên:

++ Nhớ “lớp học i tờ” xóa mù chữ: Cách mạng đem đến cho nhân dân không chỉ tự do mà còn đem đến ánh sáng của tri thức;

++ Nhớ nhịp sống những “ngày tháng cơ quan”, ”gian nan vẫn ca vang núi đèo” gợi tinh thần lạc quan yêu đời của cán bộ chiến sĩ bất chấp khó khăn;

++ Nhớ những thanh âm đặc trưng của miền núi: tiếng mõ rừng chiều, tiếng chày đêm nện cối, tiếng suối xa,...Đó là những hồi ức về cuộc sống bình dị ảm áp mà vui tươi nơi núi rừng Việt Bắc.

++ Điệp cấu trúc “Nhớ sao” 3 lần cùng phép đối lập và cảm hứng lãng mạn

Nỗi nhớ Việt Bắc là nỗi nhớ dạt dào và trùng điệp vang mãi trong tâm lòng mỗi con người kháng chiến.

– Về nghệ thuật:

+ Bức tranh Việt Bắc hiện lên qua nỗi nhớ của chủ thể trữ tình, trong hoài niệm có ba mảng thống nhất và hòa nhập vào nhau: nỗi nhớ thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc, cuộc sống ở Việt Bắc.

+ Giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết.

+ Điệp từ “nhớ”, điệp ngữ: nhớ sao...nhớ người... trùng điệp, cùng cách ngắt nhịp của câu thơ tạo nên nét nhạc thơ thật đầm thắm.

+ Hình ảnh chân thực, bình dị, giàu sức gợi cảm.

3. ĐẤT NƯỚC (trích trường ca Mặt đường khát vọng) - NGUYỄN KHOA ĐIỀM

I. Tác giả

- Nguyễn Khoa Điềm là cây bút tiêu biểu thuộc thế hệ các nhà thơ thời kì chống Mỹ cứu nước.

- Thơ NKĐ thu hút, hấp dẫn người đọc bởi sự đan kết cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của một thanh niên tri thức tự ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu vì đất nước và nhân dân.

II. Hoàn cảnh sáng tác

Đất Nước trích ở phần đầu chương V của trường ca *Mặt đường khát vọng*, được Nguyễn Khoa Điềm viết tại chiến khu Trị - Thiên vào cuối năm 1971. Bản trường ca viết về sự tự ý thức của tuổi trẻ các đô thị vùng tạm chiếm Miền Nam về đất nước, về thanh niên, về thế hệ của mình - thế hệ gánh vác cuộc kháng chiến chống Mỹ trên vai.

III. Đọc - hiểu văn bản

1. Những cảm nhận về đất nước:

Nhà thơ định nghĩa về đất nước theo cách riêng của mình, nêu cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của đất nước, từ đó khơi dậy về ý thức trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.

a. Nhà thơ đi lí giải nguồn gốc Đất Nước trả lời câu hỏi “Đất Nước có từ bao giờ?”

“*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*

.....

Đất Nước có từ ngày đó...”

- *Khi ta lớn lên, đã có rồi*: Đất Nước ra đời từ rất xa xưa, trong chiều sâu của lịch sử thời các vua Hùng dựng nước và giữ nước.

- *Ngày xưa ngày xưa, mẹ thường hay kể*:

.....

- *Miếng trầu*: tập tục văn hóa cổ truyền độc đáo của dân tộc, gợi nhớ sự tích Trầu cau.

- *Biết trồng tre mà đánh giặc*: gợi nhớ truyền thống chống giặc ngoại xâm và truyền thuyết đầy tự hào của người Việt – Thánh Gióng.

- *Tóc mẹ bới sau đầu:*
- *Cha mẹ, gừng cay muối mặn:* tình cảm thủy chung của người Việt, gợi nhớ đến ca dao yêu thương, tình nghĩa.
- *Cái kèo, cái cột, hạt gạo, xay, giã, giần, sàng:*.....

.....

- Đất Nước là những gì có thể bắt gặp ở ngay trong cuộc sống của mỗi gia đình, mỗi người: câu chuyện cổ tích của mẹ, miếng trầu bà ăn, hạt gạo ta ăn, ngôi nhà ta ở....

- *Đất Nước có từ ngày đó:* Đất Nước có từ khi dân mình biết yêu thương, sống tình nghĩa, từ ngày dân tộc có nền văn hóa riêng, từ khi dân mình biết dựng nước và giữ nước, từ trong cuộc sống hằng ngày của con người.

→ *Sự cảm nhận về chiều sâu của lịch sử của Đất Nước thể hiện ngay trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Đất Nước được hình thành từ những gì nhỏ bé, gần gũi trong cuộc sống của mỗi con người, từ bề dày của truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.*

b. Nhà thơ tiếp tục lí giải câu hỏi “Đất Nước là gì?”

“Đất là nơi anh đến trường

.....

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ”.

- *Anh đến trường, em tắm, hò hẹn:*

.....

- *Nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm:*

.....

- Cách định nghĩa độc đáo về Đất Nước: Hình thức điệp và lí giải bằng các chiết tự *Đất* và *Nước* hai yếu tố hợp thành, thể hiện sự cảm nhận Đất Nước thống nhất trên các phương diện địa lí - lịch sử.

+ *Con chim phượng hoàng, con cá ngư ông:* câu hò Bình Trị Thiên - Đất Nước là núi sông, rừng bẻ,...

+ *Thời gian đằng đẵng, không gian mênh mông, Chim về, Rồng ở, giỗ Tổ:* Đất Nước với rừng vàng, biển bạc, giàu có với những câu chuyện cổ tích quen thuộc, truyền thống con cháu Lạc Hồng, phong tục giỗ Tổ các vua Hùng.

- *Ai đã khuất, bây giờ, yêu nhau, sinh con, dặn dò:*

.....

→

.....
.....
.....
c. Suy ngẫm về trách nhiệm, bổn phận của con người đối với Đất Nước:

“Trong anh và em hôm nay

.....

Làm nên Đất Nước muôn đời”.

- Anh, em, một phần Đất Nước, hài hòa, nồng thắm:

.....

.....

- *Cầm tay mọi người, vẹn toàn to lớn:* truyền thống yêu thương, đoàn kết, thân ái của những người Việt Nam tạo thành sức mạnh vô địch.

- *Con, mơ mộng:*

.....

- *Máu xương, hóa thân, gắn bó, san sẻ, muôn đời:* khẳng định Đất Nước từ trong máu thịt, là máu thịt của mỗi cá nhân do đó mỗi chúng ta phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Đất Nước.

→

.....

.....

.....

.....

.....

=> Cảm nhận, cái nhìn Đất Nước toàn vẹn, tổng hợp nhiều chiều:

- *Địa lí - lịch sử - văn hóa – phong tục – truyền thống tinh thần của dân tộc – trong đời sống hằng ngày - biến cố lịch sử - trong cuộc sống của mỗi cá nhân và cộng đồng.*

- Không dùng hình ảnh Đất Nước mỹ lệ mà là hình ảnh của một Đất Nước dân gian thơ mộng, trữ tình từ xa xưa vọng về trong chiều sâu văn hóa - lịch sử, gắn bó với cuộc sống đời thường của mỗi cá nhân, đất nước hiện lên vừa thiêng liêng tôn kính, lại vừa gần gũi, thân thiết.

2. Tư tưởng Đất nước của nhân dân:

a. Đất Nước gắn liền với những địa danh nổi tiếng có ý nghĩa lịch sử văn hóa:

“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

.....

Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”.

- *Núi Vọng Phu*: địa danh nổi tiếng gắn với sự tích người vợ hóa đá chờ chồng ở Đổng Đãng, Lạng Sơn, khẳng định tình cảm thủy chung, son sắt của người phụ nữ Việt Nam.

- *Hòn Trống Mái*:.....
.....
.....

- *Tổ Hùng Vương*: gắn với truyền thuyết 99 con voi quây bên đền thờ các vua Hùng để phục Tô, khẳng định niềm tự hào lịch sử vua Hùng.

- *Núi Bút, Non Nghiên*: có hình cây bút và nghiên mực ở Quảng Ngãi, khẳng định truyền thống hiếu học của người Việt Nam.

- *Hạ Long thành*: thắng cảnh Hạ Long, một di sản đẹp.

- *Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm*:
.....

- *Khắp ruộng đồng, gò bãi, dáng hình, ao nước, lối sống ông cha, bốn nghìn năm, hóa núi sông*: những ao đầm, gò bãi là sự hóa thân của những con người làm nên Đất Nước.

→
.....
.....
.....

b. Tác giả lí giải trả lời câu hỏi “Ai đã làm nên Đất Nước?”

“Em ơi em

.....

Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”.

- *Bốn nghìn năm, người người, lớp lớp, con gái, con trai, không ai nhớ mặt đạ tên, giản dị và bình tâm, họ*:

+ Không điếm qua các triều đại, các anh hùng nổi tiếng mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh, bình dị nhưng dũng cảm, kiên cường.

+ Toàn dân đông đảo, là sự hóa thân của những anh hùng vô danh đã bèn bỉ đấu tranh, gầy dựng làm nên Đất Nước với bề dày lịch sử bốn nghìn năm.

+ Sự khái quát sâu sắc về sự hòa nhập, sự hóa thân của con người trong phạm vi không gian và thời gian lớn.

Những người vô danh đó đã giữ và truyền lại giá trị văn hóa, văn minh tinh thần và vật chất (*văn minh lúa nước đã truyền lửa quanh mỗi nhà, tiếng nói, gánh theo tên làng xã, đập đập bờ tre*).

+ *Họ*: đây là những con người vô danh, những người lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường đã làm nên Đất Nước.

+ Điệp từ cấu trúc “*họ*”: gọi lên tầng tầng, lớp lớp những con người nối tiếp nhau, giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau giá trị văn hóa, văn minh tinh thần, truyền thống chống giặc ngoại xâm.

- Tư tưởng đất nước của nhân dân:

+ *Đất Nước này, của nhân dân*: khẳng định Đất Nước của nhân dân do nhân dân làm ra.

+ *Ca dao, thần thoại*: trở về với cội nguồn dân tộc, với văn hóa dân gian, cách định nghĩa về Đất Nước thật giản dị mà độc đáo.

+ Ba phương diện của truyền thống tâm hồn dân tộc:

• *Yêu em từ thuở trong nôi*:

• *Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội*:

• *Biết trồng tre, đi trả thù*:

→

.....

.....

.....

=> *Tư tưởng Đất Nước của nhân dân được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước*:

- Từ không gian địa lí

- Từ thời gian lịch sử

- Từ bản sắc văn hóa.

3. Nghệ thuật

- Tác giả sử dụng nhuần nhị và sáng tạo nhiều chất liệu văn học và văn hóa dân gian, tạo ra một không khí, một không gian nghệ thuật riêng, thể hiện tính dân tộc.

- Giọng thơ trữ tình chính luận sâu sắc thiết tha, với cảm nhận và tư duy hiện đại qua hình thức thơ tự do.

- Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh

- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

IV. ĐỀ LUYỆN TẬP

Cảm nhận đoạn thơ sau trích trong bài thơ “Đất Nước” (trích trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm:

*Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...*

(Ngữ văn 12, tập 1, Nxb Giáo dục, 2021 trang 119-120)

GỢI Ý TRẢ LỜI

- Giới thiệu ngắn gọn tác giả, tác phẩm và đưa vấn đề vào.
- Nội dung:
 - + Đất nước có trong cuộc sống của mỗi người, trong anh và em, trong mỗi cá thể đều có một phần Đất Nước. Khi có sự kết hợp giữa các cá thể lại với nhau thì tạo nên sự bền chặt đầy sức sống.
 - + Đất nước sẽ được thế hệ mai sau (con ta lớn lên) sẽ mang Đất nước đi xa để làm cho đất nước tốt đẹp hơn, phồn vinh hơn.
 - + Đất nước chính là sinh mệnh, là máu xương của mình, phải biết quý, phải biết giữ gìn, phải biết “gắn bó và san sẻ”, hi sinh cái riêng hòa vào cái chung “hóa thân cho dáng hình xứ sở”. Có vậy Đất Nước mới bền vững muôn đời.
- Nghệ thuật: Thể thơ tự do, vận dụng chất liệu văn hóa dân gian, nhịp điệu thơ linh hoạt, kết hợp chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc...
- Đánh giá: Đoạn trích thể hiện những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước. Hình tượng Đất Nước được thể hiện bằng thể thơ tự do, linh hoạt với chất liệu thi ca được lấy từ kho tàng văn hóa, văn học dân gian, góp phần khẳng định tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.

4. SÓNG – XUÂN QUỲNH

I. Tác giả

- Xuân Quỳnh là một trong số nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ trẻ các nhà thơ chống Mỹ.
- Một trong số thi sĩ viết về thơ tình hay nhất trong nền thơ Việt nam hiện đại sau năm 1975.
- Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

II. Hoàn cảnh sáng tác: *Sóng* được sáng tác vào năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh, sau in trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968).

III. Đọc - hiểu văn bản:

1. Khổ 1, 2:

“Dữ dội và dịu êm

.....

Bồi hồi trong ngực trẻ”.

- Những trạng thái đối cực, vừa phong phú vừa phức tạp nhưng thống nhất của “bản thể sóng”:

+ *Dữ dội/ dịu êm:*

.....

+ *Ồn ào/ lặng lẽ:*

.....

→ *Tính khí của người con gái đang yêu cũng giống như sóng, vốn mang nhiều trạng thái tâm lí đặc biệt, nó đối cực, phức tạp và phong phú.*

- Sóng là một bản thể mang khát vọng cũng chính là khát vọng tình yêu của phụ nữ:

+ *Sóng (sóng):* từ bỏ không gian chật chội, tìm đến không gian rộng lớn.

+ *Tình yêu:* không chấp nhận giới hạn chật hẹp, tầm thường, luôn khao khát vươn tới cái lớn lao, đồng cảm.

→ *Nét mới mẻ trong quan niệm tình yêu: người con gái khoa khát yêu đương nhưng không còn nhẫn nhục, cam chịu nữa mà dứt khoát đi tìm tình yêu cao cả, đích thực, rộng lớn, bao dung.*

- Từ sự tồn tại vĩnh hằng của sóng, nhà thơ liên hệ và khẳng định tâm trạng, khát vọng tình yêu của tuổi trẻ muôn đời

+ Ngày xưa, ngày sau: khẳng định sự tồn tại trường tồn, bất diệt, vĩnh hằng của sóng.

+ Bồi hồi trong ngực trẻ: khẳng định tâm trạng tình yêu rất mãnh liệt, rạo rực.

→ Tình yêu bao giờ cũng là một khát vọng bồi hồi, từ ngàn xưa con người đã đến với tình yêu và mãi cứ đến với tình yêu.

=> Nhà thơ đã có sự cảm nhận khá sâu sắc những nét tương đồng giữa trạng thái phức tạp của sóng và trạng thái tâm lí đầy phức tạp của tình yêu, từ quy luật của tự nhiên tác giả khẳng định quy luật của tình yêu và quy luật của tình cảm con người.

2. Khổ 3, 4:

“Trước muôn trùng sóng bể

.....

Khi nào ta yêu nhau”.

- Nhân vật trữ tình: hình tượng kép sóng và em.

- Sự lí giải, cắt nghĩa bản thể cội nguồn của sóng để hướng đến cắt nghĩa cội nguồn của tình yêu:

+ Nghĩ về những điều vĩnh hằng của thiên nhiên *biển, gió, sóng* để cắt nghĩa cắt nghĩa ngọn nguồn của thiên nhiên...nhưng làm sao hiểu hết được thiên nhiên.

+ Nghĩ về tình yêu đôi lứa cắt nghĩa, tìm điểm khởi nguồn của tình yêu nhưng cắt nghĩa về tình yêu thì bất lực khi lí giải về nó.

+ Tình yêu là một hiện tượng khác thường, đầy bí ẩn, không thể giải thích được câu hỏi về khởi nguồn của nó, thời điểm bắt đầu của tình yêu.

→ Cách cắt nghĩa giàu nữ tính và trực cảm, tình yêu được lí giải một cách hồn nhiên, dễ thương: tình yêu giống như sóng biển, gió trời, làm sao cắt nghĩa ngọn nguồn, làm sao hiểu hết được – tình yêu nó tự nhiên, hồn nhiên như thiên nhiên và cũng khó hiểu, nhiều bất ngờ như thiên nhiên.

3. Khổ 5, 6, 7:

“Con sóng dưới lòng sâu

.....

Dù muôn vời cách trở”.

- Tâm trạng nhớ nhung da diết, khắc khoải của sóng với bờ cũng chính là tâm trạng nhớ nhung, da diết, khắc khoải của em với anh - người phụ nữ đang yêu còn cào, say đắm:

+ Nỗi nhớ bao trùm cả không gian, thời gian thường trực, mọi lúc mọi nơi: “*dưới lòng sâu, trên mặt nước,*”.

+ Sự so sánh độc đáo khẳng định nỗi nhớ không chỉ trong ý thức mà còn trong tiềm thức xâm nhập cả vào trong giấc mơ:

*“Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”.*

+ Nhịp thơ là nhịp sóng dào dạt, nức nở và mãnh liệt góp phần thể hiện tâm trạng tình yêu của người phụ nữ.

+ Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa và sự phát hiện tương đồng giữa *sóng* và *em*: *sóng* cũng nhớ thương như con người, trạng thái *sóng* tương đồng với trạng thái đang yêu của *em*.

+ Phép lặp cú pháp “*Con sóng dưới lòng sâu/ con sóng trên mặt nước*”: khẳng định và nhấn mạnh nỗi nhớ triền miên, thường trực.

→ *Nỗi nhớ cồn cào, da diết, không thể nào nguôi, cuộn cuộn, dào dạt như từng đợt sóng biển triền miên, bồi hồi, vô hạn – sóng khao khát bờ như em khao khát anh, khẳng định tình yêu tha thiết, sâu sắc, mãnh liệt, cháy bỏng.*

- Sự khao khát hướng về nhau, có nhau, sự bày tỏ niềm tin tuyệt đối vào tình yêu bất diệt bằng những câu thơ khẳng định tuyệt đối:

+ *Dẫu...dẫu...cũng*: lặp cấu trúc câu, khẳng định thật dứt khoát.

+ Từ trái nghĩa *xuôi/ ngược, phương Bắc/ phương Nam, đại dương/ bờ...để khẳng định niềm tin vượt qua khó khăn.*

+ Từ khẳng định: *Dẫu...dẫu...cũng* khẳng định nỗi nhớ và niềm tin tuyệt đối vào tình yêu.

+ *Chẳng tới bờ/ muôn vời cách trở*: niềm tin vào tương lai, cái đích cuối cùng của tình yêu, thể hiện áp ủ bao hi vọng vào tình yêu vượt qua mọi khó khăn thử thách.

- Âm hưởng khẳng định, âm hưởng của niềm tin tuyệt đối vào tình yêu.

→ *Một tình yêu trong sáng, đằm thắm, thiết tha, cháy bỏng của người phụ nữ đang yêu và tin tưởng tuyệt đối vào tình yêu.*

4. Khổ 8, 9:

“Cuộc đời tuy dài thế

.....

Đề ngàn năm còn võ”.

- Ước vọng tình yêu lớn lao luôn đi kèm với những lo âu đầy nữ tính của nhà thơ: *cuộc đời, dài – năm tháng vẫn đi qua; biển kia dẫu rộng/ mây vẫn bay về xa...*

+ Không phải lo về cái hữu hạn của tình yêu mà lo về cái mong manh của đời người.

+ Tình yêu là cái vô hạn, biển cả bao la chỉ là cái hữu hạn.

→ *Sự chiêm nghiệm của một trái tim nhạy cảm, nhà thơ sớm nhận ra và thấm thía về sự hữu hạn của kiếp người.*

- Nhà thơ mơ ước một tình yêu vĩnh cửu, bất diệt, muốn vươn lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người

+ *Tình yêu* = tan ra = sóng = bất tử

+ *Biển lớn tình yêu* = tình yêu bất tử, sống mãi.

→ *Một ước mơ rất bình thường trong tình yêu khẳng định niềm khao khát yêu thương trong tâm hồn người phụ nữ, khát vọng sống hết mình trong tình yêu, khát khao để bất tử trong tình yêu.*

=> Về đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu:

- Tâm hồn người phụ nữ mang khát vọng tình yêu mãnh liệt, bất diệt.

- Tình yêu thương trong tâm hồn gắn liền với nỗi nhớ, sự chung thủy, đợi chờ, sự đồng vọng thiết tha.

- Tiếng nói trẻ trung, nồng nhiệt mà cũng rất sâu nặng, sắc son của tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

- Người phụ nữ luôn hướng đến một tình yêu bất diệt vượt qua sự hữu hạn của đời người và tồn tại mãi mãi với thời gian.

5. Vài nét về nghệ thuật:

- Âm điệu: âm điệu của những con sóng trên biển cả, những nhịp sóng cũng chính là nhịp trong tâm trạng tình yêu của người phụ nữ.

- Thể thơ năm chữ với cách ngắt nhịp, phối âm, các cặp từ, vế câu, khổ thơ đi liền nhau: đã khắc họa được sóng dịu êm, khoan thai, khi lại dồn dập, dữ dội. Đó cũng là tâm trạng của người phụ nữ khi yêu.

- Tứ thơ, hình tượng *kép* độc đáo:

+ *Sóng* và *em*: đó là sự gặp gỡ giữa ý tưởng và hình ảnh.

+ *Sóng* và *em*: có nhiều nét tương đồng giữa trạng thái của thiên nhiên và tâm trạng tình yêu

(*Trích Sóng – Xuân Quỳnh*)

IV. ĐỀ LUYỆN TẬP

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

Trước muôn trùng sóng bể

Em nghĩ về anh, em

Em nghĩ về biển lớn

Từ nơi nào sóng lên?

Sóng bắt đầu từ gió

*Gió bắt đầu từ đâu ?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau ?*

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

(*Sóng*, Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.155-156)

Từ đó nhận xét về vẻ đẹp tình yêu của Xuân Quỳnh trong bài thơ “Sóng”.

* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích.

* Cảm nhận đoạn thơ.

– Chiều liên tưởng của bài thơ là đi từ sóng biển đến tình yêu của người con gái, sóng là một ẩn dụ cho tâm hồn của người con gái đang yêu với biết bao cảm xúc và suy tư. Xuyên suốt bài thơ là cặp hình tượng sóng và em, đan cài quấn quýt, có lúc phân tách, lúc hòa nhập trong cái tôi trữ tình của Xuân Quỳnh.

– Xuân Quỳnh mượn hình tượng sóng để lí giải về tình yêu: những câu hỏi nối tiếp nhau mang theo niềm khao khát khám phá sự bí ẩn của quy luật tình yêu nhưng không tìm thấy câu trả lời (khổ 3,4)

– Từ hiện thực con sóng luôn thao thức trong mọi không gian, thời gian, Xuân Quỳnh đã liên tưởng đến nỗi nhớ trong tình yêu (khổ 5): một nỗi nhớ còn cao trong mọi không gian “ dưới lòng sâu, trên mặt nước” , khắc khoải trong mọi thời gian “ngày, đêm”, giày vò trong tâm hồn “không ngủ được” à 1 nỗi nhớ da diết, thường trực, ám ảnh; 1 tình yêu sôi nổi, đắm say.

+ Điệp từ “sóng” được lặp lại 3 lần liên tiếp như điệp khúc của bản tình ca với những giai điệu da diết của tình yêu và nỗi nhớ.

+ Khổ thơ gồm 6 câu là điều bất thường, nhịp thơ cũng là nhịp sóng, nhịp đập của một trái tim khao khát yêu thương.

– Nghệ thuật: xây dựng hình tượng sóng theo phương thức ẩn dụ; thể thơ 5 chữ với cách ngắt nhịp linh hoạt; lời thơ giàu cảm xúc, sâu sắc và nữ tính.

* Nhận xét về quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh:

– Sóng thể hiện một tình yêu mang tính chất truyền thống: tình yêu gắn liền với nỗi nhớ da diết, khắc khoải; tình yêu gắn liền với sự thủy chung, son sắt, một lòng hướng đến người mình yêu, tin vào tình yêu.

– Sóng là tiếng nói của một tình yêu mang tính chất hiện đại: tình yêu mang trong mình những trạng thái đối cực mâu thuẫn; tình yêu được bộc bạch 1 cách táo bạo nhưng hết sức tự nhiên, sẵn sàng vượt qua mọi rào cản để đến với tâm hồn đồng điệu, chủ động, đầy tự tin; nguyện ước và khát vọng về một tình yêu bền vững muôn thưở.

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

“Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững” - Ramsey Clark.

Trung thực - ứng xử cao nhất của sự tôn trọng.

Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, v.v... mới chỉ là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực. Bạn sẽ chẳng bao giờ cảm nhận trọn vẹn những giá trị của bản thân khi chưa tìm thấy sự bình an trong tâm hồn mình. Viên đá đầu tiên và cần thiết nhất của nền tảng đó là sự trung thực.

Vì sao tôi lại xem trọng tính trung thực đến thế? Đó là bởi vì tôi đã phải mất một thời gian rất dài mới có thể nhận ra rằng sự trung thực chính là phần còn thiếu trong nỗ lực tìm kiếm sự thành công và hoàn thiện bản thân tôi. Tôi không phải là một kẻ hay nói dối, một kẻ tham lam, một tên trộm mà tôi chỉ thiếu tính trung thực mà thôi. Giống như nhiều người khác, tôi cũng quan niệm “Ai cũng thế cả mà”, một chút không trung thực không có gì là xấu cả. Tôi đã tự lừa dối mình. Dù muộn màng, nhưng rồi tôi cũng khám phá ra rằng không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường. Ngay sau đó, tôi quyết định sẽ ngay thẳng, chính trực trong tất cả mọi việc. Đó là một lựa chọn quan trọng làm thay đổi cuộc đời tôi.

(Theo Hal Urban, “Những bài học cuộc sống”, www.wattpad.com)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2. Vì sao tác giả lại xem trọng tính trung thực đến thế?

Câu 3. Anh (chị) hiểu như thế nào về câu nói: *Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững?*

Câu 4. Anh (chị) có đồng tình với quan điểm của tác giả: *không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường* hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ đoạn trích phần Đọc hiểu anh/chị ấy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người.

Câu 2 (5,0 điểm)

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục bên súng mũ bỏ quên đời
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng, Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.88)

Cảm nhận về đẹp thiên nhiên miền Tây Bắc trong đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét nghệ thuật đặc sắc trong thơ Quang Dũng.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án hoặc không trả lời: không cho điểm.	0,75
	2	Đó là bởi vì tôi đã phải mất một thời gian rất dài mới có thể nhận ra rằng sự trung thực chính là phần còn thiếu trong nỗ lực tìm kiếm sự thành công và hoàn thiện bản thân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được đầy đủ đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh không trả lời được: không cho điểm.	0,75
	3	“Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”: – Sự trung thực: là thật thà, ngay thẳng, đúng với sự thật, không làm sai lạc đi; trái ngược với sự dối trá... – Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được trọn vẹn đúng đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được trọn vẹn ý 2: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được ý 1: 0,25 điểm. - Học sinh có trả lời nhưng còn sơ sài, chưa rõ ý: 0,25 điểm.	1,0
	4	Học sinh có thể đưa ra ý kiến riêng và có lí giải hợp lí. (Có thể đưa ra ý kiến đồng tình và lí giải : + Không trung thực sẽ đánh mất niềm tin của mọi người dành cho mình; sẽ không đạt được kết quả mình mong muốn trong công việc cũng như trong cuộc sống.... + Không trung thực sẽ có lợi trước mắt nhưng làm ảnh hưởng đến người khác và để lại hậu quả về sau.... + Người không trung thực sẽ sống không thanh thản, không vui vẻ...) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày đúng hoặc diễn đạt tương đối thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày có ý nhưng còn sơ sài thiếu sâu sắc: 0,25 điểm.	0,5

CHUYÊN ĐỀ: TÁC PHẨM VĂN XUÔI

I. VỢ CHỒNG A PHỦ - Tô Hoài

1. Tác giả Tô Hoài:

Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau của đất nước ta

2. Tác phẩm:

a) Tóm tắt tác phẩm:

Mị là một cô gái H'Mông có tài: “thổi lá cũng hay như thổi sáo”, lại lao động giỏi, nhưng chỉ vì món nợ truyền kiếp để lại từ thời bố mẹ cưới nhau nên Mị bị thống lí Pá Tra bắt làm dâu gạt nợ cho con trai hắn là A Sử. Mị bị nhốt trong một cái buồng kín mít có một lỗ vuông bằng bàn tay...bao giờ chết thì thôi. Bởi vậy “càng ngày Mị càng không nói, lười lười như con rùa nuôi trong xó cửa”. Ấy vậy mà khi “đêm tình mùa xuân đến, lòng Mị thiết tha bồi hồi, nghe tiếng sáo gọi bạn đi chơi, khát vọng sống tiềm tàng trong Mị bùng cháy”. Để quên đi khát vọng sống, Mị đã lén lấy rượu ra uống ‘Mị uống ừng ực từng bát’. Rồi say. Mị lịm mặt ngồi đấy nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tiếng sáo càng gần, Mị không nén lòng mình được, đã quyết định ‘đi chơi, nhưng A Sử đã không cho mà còn trói đứng Mị lại’. Trong bóng tối, hơi rượu vẫn nồng nàn đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. Chứng kiến cảnh A Phủ, một chàng trai nghèo khổ, khỏe mạnh, chỉ vì dám đánh A Sử nên bị gia đình thống lí bắt ở để gạt nợ. Trong một lần đi chăn bò, A Phủ để hổ bắt mất bò nên bị trói đứng.

Lúc đầu, Mị thờ ơ, vô cảm. Nhưng sau đó, Mị đã quyết định cắt sợi dây trói giải thoát cho A Phủ và chạy theo anh sang khu du kích Phiềng Sa. Tại đây, cả hai người đã đi theo cách mạng

b) Nội dung:

b1. Nhân vật Mị

*** Cuộc đời cực nhục, khổ đau**

- Trước khi bị bắt về làm dâu trừ nợ cho nhà thống lí PaTra:

.....

.....

- Khi về làm dâu gạt nợ:

.....

.....

.....

→ Từ khi bị bắt về làm dâu trừ nợ: vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống (*lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị, ...*).

*** Sức sống của nhân vật Mị được miêu tả trực tiếp trong tác phẩm.**

+ Trong lần định ăn nắm lá ngón tự tử : Mị định chết vì ý thức được cuộc sống tủi nhục, vô nghĩa của mình.

+ Trong đêm tình mùa xuân : Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc

.....

.....

.....

.....

.....

.....

→ + Trong đêm mùa đông cắt dây cởi trói cứu A Phủ : Sức phản kháng mạnh mẽ

.....

.....

.....

→

- Kết quả của sức sống tiềm tàng: Mị cởi trói cho A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài đến với cuộc sống tự do.

- **Nhân vật A Phủ:**

+ Số phận éo le, là nạn nhân của hủ tục lạc hậu và cường quyền.

+ Phẩm chất tốt đẹp: có sức khỏe phi thường, dũng cảm, yêu tự do, yêu lao động, có sức sống tiềm tàng mãnh liệt...

- **Giá trị của tác phẩm:**

+ **Giá trị hiện thực:**

* Phản ánh số phận bi thảm của người dân miền núi phía Bắc.

* Tố cáo chế độ phong kiến miền núi phía Bắc.

* Phản ánh những quy luật của xã hội.

+ **Giá trị nhân đạo:**

* Cái nhìn nhân văn của tác giả về thiên nhiên và con người Tây Bắc

* Lòng thương cảm của nhà văn với người dân miền núi.

* Đề cao phẩm chất tốt đẹp của con người.

* Tìm đường đi cho nhân vật.

c) Nghệ thuật:

- Nghệ thuật kể chuyện: trần thuật

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí và phát triển tính cách nhân vật.

- Nghệ thuật tả cảnh đặc sắc.

d) Ý nghĩa văn bản: Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân, thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ

3. ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1: Cảm nhận của anh/chị về sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị trong đoạn văn sau. Từ đó, anh/chị làm rõ giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn

bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ...Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị coi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại...Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng “Đi ngay...”, rồi Mị nghẹn lại. A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy. Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lẩn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

- Ở đây thì chết mất.

A Phủ chột hiệu.

Người đàn bà chệch chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói: “Đi với tôi”. Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài, Sgk Ngữ Văn 12, tập 2)

Đề 2:

Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi mà từ từ vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phoi phoi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có năm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không

buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy đứa con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói cả.

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quán lại tóc. Mị vờ tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

– Mày muốn đi chơi à?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quán luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi phẩy tay tắt đèn, đi ra khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. Mị vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào”... Mị vùng bước đi. Nhưng chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa...

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.7)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát: tác giả Tô Hoài, truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.

* Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị

– Giới thiệu khái quát về nhân vật Mị từ đầu cho đến đêm tình mùa xuân: Mị là cô gái trẻ trung, xinh đẹp, yêu đời, có tài thổi sáo, hiếu thảo, giàu lòng tự trọng. Mị trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra...

– Diễn biến tâm trạng của Mị

+ Yếu tố ngoại cảnh: không khí mùa xuân rộn ràng, náo nức (tiếng trẻ con chơi đùa, tiếng sáo gọi bạn tình, màu sắc của những chiếc váy hoa sặc sỡ...) đã làm hồi sinh tâm hồn Mị.

+ Mị sống lại thời quá khứ tươi đẹp với tuổi trẻ và tình yêu.

+ Mị muốn đi chơi và quyết định đi chơi.

+ A Sử trói Mị, không cho đi chơi nhằm dập tắt khát vọng sống vừa trỗi dậy trong lòng Mị nhưng hẳn chỉ trói được thể xác mà không trói được tâm hồn Mị...

+ Sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong tâm hồn Mị đã chiến thắng sự tàn bạo của A Sử. Tiếng chân ngựa đạp vào vách đưa Mị trở về thực tại, Mị ý thức sâu sắc về thân phận mình và thương cho mình.

* Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Tô Hoài

– Tài năng xây dựng nhân vật: nhà văn đi sâu vào đời sống nội tâm để khắc họa tính cách và miêu tả tinh tế, sâu sắc diễn biến tâm lý của nhân vật Mị.

– Lối kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn, cách dựng cảnh sinh động mang đậm màu sắc dân tộc vùng Tây Bắc. Với giọng văn nhẹ nhàng, vốn ngôn ngữ phong phú, giàu tính tạo hình, giàu chất thơ và sáng tạo.

* Đánh giá chung

– Nét đặc sắc trong xây dựng nhân vật của Tô Hoài trong truyện ngắn này là miêu tả diễn biến bên trong tâm hồn nhân vật, tác giả đã diễn tả được những biến chuyển tinh tế trong nội tâm nhân vật của mình, tránh được cái nhìn giản đơn cũng như cách tô vẽ giả tạo khi viết về những con người miền núi.

– Qua việc miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật, người đọc cảm nhận được sức sống mãnh liệt, từ vẻ đẹp bên trong tâm hồn nhân vật...

II. VỢ NHẶT – Kim Lân

1. Tác giả Kim Lân:

Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn, ông thành công về đề tài nông thôn và người nông dân, có một số tác phẩm có giá trị về đề tài này.

2. Tác phẩm:

a) Tóm tắt tác phẩm:

Năm 1945, nạn đói khủng khiếp xảy ra lan tràn khắp nơi, người chết như rạ, người sống cũng dật dờ như những bóng ma. Tràng là một người xấu xí thô kệch, ế vợ, sống ở xóm ngụ cư. Tràng làm nghề kéo xe bò thuê và sống với một mẹ già. Một lần kéo xe thóc Liên đoàn lên tỉnh, Tràng đã quen với một cô gái. Vài ngày sau gặp lại, Tràng không còn nhận ra cô gái ấy, bởi vẻ tiều tụy, đói rách làm cô đã khác đi rất nhiều. Tràng đã mời cô gái một bữa ăn, cô gái liền ăn một lúc bốn bát bánh đúc. Sau một câu nói nửa thật, nửa đùa, cô gái đã theo anh về nhà làm vợ. Việc Tràng nhặt được

vợ đã làm cả xóm ngụ cư ngạc nhiên, nhất là bà Cụ Tứ (mẹ Tràng) cũng không khỏi bàng hoàng ngạc nhiên và lo lắng nhưng rồi bà cụ cũng đã hiểu ra và chấp nhận người con dâu ấy. Trong "bữa cơm" đón nàng dâu mới là nồi cháo cám bà cụ Tứ dành cho nàng dâu nhân bữa cơm đón nàng dâu mới với tấm lòng độ lượng, bao dung. Tác phẩm kết thúc ở chi tiết vào buổi sáng hôm sau tiếng trống thúc thuế dồn dập, quạ đen bay vu như mây đen. Thị nói về chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật và Tràng nhớ lại hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới hôm nào.

b) Nội dung:

b1/ Hoàn cảnh túng đói , khốn khổ của người dân ngụ cư :

- Bức tranh thảm đạm về nạn đói năm 1945. Cái đói đã làm xóm ngụ cư vốn nghèo khổ giờ đây càng xơ xác, thê lương .
- Cái đói làm cho bọn trẻ “ngồi ủ rũ dưới những xó tường không buồn nhích”. Cái đói hành hạ cả xóm khiến nhiều người “*xanh xám như những bóng ma và nằm ngổn ngang khắp các lều chợ*”. Cảnh tang tóc bao trùm lên xóm ngụ cư “*Người chết như ngã rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ , đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người*”*ĩ*. Tràng kéo xe thóc tạm sống qua ngày , nghèo không thể có vợ . Người vợ nhặt lượm từng hạt thóc rơi để có miếng ăn mỗi ngày.

Tâm trạng lo âu, sợ hãi cái đói, cái chết của người dân . Hình ảnh thê lương của người dân xóm ngụ cư là bằng chứng tố cáo tội ác tày trời của Pháp – Nhật. Chúng đã đẩy nhân dân ta vào vòng cùng khổ, chết chóc “*Đằng thì nó bắt giống đây, đằng thì nó bắt đóng thuế*”.

b2/ Người dân xóm ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết mà vui, hi vọng, khao khát vươn lên trên cái chết , hướng đến sự sống .

1. Tìm hiểu tình huống truyện.

+ Tràng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dở người. Gia cảnh của Tràng cũng rất ảm đạm. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tràng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tràng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tràng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miếng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.

+ Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên.

+ Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn.

+ Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình

→ Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lí. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật.

2. Người vợ nhặt :

a. **Là nạn nhân của nạn đói.** Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ nhặt”. Thị theo Tràng trước hết là vì miếng ăn (chạy trốn cái đói).

b. **Tuy nhiên, sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm gia đình**

- Trên đường theo Tràng về nhà:

.....

- Khi về tới nhà:.....

.....

- Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau:.....

.....

.....

→ Người phụ nữ đói rách được một bữa no quyết định theo Tràng về làm vợ “*cái đói làm con người biến đổi nhanh*”. Tội nghiệp hơn chị theo Tràng về làm vợ không một nghi thức nào . Nhưng khi đã là vợ, là dâu, người vợ nhặt biết lo toan, vun vén cho cuộc sống gia đình, hình ảnh của một người “*vợ hiền dâu thảo*”

3. Nhân vật Tràng

a. **Là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở** (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ),

b. **Ở Tràng luôn khao khát hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc.** Câu “*nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*” đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà.

-Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh éo le :.....

.....

.....

.....

- Con người có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình:

.....

.....

.....

- Trên đường đưa vợ về xóm ngụ cư,

+cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.

+ Khi về tới nhà: Tràng hạnh phúc, ấp úng giới thiệu vợ với mẹ

c. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ:

-Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng

-Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hẳn thấy hẳn nên người.

-Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này

-Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ với ý nghĩ hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng

→Tràng là một con người có ngoại hình xoàng xĩnh , cách nói năng thô kệch, cục cằn. Nhưng anh có tấm lòng nhân hậu ,cru mang, yêu thương người vợ nhất. Qua nhân vật Tràng, nhà văn Kim Lân muốn nói rằng: cuộc sống đầy vất vả, nhọc nhằn nhưng biết sẻ chia yêu thương, có khát vọng hạnh phúc, có niềm tin vào những điều tốt đẹp thì dù có khó khăn con người sẽ vượt qua sự bi thảm của hoàn cảnh.

4. Bà cụ Tứ :

a. Một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con:

- Tâm trạng ngạc nhiên

- Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:

b. Một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha

.....
.....
.....

c. Một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

.....
.....
.....

→ Bà cụ Tứ là hiện thân của nỗi khổ con người.. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã, nhưng trên hết vẫn là tình yêu thương. Cũng chính bà cụ là người nói nhiều nhất về tương lai, một tương lai rất cụ thể thiết thực với những gà, lợn, ruộng, vườn,...một tương lai khiến các con tin tưởng bởi nó không quá xa vời. Kim Lân đã khám phá ra

một nét độc đáo khi để cho một bà cụ cập kê miệng lỗ nói nhiều với đôi trẻ về ngày mai.

* **Tóm lại:** Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: “*dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai*”.

5) Nghệ thuật:

- Thành công nổi bật của tác phẩm là xây dựng được tình huống truyện độc đáo. Tình huống đã làm đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.
- Cách kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.
- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, miêu tả tâm lí khá tinh tế.
- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

6) Ý nghĩa văn bản:

Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

7. ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1.

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn

giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thâm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.30)

Phân tích tâm trạng của nhân vật Tràng trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Kim Lân được thể hiện trong đoạn trích.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát: tác giả Kim Lân, truyện ngắn *Vợ nhặt*, đoạn trích, vấn đề cần nghị luận và trích dẫn đoạn trích.

* Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật Tràng

– Tràng là người có khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc:

+ Cảm giác sung sướng, hạnh phúc của Tràng khi thức dậy.

+ Tâm trạng ngạc nhiên, ngỡ ngàng của Tràng trước sự đổi thay trong chính ngôi nhà của mình

+ Niềm hạnh phúc lớn lao đã khiến Tràng đã trở thành người đàn ông trưởng thành, có trách nhiệm

– Tràng là người nông dân sống trong cảnh đói khổ cùng cực nhưng vẫn lạc quan, hướng về tương lai

– Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật vào một tình huống độc đáo – tình huống nhặt vợ, kết hợp với ngôn ngữ mộc mạc, giản dị và cách kể chuyện tự nhiên ... để thể hiện diễn biến tâm lí tinh tế của nhân vật.

* Nhận xét về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Kim Lân

– Thấu hiểu cho tình cảnh bi thảm của con người (gia cảnh khốn khổ của Tràng)

– Trân trọng với khát vọng hạnh phúc của con người

– Khẳng định niềm tin vào con người và sức mạnh của tình người: dù trong tình huống bi thảm tới đâu con người vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai, vẫn muốn sống cho ra người.

ĐỀ 2.

Phân tích tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích sau:

Bà lão khẽ thở dài ngửng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi

được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới”:

– Ủ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thờ đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hẳn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

– Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài đằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

– Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

– Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhật chi cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng.

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.29)

GỢI Ý TRẢ LỜI

1. Giới thiệu khái quát về Kim Lân, tác phẩm *Vợ nhặt*. Nội dung chính của đoạn trích là tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ.

2. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích.

a. Nội dung

– Hoàn cảnh: Bà cụ Tứ xuất hiện sau cùng trong truyện. Đó là người mẹ nghèo, thương con vô hạn, giàu lòng nhân hậu, vị tha, có niềm tin vào tương lai tươi sáng. Điều đó được thể hiện qua diễn biến tâm trạng của bà khi nói chuyện với nàng dâu mới trong đoạn trích.

– Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ khi nói chuyện với con dâu:

+ Tâm trạng xót xa, thương cảm:

.....
.....
.....

+ Tâm trạng vui mừng, hạnh phúc:

.....
.....

=> Nén chặt buồn tủi, gieo vào lòng các con tinh thần sống lạc quan và niềm hi vọng về tương lai.

+ Tâm trạng đau đớn:.....

.....
.....

+ Trong tâm khảm, bà lão không thể quên đi những ám ảnh về đói rét, chết chóc, đây là một nét tâm lý rất phức tạp và sâu kín của bà cụ Tứ qua chi tiết: “Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối....Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài đằng dặc của mình”.

+ Khi trở về với thực tại, bà lão không còn nén nỗi cảm xúc như trước đó mà những lời nói ra đã nghẹn ngào trong nước mắt: “Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá”.

=> Những chi tiết trên thể hiện nỗi lo lắng, xót xa của bà cụ Tứ cho số phận mình nhưng lớn hơn là sự lo lắng đến xót một cho sự tồn tại, cho tương lai các con, tạo nên sự xúc động cao độ của câu chuyện về vẻ đẹp của tình mẫu tử, lớn hơn là tình người.

b. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật khá sắc sảo: thấu hiểu và phân tích được một cách hợp lý những chuyển biến tâm trạng phức tạp mà sâu sắc của nhân vật.
- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn, dựng cảnh sinh động với nhiều chi tiết đặc sắc.
- Đối thoại hấp dẫn, ấn tượng; miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, đậm chất nông thôn và có sự gia công sáng tạo của nhà văn.

c. Đánh giá chung:

– Kim Lân đã cho người đọc thấy được những nỗi niềm sâu kín, những uẩn khúc trong tâm lý phức tạp nhưng vẫn hết sức tự nhiên, hợp lý của bà cụ Tứ trong đoạn trích. Từ đó, làm nổi bật tấm lòng chan chứa tình người của một bà mẹ nghèo nhưng giàu yêu thương và luôn lạc quan hướng về tương lai.

– Thành công của nhà văn khi miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật đã góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật nổi bật trong truyện ngắn của Kim Lân.

III. RỪNG XÀ NU – Nguyễn Trung Thành

1. Tác giả Nguyễn Trung Thành:

Là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên.

2. Tác phẩm:

a) Tóm tắt tác phẩm:

Truyện kể về một làng ở Tây Nguyên-làng Xô Man-nằm giữa cánh rừng xà nu bạt ngàn, đang từng ngày hứng chịu những trận đại bác của đồn giặc. Sau ba năm tham gia lực lượng Giải phóng quân, Tnú trở về thăm làng. Thằng bé Heng dẫn đường cho Tnú vì đường vào làng nay đã bố phòng nghiêm ngặt: hầm chông, hố chông, dàn thò chằng chịt...Đêm đó, Tnú ăn cơm và ở lại nhà cụ Mết. Cả làng tụ họp, Dít kiểm tra giấy phép xong, cụ Mết tự hào kể lại cho mọi người nghe trang sử đấu tranh của làng, trang sử đó gắn bó với cuộc đời Tnú. Hồi ấy, Mỹ Diêm khủng bố dữ dội, nhưng làng vẫn bí mật nuôi giấu cán bộ (anh Quyết). Tnú và Mai được giao làm liên lạc cho anh Quyết, rồi được anh Quyết dạy chữ. Một lần, trong chuyến đưa thư của anh Quyết lên huyện, Tnú bị địch phục bắt, bị tra tấn nhưng anh không khai. Ở tù ba năm, Tnú vượt ngục, trở về làng thay anh Quyết lãnh đạo buôn làng tích cực chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa và lấy Mai. Tin làng Xô Man chuẩn bị vũ khí chờ thời cơ nổi dậy đến tai giặc. Thằng Dục đưa lính đến lùng sục vây ráp. Cụ Mết, Tnú cùng thanh niên lánh vào rừng. Không bắt được Tnú, bọn giặc bắt Mai cùng với đứa con nhỏ chưa đầy tháng đánh đập dã man. Từ vị trí ẩn nấp, Tnú chứng kiến cảnh vợ con bị giặc hành hạ. Sôi sục căm thù, Tnú nhảy vào cứu vợ nhưng rồi Mai và đứa con đã chết, anh cũng bị bắt. Bọn giặc tẩm nhựa Xà nu đốt mười đầu ngón tay anh trước mặt dân làng. Tnú kiên cường chịu đựng quyết không kêu la. Có tiếng động chung quanh, Tnú hét lên một tiếng, dân làng đồng thanh, nhất tề nổi dậy, thằng Dục và tiểu đội ác ôn đã bị cụ Mết và thanh niên diệt gọn. Làng Xô Man đồng khởi thắng lợi. Tnú gia nhập Giải phóng quân. Anh dũng cảm lập chiến công, được cấp chỉ huy cho về phép thăm làng một đêm. Sáng hôm sau, Cụ Mết, Dít tiễn anh lên đường. Họ chia tay nhau ở đồi xà nu, cạnh con nước lớn.

b) Nội dung:

- Hình tượng cây xà nu:

- + Cây xà nu là một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.
- + Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh Cách mạng.

- Hình tượng nhân vật Tnú:

- + Là người gan góc, dũng cảm, mưu trí.

+ Là người có tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với Cách mạng.

+ Là người có trái tim yêu thương và sự sôi sục căm thù giặc.

→ Cuộc đời bi tráng và con đường đến với cách mạng của Tnú điển hình cho con đường đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

- Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau. Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú; sự hi sinh của những con người như anh góp phần làm cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.

c) Nghệ thuật:

- Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên, ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.

- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu.

- Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu tạo nên màu sắc sử thi và sự lãng mạn bay bổng cho truyện.

- Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm...

d) Ý nghĩa văn bản:

Ngợi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng; đất nước, con người Việt Nam nói chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

3. ĐỀ LUYỆN TẬP

1/ Trong tác phẩm **Rừng xà nu**, nhà văn Nguyễn Trung Thành đã miêu tả về cây xà nu:

Mở đầu tác phẩm: “Làng ở trong tâm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn...”

Cuối tác phẩm: “Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở

những vết thương đang đọng lại, lóng lánh nắng hè. Quanh đó vô số cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời.”

(*Rừng xà nu*, Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, trang 38 và 48)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng cây xà nu qua hai lần miêu tả trên. Từ đó làm nổi bật ý nghĩa biểu tượng của cây xà nu.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận, hai đoạn trích.

* **Thân bài:** Cảm nhận về hình tượng cây xà nu ở hai đoạn văn:

- Mở đầu tác phẩm:

+ Hình tượng cây xà nu ngày ngày phải hứng chịu những đợt bắn phá của kẻ thù, bị tàn phá một cách dã man, không thương tiếc.

+ Nghệ thuật: Thủ pháp liệt kê, so sánh, nhân hóa, ngôn ngữ giàu tính tạo hình.

- Kết thúc tác phẩm:

+ Khẳng định sức sống bất diệt của cây xà nu. Dù bị đại bác kẻ thù bắn phá thường xuyên nhưng cây xà nu vẫn sinh sôi nảy nở, vẫn kiên cường, bất khuất trước kẻ thù.

+ Nghệ thuật: Thủ pháp so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

- Ý nghĩa biểu tượng cây xà nu:

+ Hình tượng cây xà nu trở thành một hình ảnh ẩn dụ cho con người Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng:

- Cây xà nu chịu thương tích bởi đại bác kẻ thù, cũng như người dân làng Xô Man bị giặc giết hại, tra tấn một cách dã man (bà Nhan, anh Xút, mẹ con Mai, Tnú ...)

- Cây xà nu có sức sống mãnh liệt, bất diệt, cũng giống như người dân Xô Man kiên cường, bất khuất. Thế hệ này ngã xuống, thế hệ khác đứng lên nối tiếp nhau chống giặc

* **Kết bài:** Đánh giá chung vấn đề nghị luận

- Hai đoạn trích cùng làm nổi bật vẻ đẹp biểu tượng của cây xà nu – loài cây biểu tượng cho mảnh đất, con người Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mĩ – Diệm.

- Thể hiện sự gắn bó mật thiết của nhà văn Nguyễn Trung Thành với mảnh đất Tây Nguyên qua việc xây dựng thành công bức tranh thiên nhiên hùng vĩ giàu tính tạo hình, đậm màu sắc Tây Nguyên.

2/. ĐỀ LUYỆN TẬP

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và xẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời như thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loáng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá xum xuê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, nhưng vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp chân trời.

(Trích Rừng xà nu, Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 23)

Cảm nhận về đẹp hình tượng rừng xà nu. Từ đó, nhận xét chất sử thi trong ngôi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành qua đoạn trích trên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát: tác giả Nguyễn Trung Thành, tác phẩm Rừng xà nu, đoạn trích và vấn đề nghị luận.

* Cảm nhận về đẹp hình tượng rừng xà nu

– Hình ảnh rừng xà nu xuất hiện xuyên suốt cả câu chuyện (đầu, cuối truyện và gắn bó với số phận, cuộc đời của con người cũng như mọi sự kiện của cộng đồng).

– Vẻ đẹp vừa hùng vĩ (Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp chân trời), vừa thơ mộng trữ tình (nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng gay gắt. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng)

– Sự tàn phá của bom đạn đối với cánh rừng xà nu trong tầm đại bác gợi liên tưởng nhiều mất mát hy sinh mà con người Tây Nguyên trong cuộc sống nô lệ (Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra... rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi... vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết.

– Nhưng bất chất sự tàn phá ấy, những cánh rừng xà nu vẫn xanh tươi, vẫn hiên ngang, ham ánh sáng, khí trời (Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời như thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng... ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...)

– Nghệ thuật: Bút pháp đặc tả sắc sảo, tinh tế; ngòi bút tài hoa và đậm chất sử thi...

* Nhận xét chất sử thi trong ngòi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành

– Ngòi bút tài hoa và tràn đầy cảm hứng sử thi, tác giả đã tạo dựng một không gian đặc trưng cho núi rừng Tây Nguyên: khung cảnh vừa lộng lẫy, vừa trang nghiêm của những cánh rừng xà nu...

– Lối miêu tả giàu khuynh hướng sử thi khiến hình tượng rừng xà nu trở thành biểu tượng cho sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do và tinh thần bất khuất của con người Tây Nguyên...

VI. CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA – Nguyễn Minh Châu

1. Tác giả Nguyễn Minh Châu:

- Là một trong những người mở đường tinh anh và tài năng của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

- Trước 1975, ông là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX ông chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh.

2. Tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa:

2.1) Tóm tắt tác phẩm:

Theo yêu cầu của trưởng phòng, nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng đến một vùng ven biển miền Trung (cũng là nơi anh từng chiến đấu) để chụp một tấm ảnh cho cuốn lịch năm sau. Sau nhiều ngày “phục kích”, người nghệ sĩ đã phát hiện và chụp được “một cảnh đất trời cho” – đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa đang ẩn hiện trong biển sớm mờ sương. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, anh đã ngạc nhiên đến sững sờ khi chứng kiến từ chính chiếc thuyền đó cảnh người chồng vũ phu đánh đập vợ một cách dã man, đứa con vì muốn bảo vệ mẹ đã đánh trả lại cha mình.

Những ngày sau, cảnh tượng đó lại tiếp diễn và lần này người nghệ sĩ đã ra tay can thiệp . . . Theo lời mời của chánh án Đẩu (một người đồng đội cũ của Phùng) người đàn bà hàng chài đã đến toà án huyện. Tại đây, người đàn bà ấy đã từ chối sự giúp đỡ của Đẩu và Phùng, nhất quyết không bỏ lão chồng vũ phu. Chị đã kể câu chuyện về cuộc đời mình và đó cũng là lí do giải thích cho sự từ chối trên. Rời vùng biển với khá nhiều ảnh, người nghệ sĩ đã có một tấm được chọn vào bộ lịch “tĩnh vật hoàn toàn” về “thuyền và biển” năm ấy. Tuy nhiên, mỗi lần đứng trước tấm ảnh, người nghệ sĩ đều thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai và nếu nhìn lâu hơn bao giờ anh cũng thấy hình ảnh người đàn bà nghèo khổ, lam lũ bước ra từ tấm ảnh.

2.2) Nội dung:

a. Hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng

*** Phát hiện thứ nhất: *Cảnh chiếc thuyền giữa biển mờ sương***

*** Cảnh “đắt” trời cho:**

.....
.....
.....

- Người nghệ sĩ trước cảnh:

+ Tâm trạng:.....
.....
.....

+ Hành động:

.....
.....

*** Phát hiện thứ hai: *Cảnh bạo lực gia đình***

***Cảnh tượng phi thẩm mỹ, phi nhân tính**

- Hình ảnh:

+ Người đàn bà: thô kệch, xấu xí, mệt mỏi

+ Người đàn ông: dữ dằn, độc ác

- Cảnh tượng:

+ Gã chồng đánh đập và nguyên rửa người vợ một cách cay độc

+ Người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục

+ Đứa con trai đánh lại cha để bảo vệ mẹ

- Người nghệ sĩ trước cảnh:

+ Tâm trạng:.....

+ Hành động:.....
.....

→ Ý nghĩa của hai phát hiện

- Cuộc đời chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn giữa cái xấu và cái đẹp, giữa cái thiện và cái ác.
- Không thể đánh giá con người, cuộc sống ở dáng vẻ bên ngoài mà phải đi sâu tìm hiểu, phát hiện bản chất bên trong.

b. Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện:

- Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà lam lũ.

* Tính cách:

- **Một người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục.**

.....

- **Giàu lòng tự trọng:**

.....

- **Sống rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, hiểu chồng, thương con vô bờ bến, một người phụ nữ vị tha, giàu đức hy sinh.**

.....

→ Qua câu chuyện đó, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp:

- Cuộc đời, con người đầy những nghịch lí, không xuôi chiều.
- Cần phải nhìn nhận con người trong từng hoàn cảnh cụ thể.

=> Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu sâu sắc hơn về người đàn bà, về người chồng, về bạn và về chính mình.

c. Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:

- **Mới nhìn:**.....

.....

- **Nhìn lâu:**

.....

.....

→ Tấm ảnh với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. Qua đó, nhà văn nhằm gửi gắm ý nghĩa: nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chân chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

c) Nghệ thuật:

- Tình huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.
- Tác giả lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn thích hợp, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực và có sức thuyết phục.
- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, phù hợp với tính cách. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

d) Ý nghĩa văn bản:

Tác phẩm thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.

3. ĐỀ LUYỆN TẬP

Ngay lúc ấy, chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chồm lên thuyền như quát: “Cứ ngồi nguyên đấy. Động đây tao giết cả mày đi bây giờ”.

Chắc hẳn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rõ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tấm lưng rộng và cong như lưng một chiếc thuyền. Mái tóc tó quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gãi hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vút chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

(Trích *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.73)

Phân tích đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về cách nhìn nhận cuộc sống của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.

* Phân tích:

- Khái quát chung về nội dung của tác phẩm hoặc nêu nội dung của đoạn đầu (phát hiện thứ nhất của nghệ sĩ Phùng).

- Khi còn thuyền đâm thẳng vào bờ, bước ra từ con thuyền đẹp như mơ là hình ảnh người đàn bà thô kệch, mệt mỏi; người đàn ông cao lớn dữ dằn; và một cảnh tượng tàn nhẫn: người đàn ông đánh vợ một cách dã man...

→ Những đường nét phi thẩm mỹ và phi nhân tính.

- Sự cam chịu nhẫn nhục đến mức vô lí của người đàn bà: *không khóc, không chống trả, không tìm cách chạy trốn.*

- Phản ứng dữ dội của cậu con trai: đánh lại bố...

- Thái độ của nghệ sĩ Phùng: ngạc nhiên đến kinh ngạc, sững sờ, dường như không thể tin, vút máy ảnh chạy tới...

=> Bức tranh bạo lực gia đình đã hoàn toàn thay thế cho bức tranh chiếc thuyền ngoài xa bồng bềnh trên biển sớm mờ sương.

* Đánh giá nghệ thuật: Nhà văn kết hợp hai phương thức tả và kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật đan xen biến hóa; nhân vật được khắc họa qua ngoại hình, cử chỉ, hành động và ngôn ngữ...

* Cách nhìn nhận cuộc sống của nhà văn:

- Nghệ thuật đích thực không chỉ khám phá vẻ đẹp bề ngoài mà còn phải đi sâu vào bản chất bên trong; người nghệ sĩ cần có cái tâm và cái nhìn sâu sắc trước cuộc đời.

- Cuộc đời chứa đựng nhiều mâu thuẫn, nghịch lí, đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện. Cần có cái nhìn đa chiều, đa diện, phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.

* Đánh giá: Đoạn trích góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu. Từ đó ta thấy được quan niệm và cách nhìn nhận về cuộc đời một cách sâu sắc của nhà văn.

ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ:

PHẦN ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1) *Không ai có thể tránh khỏi nghịch cảnh của đời người. Vay vào những lúc ấy, ta cần phải đối đãi ra sao? Nghịch cảnh là cái bất, nhưng nó không phải là cái bất*

đáng sợ nhất. Những người có thể đứng dậy trong nghịch cảnh mới là vĩ đại thật sự. Nghị lực phát xuất ra trong tình cảnh tuyệt vọng mới phát huy được sức mạnh nội tại tiềm ẩn trong con người.

(2) Nếu không có loại phấn đấu này, người ta sẽ không bao giờ phát hiện được năng lực tiềm ẩn thật sự của mình. Con người nếu không gặp phải nghịch cảnh, sống vô cùng thoải mái, vô ưu vô lo thì cũng chẳng bao giờ phát hiện ra khả năng tiềm ẩn thật sự bên trong của mình. Nếu muốn kiểm nghiệm phẩm cách của một người, cách tốt nhất là xem thái độ hành xử của anh ta trong nghịch cảnh ra sao. Thất bại, cũng chính là cơ hội để ta bước đến một vị trí cao hơn. Điều mà bất cứ người thành công nào nhớ đến đầu tiên không phải là thành tựu mà là thất bại của họ. Những trải nghiệm đau khổ trong nghịch cảnh khiến họ tạc dạ, ghi lòng. Sở dĩ họ thành công được chính là bởi biết đổi mặt và chinh phục nghịch cảnh.

(<https://www.dkn.tv/van-hoa/vi-sao-nghich-canhh-chinh-la-mon-qua-tuyet-voi-nhat-cuoc-song-tang-ban.html>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo tác giả, *cách tốt nhất* khi muốn kiểm nghiệm phẩm cách của một người là gì?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về nhận định: “*Điều mà bất cứ người thành công nào ta nhớ đến đầu tiên không phải là thành tựu mà là thất bại của họ*”?

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến của tác giả: “*Nghịch cảnh là cái bất, nhưng nó không phải là cái bất đáng sợ nhất*”? Vì sao?

PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết **một đoạn văn** (khoảng **200 chữ**) bàn về ý nghĩa của việc **biết đổi mặt và chinh phục nghịch cảnh**.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận **sức sống mãnh liệt của Mị** qua đoạn văn sau:

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình. Mị tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc đó bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy. Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đang biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng. Mị chỉ thì thào được

một tiếng "Đi ngay..." rồi Mỹ nghẹn lại. A Phủ bỗng khụy xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng chạy vụt ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lẩn, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

- Ở đây chết mất.

A Phủ chột hiệu.

Người đàn bà che chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói: "Đi với tôi". Và hai người lẳng lẳng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài, SGK Ngữ Văn 12, tập 2, NXBGD, 2020, tr.14)

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	3.0
Đọc hiểu	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0.5
	2	Theo tác giả, cách tốt nhất khi muốn kiểm nghiệm phẩm cách của một người là <i>xem thái độ của anh ta trong nghịch cảnh ra sao</i> .	0.5
	3	Tác giả cho rằng: <i>Điều mà bất cứ người thành công nào ta nhớ đến đầu tiên không phải là thành tựu mà là thất bại của họ</i> , vì thất bại của người thành công trong thực tế đã nâng cao giá trị của thành tựu mà họ đạt được; cho thấy sự nỗ lực, ý chí, bản lĩnh của con người...	1.0
	4	- HS trả lời: Đồng tình/Không đồng tình (hoặc không trả lời trực tiếp nhưng trong phần giải thích có ý gián tiếp đồng tình/không đồng tình). - Giải thích: Gợi ý + <i>Nghịch cảnh là cái bẫy, nhưng nó không phải là cái bẫy đáng sợ nhất</i> . Bởi lẽ những khó khăn, thử thách lớn trong nghịch cảnh thường khiến con người rơi vào cái "bẫy", khiến họ trở nên sợ hãi, nhụt chí, đôi khi dễ dàng đầu hàng.	0.5 0.5

		+ Tuy nhiên đó lại không phải là <i>cái bẫy đáng sợ nhất</i> . Điều đáng sợ nhất lại nằm ở chính thái độ đầu hàng, run sợ của con người trước nghịch cảnh...	
Phần 2		LÀM VĂN	7,0
	Câu 1	<p>Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc <i>biết đối mặt và chinh phục nghịch cảnh</i>.</p> <p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành...</p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> đưa ra các giải pháp để nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường sống của chúng ta.</p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:</p> <p>Đoạn văn cần có các ý sau:</p> <p>-“Nghịch cảnh”: Những khó khăn, thử thách, thất bại khiến chúng ta chùn bước, nản chí trên hành trình đi đến thành công.</p> <p>- Biết đối mặt và “chinh phục nghịch cảnh”: Là người có bản lĩnh, sẵn sàng đương đầu, đấu tranh với thử thách. Dù đối mặt với thất bại, họ vẫn không từ bỏ và xem đó là trải nghiệm quý giá.</p> <p>- Ý nghĩa của việc con người <i>biết đối mặt và chinh phục nghịch cảnh</i></p> <p>+ Cuộc sống vốn luôn chứa những khó khăn, thử thách. Nghịch cảnh xuất hiện là tất yếu. Chúng ta chinh phục nghịch cảnh sẽ lạc quan, yêu đời hơn.</p> <p>+ Nghịch cảnh đến bất ngờ khiến con người bị tổn thương nhưng cũng sẽ trưởng thành hơn khi ta dũng cảm đương đầu với nó.</p> <p>+ Nghịch cảnh là thước đo tình cảm giữa con người với con người, nó thắt chặt tình đoàn kết, nhân rộng tình yêu thương, ...</p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p>

	<p>+ Tuy nhiên, thực tế cho thấy còn không ít bạn trẻ dễ dàng nhụt chí và bỏ cuộc khi gặp khó khăn, phó mặc cho hoàn cảnh, thất bại và số phận. Dẫn chứng.</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề và rút ra bài học cho bản thân.</p> <p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>e. <i>Sáng tạo</i>: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	0,25 0,25
Câu 2	<p>Cảm nhận sức sống mãnh liệt của Mị qua đoạn văn sau:</p> <p>... <i>Đám than... Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.</i></p> <p>(Tô Hoài, <i>Vợ chồng A Phủ</i>, SGK Ngữ Văn 12, 2021, tr.14)</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0,5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận sức sống mãnh liệt của Mị qua đoạn văn: ... <i>Lúc ấy đã khuya... Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.</i> Từ đó, cho biết giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”- Tô Hoài).</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề :</p> <p>Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi. Học sinh tùy theo năng lực của mình có thể giải quyết theo nhiều hướng nhưng cần đảm bảo bố cục sau:</p> <p>* Mở bài:</p> <p>- Dẫn dắt luận đề.</p> <p>- Giới thiệu luận đề: Sức sống mãnh liệt của Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ và giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”- Tô Hoài.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giới thiệu ngắn gọn về Mị: số phận, tính cách...</p> <p>- Sức sống trở dậy trong con người Mị được thể hiện rõ nét nhất ở hành động cởi trói cho A Phủ, cùng nhau trốn khỏi</p>	3,0

	<p>Hồng Ngải.</p> <p>+ Trông thấy hai hàng nước mắt "lấp lánh" bò xuống hai hõm má đã "xám đen lại của A Phủ", Mị càng thương mình, càng thương người.</p> <p>→ Tình thương, niềm đồng cảm giữa những con người cùng cảnh ngộ đã dẫn đến hành động táo bạo: cắt dây trói giải thoát cho A Phủ, cùng nhau trốn khỏi Hồng Ngải.</p> <p>+ Hành động trên là kết quả của một quá trình, minh chứng cho sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ ở Mị.</p> <p>- Nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích (HS có thể kết hợp phân tích từng luận điểm): Miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế, phù hợp với quy luật tâm lí, ngôn từ sáng tạo, câu văn giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.....</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại luận đề.</p> <p>- Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân.</p>	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp tiếng Việt	0,5
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,5

CHUYÊN ĐỀ:

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (Hồ Chí Minh)

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (Nguyễn Tuân)

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG? (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT (Lưu Quang Vũ)

(08 tiết)

BÀI 1: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – HỒ CHÍ MINH

I. Tác giả - Hồ Chí Minh:

Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, là nhà văn, nhà thơ lớn với nhiều tác phẩm có giá trị

.....
.....

II. Tác phẩm:

1. Hoàn cảnh ra đời:

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng Minh. Trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền, ngày 19-8-1945, cách mạng tháng Tám thành công ở Hà Nội.

- Lúc bấy giờ, bọn thực dân, đế quốc đang chuẩn bị chiếm lại nước ta. Chúng nấp sau quân Đồng Minh vào tước khí giới quân đội Nhật; tiến vào từ phía Bắc là quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc, đằng sau là đế quốc Mỹ; tiến vào từ phía Nam là quân đội Anh, đằng sau là lính viễn chinh Pháp. Lúc này thực dân Pháp tuyên bố: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị quân Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên phải thuộc quyền “bảo hộ” của người Pháp.

- Ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam mới

2. Tóm tắt ý cơ bản:

Bản tuyên ngôn mở đầu bằng những câu trích dẫn từ "Tuyên ngôn độc lập" của Mỹ, "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" của Pháp để khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Tiếp đó, bản tuyên ngôn lên án tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam trong đó hơn 80 năm chúng xâm lược chúng ta. Đó là tội ác về kinh tế, chính trị, văn hóa, tội bán nước hai lần cho Nhật. Bản tuyên ngôn nêu cao cuộc đấu tranh chính nghĩa và thắng lợi của nhân dân ta. Bản tuyên ngôn kết thúc bằng lời tuyên bố quyền độc lập tự do và ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập tự do của toàn dân tộc.

3. Đặc điểm và giá trị, ý nghĩa của văn bản:

- Tuyên ngôn độc lập được công bố trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt đã qui định đối tượng hướng tới, nội dung và cách viết đạt hiệu quả cao nhất.

- Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, tầm vóc tư tưởng cao đẹp và là một áng văn chính luận mẫu mực:

+ Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.

+ Văn bản kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do của toàn dân tộc.

+ Tác phẩm là một áng văn chính luận mẫu mực.

4. Nội dung và nghệ thuật:

4.1 Nội dung:

4.1.1 Cơ sở pháp lý và chính nghĩa của bản Tuyên ngôn Độc lập là

.....
.....
.....

Hồ Chủ Tịch đã trích dẫn hai câu nổi tiếng trong hai bản **Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp**, trước hết là để khẳng định Nhân quyền và Dân quyền là tư tưởng lớn, cao đẹp của thời đại, sau nữa là “*suy rộng ra...*” nhằm nêu cao một lý tưởng về quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của các dân tộc trên thế giới.

Cách mở bài rất đặc sắc, từ công nhận Nhân quyền và Dân quyền là tư tưởng thời đại đi đến khẳng định Độc lập, Tự do, Hạnh phúc là khát vọng của các dân tộc.

Câu văn **“Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”** là sự khẳng định một cách hùng hồn chân lí thời đại: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc, Bình đẳng của con người, của các dân tộc cần được tôn trọng và bảo vệ.

Cách mở bài rất hay, hùng hồn trang nghiêm. Người không chỉ nói với nhân dân Việt Nam ta, mà còn tuyên bố với thế giới. Trong hoàn cảnh lịch sử thời bấy giờ, thế chiến II vừa kết thúc, Người trích dẫn như vậy là để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận tiến bộ thế giới, nhất là các nước trong phe Đồng minh, đồng thời ngăn chặn âm mưu tái chiếm Đông Dương làm thuộc địa của Đờ Gôn và bọn thực dân Pháp hiếu chiến, đầy tham vọng.

4.1.2. Bản cáo trạng tội ác thực dân Pháp.

- Vạch trần bộ mặt xảo quyệt của thực dân Pháp “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”.

- Tội ác về chính trị:.....

.....
.....

- Tội ác về kinh tế:.....

.....
.....

- Tội ác về văn hóa, giáo dục:

.....
.....

→

.....

4.1.3. Quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta

- Từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền khi Nhật hàng Đồng minh.

- Nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân và chế độ quân chủ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.

- Chế độ thực dân Pháp trên đất nước ta vĩnh viễn chấm dứt và xoá bỏ.

- Trên nguyên tắc dân tộc bình đẳng mà tin rằng các nước Đồng minh “quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do. Dân tộc đó phải được độc lập.

Phần thứ hai là những bằng chứng lịch sử không ai chối cãi được, đó là cơ sở thực tế và lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập được Hồ Chí Minh lập luận một cách chặt chẽ với những lí lẽ đanh thép, hùng hồn.

4.1.4. Lời tuyên bố với thế giới

- Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập (từ khát vọng đến sự thật lịch sử hiển nhiên)
- Nhân dân đã quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập ấy (được làm nên bằng xương máu và lòng yêu nước).

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá của dân tộc ta, thể hiện phong cách chính luận của Hồ Chí Minh

4.2. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.
- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm.
- Giọng văn linh hoạt.

5. ĐỀ LUYỆN TẬP

ĐỀ 1: Phân tích cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập qua đoạn trích sau:

Hỡi đồng bào cả nước,

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.”

(**“Tuyên ngôn độc lập”** – Hồ Chí Minh, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2008)

* Mở bài: Giới thiệu khái quát tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" và phần mở đầu.

* Thân bài:

+ Khái quát chung về tác phẩm

+ Phân tích giá trị nội dung của đoạn trích:

- Phần mở đầu nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn: Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm:

- + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc (cho dẫn chứng cụ thể).
- + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái với những điều mà đất nước họ từng đồng ý tuyên bố (cho dẫn chứng cụ thể).
- Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc (cho dẫn chứng cụ thể).
- + Giá trị nghệ thuật:
 - Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các phần còn lại.
 - Dẫn chứng xác thực góp phần củng cố lí lẽ, luận điểm đanh thép của tác phẩm.
 - Lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, vừa khôn khéo vừa kiên quyết với chiến thuật “Gậy ông đập lưng ông”.
- * Kết bài: Đánh giá ý nghĩa của phần mở đầu đối với tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" và tài năng của tác giả HCM.

ĐỀ 2.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc của dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trong tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(Trích *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.41)

Anh/Chị hãy phân tích đoạn văn trên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát: tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm Tuyên ngôn Độc lập, đoạn trích và vấn đề nghị luận.

*Khái quát nội dung của phần đầu: Ở các đoạn văn trước, tác giả đã nêu cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn...

* Phân tích đoạn trích: Lời tuyên bố trịnh trọng của Hồ Chí Minh đã hướng tới:

– Bọn thực dân Pháp – kẻ thù xâm lược gần một thế kỉ nay đang lăm le tái nô dịch nước ta một lần nữa. Tác giả tuyên bố dứt khoát: thoát li hẳn, xóa bỏ hết những hiệp ước, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam... nhằm khẳng định quyền độc lập tự do của Chính phủ và nhân dân Việt Nam về mặt chính trị và pháp lí...

– Nhân dân Việt Nam: tác giả khẳng định mà thực chất kêu gọi ý chí, sức mạnh, quyết tâm, tinh thần đoàn kết của cả dân tộc trong sự nghiệp chống lại âm mưu cướp nước của bọn thực dân.

– Các nước Đồng minh: Hồ Chí Minh tin tưởng, đồng thời thuyết phục họ công nhận quyền độc lập tự do của nhân dân Việt Nam.

– Toàn thế giới: tác giả khẳng định chắc nịch và đanh thép quyền được hưởng tự do độc lập; thực tế độc lập tự do, tinh thần và ý chí của toàn dân Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ độc lập tự do; lời tuyên bố còn có ý nghĩa cảnh cáo các loại kẻ thù có dã tâm xâm lược Việt Nam. Đồng thời, cũng mang tính chất dự báo về một chặng đường lịch sử mới mà dân tộc Việt Nam sẽ phải trải qua...

* Đánh giá nghệ thuật: Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, thấu tình đạt lí; lí lẽ thuyết phục; ngôn ngữ đanh thép; giọng văn hùng hồn, mạnh mẽ...

BÀI 2 : NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ – Nguyễn Tuân

1. Tác giả Nguyễn Tuân:

- Nguyễn Tuân là một nghệ sĩ lớn, là gương mặt tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại

- Phong cách nghệ thuật: độc đáo và sâu sắc, thâm thúy trong một chữ Ngông, nổi bật là nét tài hoa, uyên bác, đặc biệt sở trường về tùy bút.

2. Tóm tắt tác phẩm:

Thiên nhiên Tây Bắc được tô điểm bởi con sông Đà vừa hung bạo trữ tình.

Sông Đà có lúc dịu dàng như người phụ nữ kiều diễm. Nước sông Đà thay đổi theo mùa phản chiếu trời xuân nắng thu “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, mùa thu lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa”. Dọc theo sông Đà, có lắm thác nhiều ghềnh, có đá dựng vách thành, có đá tảng, đá hòn bày thế thạch trận, tạo nên cửa sinh cửa tử. Nổi bật trên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, đầy sức sống đó là hình ảnh ông lái đò sông Đà. Đó là một người mang vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân lao động vùng sông nước với thân hình cao to, nước da rám nắng. Ông làm nghề lái đò đã nhiều năm, từng gắn bó với dòng sông Đà, hiểu được tính khí của nó. Ông thuộc nằm lòng từng con thác lớn, thác nhỏ, từng vách đá, luồng nước, từng cửa sinh cửa tử do thế thạch trận tạo nên. Ông đã dùng kinh nghiệm nghề nghiệp cộng với sự cần cù gan dạ đưa con thuyền vượt thác nước sông Đà đầy nguy hiểm. Ông đã đưa nhiều chuyến hàng về xuôi an toàn để góp phần vào cuộc sống.

Sau khi vượt sông Đà, ông lái đò trở về cuộc sống đời thường thanh thản của mình, ông neo thuyền chỗ khúc sông bình lặng và nấu ồng cơm lam, bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh.

3. Tùỳ bút “Người lái đò sông Đà”

a) Nội dung:

- **Lời đề từ** “Chúng thủy giai đông tẩu. Đà giang độc bắc lưu” → giới thiệu dòng sông như một nhân vật có cá tính độc đáo.

- **Khắc họa hình tượng sông Đà với hai tính cách trái ngược:**

+ Hung bạo, dữ dằn

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+ Trữ tình, thơ mộng với dáng vẻ, màu sắc, cảnh quan đôi bờ...

.....

.....

.....

.....

.....

→ Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động.

- **Xây dựng hình ảnh người lái đò:** trí dũng, tài hoa, nghệ sĩ trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

→ Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: những con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các “vang bóng một thời”

mà là những người lao động bình thường. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

b) Nghệ thuật:

- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.
- Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.
- Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình...

c) Ý nghĩa văn bản:

Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc; thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.

4. ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1.

Trong tác phẩm **Người lái đò sông Đà**, Nguyễn Tuân viết:

... Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đê ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân... Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc điu dàng dấy, rồi lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa...

(Theo **Ngữ văn 12**, tập 1, trang 191, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2021)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của sông Đà trong đoạn văn trên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* **Mở bài:** - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận trong đoạn trích.

- Trích dẫn đoạn trích.

* **Thân bài:**

- **Con sông thơ mộng, trữ tình:**

+ Hình dáng, màu sắc: *tuôn dài như áng tóc trữ tình, mùa xuân xanh ngọc bích, mùa thu lừ lừ chín đỏ...*

+ Có tính cách, tâm hồn: *Sông Đà gợi cảm, như một cố nhân...*

+ Cảnh sắc ven sông: Trù phú, giàu sức sống: *Cỏ gianh đang ra nõn búp, những nương ngô mới nhú..., không gian hoang sơ, kì ảo*

- **Nghệ thuật:** So sánh, nhân hóa, tưởng tượng độc đáo, vận dụng tri thức của nhiều lĩnh vực, xây dựng hình tượng thành công. Từ ngữ chọn lọc, độc đáo. Hình ảnh lãng mạn, giúp Nguyễn Tuân tái hiện được sức sống mãnh liệt của mỹ nhân sông Đà thơ mộng và trữ tình.

* **Kết bài:** Đánh giá chung vấn đề.

ĐỀ 2.

Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo bạt. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc loà sáng lên như một cửa bể đom đóm rùng ừ xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đồ cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lung, đánh đòn tia, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tinh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh cửa, sinh nằm lập lò phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đồ ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra cảnh níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông

đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vắng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thừng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tui nghiu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lầy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sóng ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác.

(Trích *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.188-190)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lái đò Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét cách nhìn con người của nhà văn Nguyễn Tuân trong tác phẩm *Người lái đò Sông Đà*.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu khái quát: tác giả Nguyễn Tuân, tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.

* Cảm nhận hình tượng người lái đò qua đoạn trích

– Vẻ đẹp của người lái đò trong cảnh vượt thác:

+ Vẻ đẹp người lái đò trong cuộc chiến ở trùng vi thứ nhất:

++ Khi thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vút tới ở một tư thế hiên ngang, chủ động không hề sợ hãi sẵn sàng nghênh chiến đối đầu với dòng thác dữ.

++ Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình” Sự vững vàng để đối chọi luồng nước giữ.

++ Trước đoàn quân liều mạng sóng nước xông vào (...), ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cái cuống lái, mặt méo bệch đi nhưng vẫn kiên cường vượt qua cuộc hỗn chiến, vẫn cầm lái chỉ huy ngắn gọn mà tinh táo để phá tan trùng vi thạch trận thứ nhất.

- Sự dũng cảm, bản lĩnh của ông lái đò.

+ Vẻ đẹp người lái đò trong cuộc chiến ở trùng vi thứ hai:

++ Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật.

++ Trước dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá, ông lái đò cùng chiếc thuyền cưỡi trên dòng thác như là cưỡi hổ. Ông đò ghi cương mà lái miết về phía luồng cửa sinh sau khi đã bám chắc luồng nước đứng.

++ Khi bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước xô ra, ông đò không hề nao núng mà tinh táo, linh hoạt thay đổi chiến thuật, ứng phó kịp thời, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo

lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến để rồi những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền.

+ Vẻ đẹp người lái đò trong cuộc chiến ở trùng vi thứ ba: Ông cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa... vút qua cổng đá, vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được... để rồi chiến thắng vinh quang” Câu văn thể là hết thác như một tiếng thở phào nhẹ nhõm khi ông lái đã bỏ lại hết những thác ghềnh ở phía sau lưng.

– Nghệ thuật: ngòi bút tài hoa, uyên bác; ngôn ngữ chính xác, hình ảnh, câu văn sáng tạo mới mẻ; vốn từ vựng phong phú; ...

* Nhận xét về cách nhìn con người của nhà văn Nguyễn Tuân

– Con người lái đò được cảm nhận với vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ với vẻ đẹp + Sự ngoan cường, lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm vượt qua những thử thách khốc liệt của cuộc sống.

+ Tài trí con người, của sự am hiểu đến tường tận tính nết của sông Đà.

+ Sự tài hoa của một người nghệ sĩ vượt thác.

– Nguyễn Tuân luôn nhìn nhận con người từ góc độ tài hoa, nghệ sĩ trở thành phong cách nghệ thuật của ông (nếu như trước Cách mạng hình ảnh người nghệ sĩ mà ông hướng tới là những người có tài năng khí phách phi thường, ông đi tìm vẻ đẹp con người ở một thời “vang bóng” thì sau Cách mạng hình tượng người nghệ sĩ có thể tìm thấy ở ngay trong cuộc chiến đấu, lao động sản xuất hàng ngày).

* Đánh giá chung

– Người lái đò Sông Đà là một áng văn đẹp được làm nên từ tình yêu đất nước say đắm, thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên và đặc biệt là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc

BÀI 3: AI ĐÃ DẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG? – Hoàng Phủ Ngọc Tường

1. Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường:

- Ông là một trí thức yêu nước, nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.

- Ông là một nghệ sĩ tài hoa, chuyên viết bút kí, là “một trong mấy nhà văn viết kí hay nhất của văn học ta hiện nay”.

- Phong cách nghệ thuật: sáng tác của ông luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, nghị luận và tư duy đa chiều với một lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm, tài hoa.

2. Tác phẩm:

a) Tóm tắt tác phẩm:

Bài bút kí đã ca ngợi vẻ đẹp của sông Hương gắn liền với xứ hủ mơ mộng đã đi vào lòng người và với truyền thống lịch sử xứ Huế

Lúc ở thượng nguồn, sông Hương có vẻ đẹp mãnh liệt và hoang dại ,có nhiều ghềnh thác đáy vực bí ẩn.Có thể xem sông Hương như bản trường ca của rừng già Lúc về đồng bằng ,sông Hương thơ mộng làm say đắm lòng người.Hai bên bờ sông Hương chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên.Dòng sông mềm như tấm lụa uốn cong ,cảnh đẹp như bức tranh có đường nét,hình khối “trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sừng như thành quách”, “cao đột ngột như VỌNG CẢNH, TAM THAI, LƯU BẢO”.Sông hương có vẻ đẹp đa màu biến ảo : “sớm xanh, trưa vàng ,chiều tím”

Lúc qua thành phố huế,sông Hương “trôi đi thực chậm”,chảy lặng lẽ như điệu slow. Sông Hương “đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”. Trên sông vọng lại tiếng hát trong một khoang thuyền nào đó. Sông Hương mang vẻ đẹp vừ trữ tình, vừa trầm mặc gắn liền với lịch sử bi tráng của dân tộc mà trên thế giới không có dòng sông nào như thế. Và trước vẻ với biển sông hương lưu luyến tình cảm với thành phố Huế ví như nỗi vấn vương của nàng Kiều với Kim Trọng.

b) Nội dung:

- Thủy trình của Hương giang:

+ Ở thượng nguồn:

.....
.....
.....

+ Đến ngoại vi phố Huế:

.....
.....
.....

+ Đến giữa thành phố Huế:

.....
.....
.....
.....

+ Trước khi từ biệt Huế:

.....
.....

- Dòng sông của lịch sử và thi ca:

+ Trong lịch sử: sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc.

+ Trong đời thường: sông Hương mang vẻ đẹp giản dị của “một người con gái dịu dàng của đất nước”.

+ Sông Hương là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.

c) Nghệ thuật:

- Văn phong tao nhã, hướng nội tinh tế và tài hoa.

- Ngôn từ phong phú, gợi hình, gợi cảm; câu văn giàu nhạc điệu.

- Các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, so sánh được sử dụng một cách hiệu quả.

c) Ý nghĩa văn bản:

Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.

3. ĐỀ LUYỆN TẬP:

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp độc đáo của sông Hương qua đoạn văn sau:

Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.

(Trích **Ai đã đặt tên cho dòng sông?** – Hoàng Phủ Ngọc Tường)

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận và trích dẫn đoạn trích.

* Cảm nhận về đẹp sông Hương:

+ Ở thượng nguồn:

Là “bản trường ca của rừng già” “rầm rộ dưới bóng cây đại ngàn”, “mãnh liệt qua những ghềnh thác”; lúc lại dịu dàng say đắm dưới dặm dài chói lọi hoa đỗ quyên ...”

“cô gái Di - gan”: phóng khoáng, man dại, tâm hồn tự do, trong sáng, bản tính gan dạ, có sức mạnh bản năng

Sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ “người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở” .

+ Sông Hương từ thượng nguồn đến Huế:

- Sông Hương “như một người gái đẹp nằm ngủ mơ màng ...” được đánh thức bởi tiếng gọi của tình yêu, bắt đầu hành trình gian truân, “tìm kiếm có ý thức” đến với Huế, lần đầu đến với tình yêu một mặt rất e lệ, một mặt táo bạo chủ động “vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn”.

Sông Hương có nhịp chảy chậm rãi, “mềm như tấm lụa” (liên hệ hình ảnh sông Đà như “áng tóc trữ tình”),

Từ ngã ba Tuần đến chân đồi Thiên Mụ: mang dáng vẻ trầm mặc khi chảy qua những lăng tẩm, đổi dòng chuyển hướng liên tục.

Từ chân đồi Thiên Mụ đến lúc gặp Huế: “vui hẳn lên”, “kéo một nét thẳng” vì tìm đúng đường về Giáp mặt Huế, sông Hương không gặp Huế ngay mà “uốn một cánh cung ...tình yêu” như một người con gái bẽn lễn, ngại ngùng.

* Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật.

4. HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT (trích) – LƯU QUANG VŨ

I. Tác giả

- Lưu Quang Vũ là một tài năng đa dạng: *làm thơ, sáng tác văn xuôi, vẽ tranh và soạn kịch*,... nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ.

- Ông là hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm 80 của thế kỷ XX, *nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại*.

II. Hoàn cảnh sáng tác:

Vở kịch được viết năm 1981, nhưng đến năm 1984 mới lần đầu ra mắt công chúng, dựa trên cốt truyện dân gian. Nhanh chóng được nhiều thiện cảm với người xem, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* được công diễn nhiều lần trên các sân khấu lớn trong và ngoài nước.

III. NỘI DUNG

1. Hình tượng nhân vật Trương Ba:

a. Trương Ba khi còn sống:

- Lao động cần cù, chăm chỉ, khéo léo.
- Có tài năng đánh cờ rất giỏi.
- Sống nhân hậu, trong sạch, ngay thẳng.

→ *Trương Ba khi còn sống là một người có phẩm chất tốt đẹp, tâm hồn trong sáng, cao thượng.*

b. Trương Ba sau khi chết nhập vào xác hàng thịt:

- Chết đột ngột một cách vô lí do sự vô tâm và tặc trách của Nam Tào gạch bừa tên Trương Ba.

- Nam Tào sửa sai cho Trương Ba sống lại nhập vào xác hàng thịt

- Bị thể xác sai khiến, trú ngụ dưới thân thể dung tục, thô bạo, to béo.

→ *Trương Ba lâm vào một nghịch cảnh vô lí, một cảnh tình trở trêu, éo le: linh hồn nhân hậu, thanh cao phải sống nhờ tạm một cách trái tự nhiên trong thể xác thô lỗ, phàm tục...*

c. Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt:

* Độc thoại nội tâm:

- *Ngồi ôm đầu, nhìn chân tay, nhìn thân thể.*

- *Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi.*

- *Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi.*

- *Cái thân kèn càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta muốn rời xa mi tức khắc.*

→ *Tâm trạng đau khổ, chán chường, ghê sợ và muốn thoát khỏi cuộc sống nhờ tạm xác hàng thịt.*

* Đối thoại với xác hàng thịt:

- Xác hàng thịt:

+ *Cái linh hồn mờ nhạt, khốn khổ kia ơi!*

+ *Đã luôn bị tiếng nói ấy sai khiến.*

+ *Tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả linh hồn cao khiết của ông đấy!*

+ *Xác thịt có tiếng nói đấy.*

+ *Hai ta đã hòa chung là một rồi!*

+ *Khi ông tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn.*

+ *Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải uy phục!*

+....

→ *Xác hàng thịt biết rõ những cố gắng Trương Ba là vô ích, đã cười nhạo hồn Trương Ba, tuyên bố về sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình, ranh mãnh dồn Trương Ba vào thế đuối lí và hơn nữa ve vãn hồn Trương Ba thỏa hiệp.*

- Hồn Trương Ba:

+ *Mày không có tiếng nói, mày chỉ là cái xác thịt âm u đui mù...*

+ *Mày chỉ có cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc.*

+ *Im đi! Đây là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...*

+ *Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn....*

+ *Bị tai lại, không muốn nghe.*

+ *Tuyệt vọng, trời!*

→ Trước “lí lẽ ti tiện” của xác hàng thịt, hồn Trương Ba đã nổi giận, khinh bỉ, mắng mỏ xác thịt hèn hạ nhưng đồng thời rất đau khổ, dằn vặt, ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh mà mình đã lâm vào, đành nhập trở lại vào xác trong tuyệt vọng.

=> Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt thể hiện mâu thuẫn gay gắt giữa thể xác và tâm hồn là một ẩn dụ về cuộc đấu tranh giữa tâm hồn và thể xác của một con người:

- Thể xác con người có tiếng nói riêng của nó, đó là tiếng nói bản năng và nó có tác động ghê gớm đến linh hồn. Linh hồn phải luôn đấu tranh để vượt lên những đòi hỏi không chính đáng của thể xác.

- Nhà văn cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục sẽ ngự trị, sẽ thắng thế, sẽ lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý của con người.

- Nhà văn đặt ra vấn đề: Làm thế nào để bảo vệ, hoàn thiện nhân cách trước bản năng và điều kiện khắc nghiệt của môi trường?

d. Màn đối thoại với người thân:

- Vợ Trương Ba:

+ *Cái thân tôi thì sao trời lại không bắt đi cho rãnh!*

+ *Có lẽ tôi phải đi...*

+ *Nghĩ ngợi, rung rưng, khóc.*

+ *Để ông được thanh thoi với cô vợ hàng thịt..*

+ *Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa...*

→ Vợ Trương Ba buồn bã, đau khổ nhưng vốn bản tính vị tha nên đã nhường Trương Ba cho cô vợ hàng thịt.

- Cái Gái – cháu nội Trương Ba:

+ *Ông nội tôi chết rồi.*

+ *Hồn ông nội tôi sẽ bóp cổ ông*

+ *Từ nay ông không được đụng chạm vào cây cối trong vườn ông tôi nữa.*

+ *Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi, cút đi!*

→ Cái Gái phản ứng quyết liệt và dữ dội, không chấp nhận, không tin Trương Ba, thậm chí xua đuổi Trương Ba.

- Chị con dâu:

+ *Thầy đờng giận con trẻ..khổ thân thầy...*

+ *Con sợ lắm, đau đớn lắm, mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mắt mắt dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc con cũng không nhận ra thầy nữa.*

→ Chị con dâu cũng cảm nhận sự thay đổi và rất lo lắng, thông cảm, xót thương cho hồn Trương Ba.

- Hồn Trương Ba:

+ *Thần thờ, nghĩ ngợi.*

+ *Ngồi xuống ôm đầu.*

+ *Như cầu cứu*

+ *Nhẫn nhục.*

+ *Mặt lạnh ngắt như tảng đá.*

→ Hồn Trương Ba đau khổ, tuyệt vọng vì ông hiểu những gì mình đã, đang và sẽ gây ra cho người thân là rất tệ hại mặc dù ông không hề muốn điều đó.

e. Màn đối thoại hồn Trương Ba với Đế Thích:

- Đế Thích:

+ *Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn ư? Ngay cả tôi đây.*

+ *Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống thei những điều tôi nghĩ bên trong.*

+ *Dưới đất, trên trời đều thế cả.*

+ *Trong thân một đứa bé, ông sẽ có cả cuộc đời trước mặt.*

+ *Không! Ông phải sống dù bất cứ giá nào...*

+ *Con người dưới hạ giới các ông thật kì lạ.*

→ Đế Thích không muốn Trương Ba chết đi, ông tiếp tục có ý nghĩ lại sai lầm khi cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị. Qua đó thể hiện quan niệm sự sống còn khá đơn giản: sống tức là không chết.

- Hồn Trương Ba:

+ *Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được.*

+ *Tôi môn được là tôi toàn vẹn.*

+ *Tâm thường nhưng đúng là của anh ta, chúng sinh ra để sống với nhau.*

+ *Nếu ông k giúp, tôi sẽ..tôi sẽ...nhảy xuống sông hay đâm một nhát dao vào cổ...*

+ *Tôi đã nhát quyết...*

→ Hồn Trương Ba đã thể hiện thái độ kiên quyết từ chối, không chấp nhận cảnh sống tâm thường, dung tục, giả tạo để giữ nhân cách thanh cao và ông thẳng thắn chỉ ra sai

lâm của Đế Thích. Đồng thời thể hiện quan niệm sống tiến bộ phải có sự hài hòa giữa tâm hồn và thể xác và khẳng định vẻ đẹp trong tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo để bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, hợp với lẽ tự nhiên cùng sự hoàn thiện nhân cách.

f. Màn kết:

- Hồn Trương Ba trả lại xác cho hàng thịt và chấp nhận cái chết.
 - Hồn Trương Ba hóa thân thành các sự vật thân thương “*màu xanh cây vườn*”, tồn tại vĩnh viễn bên người thân yêu.
- Bi kịch lạc quan đồng thời truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của cái đẹp, cái thiện và của sự sống đích thực của con người.

2. Vài nét về nghệ thuật:

- Nghệ thuật độc thoại nội tâm sâu sắc, đối thoại sinh động.
- Tình huống giàu kịch tính, thử thách và bộc lộ phẩm chất nhân vật.
- Tính cách, phẩm chất nhân vật bộc lộ chủ yếu thông qua ngôn ngữ, hành động kịch

IV. ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1.

Hồn Trương Ba: Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

[...]

Đế Thích: Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba: Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế thích ạ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

Đế Thích: Ông có biết ông quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

Hồn Trương Ba: Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi! Còn lấy lý lẽ gì khuyên thằng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được? Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai? Họ chẳng chỉ có lão lý trưởng và đám trương tuần hủ hủ thu lợi lộc! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

(Trích **Hồn Trương Ba, da hàng thịt**, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.149-151)

Phân tích cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích trong đoạn trích. Từ đó, nhận xét triết lý nhân sinh được Lưu Quang Vũ gửi gắm qua tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.

.....
.....
.....
.....

* Phân tích cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích:

- Nêu khái quát vở kịch, hoàn cảnh dẫn đến cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích.

- Cuộc tranh luận về quan niệm sống của Trương Ba và Đế Thích. Qua cuộc tranh luận, tác giả gửi gắm quan điểm sống – “*phải sống là chính mình*”.

+ Trương Ba :.....

.....
.....

+ Đế Thích lập luận và chỉ ra rằng không chỉ Trương Ba đang sống trong cảnh trong ngoài bất nhất, mà mọi người đều như thế cả.

→ Nhân cách cao thượng và đức hi sinh của Trương Ba. Qua đó tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết.

* Nghệ thuật: Sáng tạo lại cốt truyện dân gian. Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm. Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống truyện.

* Nhận xét triết lý nhân sinh được Lưu Quang Vũ gửi gắm qua tác phẩm:

.....
.....

.....
.....
....

ĐỀ 2.

Vườn cây rung rinh ánh sáng. Ở một góc nhà đó, hiện lên cảnh tượng cu Tị đang ôm chầm lấy mẹ, chị Lua cuống quýt vuốt ve con. Bà vợ Trương Ba xuất hiện ở phía trước sân khấu.

Vợ Trương Ba: Ông ở đâu? Ông ở đâu?

(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện)

Trương Ba: Tôi ở đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà giã cỏ... Không phải mượn thân xác ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu.

(Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)

Cái Gái: (Tay cầm một trái na) Cây na này, ông nội tớ trồng đấy. Quả to mà ngon lắm. Ta ăn chung nhé!

(Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)

Cu Tị: Cậu làm gì thế?

Cái Gái: Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi...

(Trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Lưu Quang Vũ, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục, tr.153)

Phân tích nhân vật Trương Ba trong đoạn trích trên. Từ đó nêu lên ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc Mà Lưu Quang Vũ gửi gắm trong vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.

GỢI Ý TRẢ LỜI

* Mở bài: Giới thiệu khái quát tác giả Lưu Quang Vũ, tác phẩm, đoạn trích, vấn đề cần nghị luận và trích dẫn đoạn trích.

* Thân bài:

+ Tóm tắt sơ lược cốt truyện.

+ Phân tích:

– Kết thúc vở kịch, Trương Ba chết, nhưng hồn ông vẫn còn đó “giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện”, và ông đã nói với vợ mình những lời tâm huyết, hàm chứa ý nghĩa “Tôi đây bà ạ. Tôi ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...”.

– Những lời nói của Trương Ba, phải chăng đó là sự bất tử của linh hồn trong sự sống, trong lòng người. Điều đó tô đậm thêm nhân cách cao thượng của Trương Ba và khắc sâu thêm tư tưởng nhân văn của tác phẩm.

– Cu Tị sống lại và đang cùng ngồi với cái Gái trong khu vườn. Cái Gái “Lấy hạt na vùi xuống đất...” cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo thế. Những cây sẽ nối nhau mà khôn lớn. Mãi mãi...”

– Hình ảnh cái Gái ăn quả Na rồi vùi hạt xuống đất:

+ Biểu tượng cho sự tiếp nối những truyền thống tốt đẹp (“Ông nội tớ bảo vậy”) là tâm hồn, là nhân cách Trương Ba.

+ Biểu tượng cho sự sống bất diệt của những giá trị tinh thần mang tính nhân văn cao đẹp (“mãi mãi”).

+ Khẳng định niềm tin vào sự chiến thắng của cái thiện và cái đẹp.

– Ý nghĩa của sự sống nhiều khi không phải ở sự tồn tại sinh học mà chính là sự hiện diện của người đã khuất trong tâm tưởng, nỗi nhớ, tình yêu của những người còn sống. Vẻ đẹp tâm hồn sẽ trường tồn dài lâu, bất tử so với sự tồn tại của thể xác

-> Đây là một đoạn kết giàu chất thơ với ngôn từ tha thiết, thấm đẫm tình cảm và có dư ba bởi những hình ảnh tượng trưng về sự sống nảy nở (“vườn cây rung rinh ánh sáng, hai đứa trẻ cùng ăn quả na rồi gieo hạt na xuống đất cho nó mọc thành cây mới). Đó là khúc ca trữ tình ca ngợi sự sống, ca ngợi những giá trị nhân văn mà con người luôn phải vươn tới và gìn giữ.

* Thông điệp vở kịch:

– Lưu Quang Vũ muốn phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ: con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất chỉ thích hưởng thụ đến nỗi trở nên phàm phu thô thiển.

– Lấy có tâm hồn là quý đời sống tinh thần là đáng trọng mà chẳng chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất không phân đầu vì hạnh phúc toàn vẹn. Cả hai quan niệm cách sống trên đều cực đoan đáng phê phán.

– Tình trạng con người phải sống giả không dám và cũng không được sống là bản thân mình. Đây là nguy cơ đẩy con người đến chỗ bị tha hóa do danh và lợi.

* Kết bài:

– Qua Đoạn kết và Cảnh VII vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp: được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Con người phải luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

– Đoạn trích có những đặc sắc về nghệ thuật: cốt truyện dân gian, ngôn ngữ hành động và ngôn ngữ nội tâm được diễn tả sống động, giàu triết lí nhân sinh.

ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

Nắm nhau tôi chôn góc phù sa sông Mã

Trăm thác nghìn ghềnh cuộn xoáy vào tơ

Làng cong xuống dáng tre già trước tuổi
Tiếng gọi dò khuya sạt cả đôi bờ.
Con hén, con trai một đời nằm lệch
Lám láp đất bùn đứng thẳng cũng nghiêng
Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát
Giấc mơ tôi ngọt hơi thở lảng giêng.
Hạt thóc củ khoai đặt đâu cũng thấp
Cả những khi rõ rá đội lên đầu
Chiếc liềm nhỏ không còn nơi cắt chấu
Gặt hái xong rồi rom, rạ bó nhau.

(Nguyễn Minh Khiêm, trích "**Một góc phù sa**", NXB Hội Nhà văn, 2007, tr 18 &19)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh nói về quê hương bình dị, gần gũi trong kí ức của nhà thơ.

Câu 3. Hai câu thơ:

*"Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát
Giấc mơ tôi ngọt hơi thở lảng giêng"*

Gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 4. Thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất qua đoạn thơ trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ đoạn trích phần Đọc hiểu anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của những điều giản dị đối với cuộc sống con người.

Câu 2 (5,0 điểm)

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bắt hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

(Trích ***Tuyên Ngôn Độc Lập***, Hồ Chí Minh, Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.39)

Cảm nhận của anh (chị) về **cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn**. Từ đó nhận xét **nghệ thuật lập luận của tác giả**.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	<p>Thể thơ: Tự do</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời khác đáp án hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>Học sinh nêu được các từ ngữ, hình ảnh: <i>phù sa sông Mã, con hén, con trai, hạt thóc, củ khoai, lấm láp đất bùn, rom rạ...</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được 2 từ ngữ, hình ảnh: 0, 5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 4 từ ngữ, hình ảnh: 1,0 điểm.</p>	1,0
	3	<p>- Hình ảnh người mẹ tần tảo, lạc quan yêu đời.</p> <p>- Kí ức về tuổi thơ gắn bó với quê hương, xóm giềng và người mẹ yêu quý. Kí ức đẹp đẽ đó sẽ theo mãi cuộc sống con người.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được trọn vẹn đúng đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được trọn vẹn ý 2: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được ý 1: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh có trả lời nhưng còn sơ sài, chưa rõ ý: 0,25 điểm.</p>	1,0
	4	<p>Một số bài học em có thể rút ra như:</p> <p>- Trân trọng những người thân yêu xung quanh mình</p> <p>- Gắn gũi, gắn bó với quê hương coi đó là nguồn cội quan trọng đối với bản thân mình.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trình bày đúng hoặc diễn đạt tương đối thuyết phục: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trình bày có ý nhưng còn sơ sài thiếu sâu sắc: 0,25 điểm.</p> <p>Lưu ý: Học sinh trình bày quan điểm bằng các từ ngữ/cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</p>	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	<p>Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của những điều giản dị đối với</p>	2,0

GIỚI THIỆU CÁC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THAM KHẢO NĂM 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2023

ĐỀ THI THAM KHẢO

Bài thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

*chính mẹ đẻ anh hùng và truyền thuyết
tù túp lều lợp lá lợp tranh
cắt cuống nhau bằng lưỡi liềm
bàn chân thô quanh năm bùn lấm
chưa một lần wớm qua sử sách
tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ
dù uống nước đâu lòng vẫn nhớ nguồn
thương từ cái kiến con ong
tím ruột bầm gan thù bọn ác*

(1) Câu thơ của Nguyễn Du.

(Trích *Những người đi tới biển*, Thanh Thảo, NXB Quân đội Nhân dân, 2004, tr.

*dân tộc tôi khi đứng dậy làm người
là đứng theo dáng mẹ
"đòn gánh tre chín dạn hai vai" (1)
mùa hạ gió Lào quặng quật
mùa đông sắt se gió bắc
dân tộc tôi khi đứng dậy làm người
mồ hôi vã một trời sao trên đất
trời sao lặn hóa thành muôn mạch
nước*

chảy âm thầm chảy dọc thời gian

53-54)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ diễn tả đời sống nghèo khó, vất vả của người mẹ trong đoạn thơ: *chính mẹ đẻ anh hùng và truyền thuyết*

*từ túp lều lợp lá lợp tranh
cắt cuống nhau bằng lưỡi liềm
bàn chân thô quanh năm bùn lấm
chưa một lần úm qua sử sách*

Câu 3. Nêu nội dung của hai dòng thơ:

*tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ
dù uống nước đâu lòng vẫn nhớ nguồn*

Câu 4. Nhận xét về hình ảnh dân tộc Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong *Việt Bắc*, nhà thơ Tố Hữu viết:

*Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

(*Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 111)

Anh/Chị hãy phân tích đoạn trích trên; từ đó, nhận xét về lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý LỜI GIẢI ĐỀ THI THAM KHẢO TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

(Tham khảo)

Phần	Câu	Nội dung
------	-----	----------

I	ĐỌC HIỂU	
	1	Thể thơ của đoạn trích: Thể thơ tự do
	2	Những từ ngữ diễn tả đời sống nghèo khó, vất vả của người mẹ trong đoạn " thơ: "túp lều lợp lá lợp tranh", "lưỡi liềm", "bàn chân thô", "bùn lấm". ")
	3	Nội dung của hai dòng thơ: "tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ/dù uống " nước đầu lòng vẫn nhớ nguồn" là sự nuôi nấng, dưỡng dục của mẹ đều gắn liền với những bài học về sự biết ơn và những đạo lý truyền thống của dân tộc, gắn liền với đời sống của nhân dân lao động - những điều đã làm nên con người anh hùng của lịch sử sau này.
4	Nhận xét về hình ảnh dân tộc Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích: Sự trưởng thành, lớn mạnh của dân tộc gắn liền với hình ảnh, vẻ đẹp của người mẹ - táo tợn, vất vả, mạnh mẽ và bền bỉ vượt qua những khó khăn. Dân tộc vừa mang những gian khó, đau thương để trưởng thành, vừa toát lên từ đó vẻ đẹp ngời sáng, vẻ đẹp của sự hóa thân của muôn vàn nhân dân để tạo nên đất nước trường tồn.	
II	LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn về sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống
		<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. ")</p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p>

1. c. Triển khai vấn đề nghị luận

Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống. Có thể theo hướng:

- Trong cuộc sống, con người sẽ đối diện với nhiều khó khăn và thử thách, nhưng khi vượt qua được thì chúng ta sẽ có sức mạnh thể chất và tinh thần.
- Biểu hiện của vượt khó: dũng cảm đối diện, không lùi bước khi gặp thử thách, dám đối mặt và rút ra bài học từ những thất bại.

- Tinh thần vượt khó giúp con người đối chọi với khó khăn, không ngại thất bại, đồng thời thêm sức mạnh để vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn.

Thí sinh cần bổ sung thêm một vài dẫn chứng, liên hệ với bản thân để bài viết thêm thuyết phục và hấp dẫn.

d. Chính tả, ngữ pháp

Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

2 Phân tích đoạn trích trong bài Việt Bắc của Tố Hữu ; từ đó nhận xét về lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:

- Mở bài giới thiệu được vấn đề. - Thân bài triển khai được vấn đề.
- Kết bài khái quát được vấn đề.

Xác định đúng vấn đề nghị luận:

Lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

2. Triển khai vấn đề nghị luận

Thí sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:

Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận

Nội dung phần thân bài:

- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm
- Phân tích đoạn trích
- Luận điểm 1: Nỗi nhớ con người và thiên nhiên Việt Bắc là cảm xúc chủ đạo cho toàn bộ đoạn thơ. (Phân tích 2 câu thơ đầu)
- Luận điểm 2: Bức tranh thiên nhiên - con người Việt Bắc được thể hiện trong hoài niệm của người đi (Phân tích 8 câu thơ sau)
- Thiên nhiên bốn mùa tươi đẹp, yên bình, đầy sức sống.
- Con người chăm chỉ lao động, ân tình, thủy chung.
- Nhận xét về nghệ thuật: Trong âm hưởng chung của thể thơ lục bát với ngôn từ gần gũi, nhịp điệu dịu dàng, bao trùm cả đoạn thơ là tình cảm nhớ thương tha thiết của người đi dành cho người ở lại và cho không gian núi rừng Việt Bắc.
- Nhận xét về lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích: Cảm xúc thương nhớ và lòng biết ơn với mảnh đất và con người Việt Bắc được thể hiện rõ ràng trong đoạn trích. Đó là lòng biết ơn đối với những người dân "ân tình thủy chung" đã bao bọc, chở che, hỗ trợ cho bộ đội từ những ngày tháng chiến đấu gian khổ cho đến khi giành được hòa bình. Lẽ sống

ân nghĩa ấy thể hiện ở
tình quân dân cá nước.

Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Sáng tạo

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN

KÌ THI KHẢO SÁT CÁC MÔN THI
TỐT NGHIỆP THPT
NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút

(không kể thời gian phát đề)

Đề thi gồm 02 trang

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 ĐIỂM)

Đọc bài thơ

*Những căn nhà ấy**

Đâu rồi

những căn nhà

những căn nhà bông bé tuổi thơ tôi

những vách cột tay tôi men lấm chẫm!

không gian rộng

trống trơn

những căn nhà tự nguyện chìm vào đất

tạo dựng các tầng trời

giục ý nghĩ trong đầu người cất cánh

Trên nền xưa

say khoảng rộng, chân đi thành cánh võ

tầng thấp, tầng cao

tôi say uống mùi hương thân thuộc

của những căn nhà tự chìm vào đất

*nền cũ thành bệ phóng
kỷ niệm thành sức bay
tôi phồng ngực uống mùi hương ký ức
để bay vào tương lai*

29-6-2014

(Vũ Quần Phương, *Phía ngoài kia là rừng*,
NXB hội nhà văn Việt Nam, tr 33 - 34)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

Câu 2. Trong đoạn thơ thứ nhất, tác giả đã hoài niệm, tìm kiếm những hình ảnh nào?

Câu 3. Hai câu thơ sau giúp anh chị hiểu gì về mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại:

*nền cũ thành bệ phóng
kỷ niệm thành sức bay*

Câu 4. Thông điệp từ hai câu thơ *những căn nhà tự nguyện chìm vào đất/ tạo dựng các tầng trời* có ý nghĩa như thế nào với anh/ chị ?

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc – hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về giá trị của những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống.

Câu 2. (5.0 điểm)

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp – lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ – Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khói ánh cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : "Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?". Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vọt biển. Thuyền tôi trôi trên "Dải Sông Đà bọt nước lành - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình" của "một người tình nhân chưa quen biết" (Tản Đà), Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.

(Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, tr 191 – 192)

Cảm nhận về đẹp của hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên; từ đó, liên hệ với hình ảnh Sông Đà ở quãng đá bờ sông dựng vách thành để rút ra nhận xét về cách cảm nhận thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Tuân.

.....HẾT.....

Họ và tên.....

Số báo danh.....

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM
KÌ THI KHẢO SÁT CÁC MÔN THI
TỐT NGHIỆP THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: Ngữ văn

Ngày thi: 10/01/2023

(Đáp án và thang điểm gồm ... trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.00
	1	Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm	0.50
	2	Trong đoạn thơ thứ nhất, tác giả đã hoài niệm, tìm kiếm hình ảnh: <i>những căn nhà</i> (hoặc <i>những căn nhà bông bé tuổi thơ tôi</i>), <i>những vách cột tay tôi men lấm chấm</i> .	0.50
	3	Mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại: - Quá khứ là nền móng tạo nên những giá trị của hiện tại. Sự phát triển của hiện tại mang dấu ấn từ quá khứ. - Không thể tách quá khứ khỏi hiện tại, cần trân trọng những giá trị được tạo dựng từ những nền móng trong quá khứ.	1.00
	4	Cần trình bày được - Thông điệp từ hai câu thơ <i>những căn nhà tự nguyện chìm vào đất/ tạo dựng các tầng trời</i> : thông điệp về sự tự nguyện cống hiến, hi sinh cho những giá trị chung/ thông điệp về vai trò của quá khứ với hiện tại, tương lai... - Suy nghĩ của bản thân.	1.00
II		LÀM VĂN	
	1	<i>Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về giá trị của những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống.</i>	2.00
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận với dung lượng khoảng 200 chữ: có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn; có thể theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị của những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp. Có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ giá trị của những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống. Có thể triển khai theo hướng sau: - Những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống là tiền đề cho sự phát triển của xã hội. Nó giúp cuộc sống văn minh và hiện đại hơn. - Những thay đổi mới mẻ trong cuộc sống mang đến cho con	1.0

	người những trải nghiệm mới trong môi trường mới. Từ đó, tạo cảm hứng cho mỗi người thay đổi, hoàn thiện bản thân; duy trì sự tươi mới và cởi mở trong tư duy, có những thành quả sáng tạo đóng góp tích cực cho xã hội	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn về chính tả và ngữ pháp tiếng Việt	0.25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0.25
2		5.00
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0.50
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn về chính tả và ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0.5
	Tổng điểm	10.00

(Đề gồm 01

trang)

Đọc đoạn trích:

(1) Bất kỳ một quan điểm nào cũng có thể thay đổi, điều quan trọng là bạn có “muốn” thay đổi hay không mà thôi. Mọi thứ không bỗng dưng mà có, thái độ cũng vậy. Để có một thái độ sống đúng đắn, trước tiên ta cần hình thành nó, rồi dần dần phát triển lên, biến nó thành tài sản quý giá cho bản thân.

(2) Một số người từ chối việc thay đổi, họ cho rằng “Tôi đã quen sống như thế này từ nhỏ, thay đổi chỉ làm cho cuộc sống thêm rắc rối mà thôi!” hoặc “Cha mẹ sinh mình ra thế nào thì cứ để thế ấy, thay đổi làm gì cho mệt!”. Bạn cần biết rằng, không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi. Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc. Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn. Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nảy lộc, không ra hoa kết trái là gì? Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao? Con người chúng ta cũng vậy. Cuộc sống sẽ luôn được vận hành tốt nếu ta không ngừng hoàn thiện bản thân.

(3) Những ai không chịu thay đổi cho phù hợp với biến cố cuộc đời sẽ chẳng thể nào thích nghi được với hoàn cảnh. Có thể họ vẫn hiện hữu nhưng trong cuộc sống của họ sẽ bị tách biệt, không bắt nhịp được với đồng loại của mình.

(Trích *Thái độ quyết định thành công*, Wayne Cordeiro, NXB Tổng hợp TP. HCM,

2016, tr.34) **Thực hiện các yêu cầu sau:**

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, cuộc sống của bạn sẽ ra sao khi *không chấp nhận thay đổi*?

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 4. Theo anh/ chị, tại sao tác giả cho rằng *không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi*?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ ý nghĩa của văn bản trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của mình về những điều bản thân thấy cần thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Câu 2. (5.0 điểm)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nháy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có

lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

*Anh ném pao, em không
bắt Em không yêu, quả
pao rơi rồi...*

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ Văn 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, tr. 7-8)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về cách nhìn con người của nhà văn Tô Hoài.

..... Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2

NĂM HỌC: 2022 - 2023

MÔN: NGỮ VĂN 12

(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	<p>Phương thức biểu đạt chính: nghị luận Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.</p>	0,75
	2	<p>Theo đoạn trích, khi <i>không chấp nhận thay đổi</i>, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn nếu bạn không chấp nhận thay đổi. Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời như đáp án: 0,75 điểm.</p>	0,75
	3	<p>- Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn hai: + Câu hỏi tu từ: <i>Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nảy lộc, không ra hoa kết trái là gì? Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao?</i> - Tác dụng: + Nhấn mạnh hậu quả của việc không chấp nhận thay đổi để hoàn thiện bản thân. + Tăng tính biểu cảm, tạo giọng điệu trầm trở, suy tư cho câu văn. Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh gọi tên được biện pháp tu từ: 0,25 điểm; chỉ ra được câu văn chứa biện pháp tu từ: 0,25 điểm - Học sinh nêu được 02 tác dụng của biện pháp tu từ: 0,5 điểm; nêu được 01 tác dụng: 0,25 điểm.</p>	1,0

	4	Vì chỉ cần chấp nhận thay đổi là ta có thể thích nghi với hoàn cảnh, bất nhịp với đồng loại và cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Từ ý nghĩa của văn bản trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của mình về những điều bản thân thấy cần thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại.	2,0
		a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0,25
		<i>Sự cần thiết phải hoàn thiện bản thân.</i>	
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải có hoàn thiện bản thân. Có thể theo hướng sau: - Hoàn thiện bản thân là quá trình tự nhận thức, học hỏi, cải thiện, tu dưỡng chính mình để ngày càng tiến bộ, tốt đẹp hơn. - Xã hội ngày càng phát triển, đòi hỏi con người không ngừng làm mới chính mình để phù hợp, thích nghi với hoàn cảnh, tạo cơ hội phát triển, thành công. Đó phải là sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi, từ những điều bé nhỏ nhất. Cần phân biệt việc hoàn thiện bản thân với những đột phá, nổi loạn có xu hướng tiêu cực. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	0,75
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,25

	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
2	<p>Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn của nhà văn Tô Hoài về con người.</p>	5,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn và cách nhìn con người của nhà văn Tô Hoài. Hướng dẫn chấm:</p>	0,5
	<p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm , nêu vấn đề nghị luận.</p>	0,5

	<p><i>* Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn:</i></p> <p>- Giới thiệu khái quát nhân vật và vị trí đoạn trích</p> <p>+ Mị là một cô gái trẻ đẹp, yêu đời... Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị phải làm dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra, sống cuộc đời trâu ngựa khổ đau.</p> <p>+ Thế nhưng tận đáy sâu tâm hồn cảm lạnh ấy vẫn le lói tia lửa sống, chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ. Trong một đêm tình mùa xuân phơi phới, giai điệu thiết tha bồi hồi của tiếng sáo đã đánh thức Mị, khiến tâm hồn Mị náo nức hồi sinh.</p> <p>- <i>Diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn :</i></p> <p>+, Mị <i>lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát</i>. Rượu làm cơ thể và đầu óc của Mị say nhưng tâm hồn đã tỉnh lại sau bao ngày cảm nín. Mị quên như đi thực tại, chỉ <i>sống về ngày trước</i>, nhớ lại quá khứ tươi đẹp, hạnh phúc, tự do.</p> <p>+ Sự nhận thức về hiện tại – quá khứ đã đã khơi dậy ở Mị lòng ham sống: <i>thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước</i>. Mị ý thức rõ về quyền sống quyền tự do và hạnh phúc: <i>Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi...</i></p> <p>+ Từ ý thức về quyền sống, Mị nhận ra bi kịch của mình: <i>Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết, A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau</i>. Mị uất ức muốn phản kháng: <i>Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay</i>.</p> <p>+ Ý thức về thân phận: <i>Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra</i> giọt nước mắt của nỗi thương thân, xót phận, đau đớn, tuyệt vọng, bế tắc khi đối mặt với thực tại phũ phàng, giọt nước mắt hồi sinh của tâm hồn khao khát sống.</p> <p>+ Khát khao tự do, hạnh phúc ẩn trong <i>tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường</i> với những giai điệu mang âm hưởng xót xa, nuối tiếc của tình yêu. - <i>Nghệ thuật:</i></p> <p>+ Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế. Cách dẫn dắt tinh tiết khéo léo, tự nhiên.</p> <p>+ Giọng trần thuật của tác giả hòa vào những độc thoại nội tâm của nhân vật tạo nên ngôn ngữ nửa trực tiếp đặc sắc. Lời kể hấp dẫn, mang đậm màu sắc miền núi. Lựa chọn chi tiết, dựng cảnh tạo không khí, sử dụng nhiều câu văn ngắn, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh cảm nhận được đầy đủ, sâu sắc đoạn văn: 2,25 điểm – 2,75 điểm</p> <p>- Học sinh cảm nhận sâu sắc nhưng chưa thật đầy đủ: 1,25 điểm – 2,0 điểm</p> <p>- Học sinh còn thiếu nhiều ý hoặc cảm nhận chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,0 điểm</p>	<p>2,5</p> <p>0,25</p> <p>1,75</p> <p>0,5</p>
	<p><i>* Nhận xét về cách nhìn con người của nhà văn Tô Hoài.</i></p> <p>- Qua diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị, tác giả bày tỏ sự cảm thông thấu hiểu, bênh vực những con người với số phận bất hạnh; trân trọng yêu thương và cảm phục</p>	<p>0,5</p>

	<p>sức sống tiềm tàng, khát vọng tự do, hạnh phúc và khả năng vươn tới tương lai. Đó là cách nhìn đầy tin yêu vào phẩm chất tốt đẹp của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách nhìn xuất phát từ sự gắn bó, am hiểu và tình yêu thương với mảnh đất và con người miền núi, từ hiện thực cách mạng với nhiều đổi thay. Truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài là sản phẩm của nền văn học cách mạng, đưa con tinh thần của nhà văn - chiến sĩ với cảm quan hiện thực, tinh thần lạc quan cách mạng: khẳng định, tin tưởng khả năng, sức mạnh, tương lai con người. - Cách nhìn mới mẻ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, mang lại chất lượng mới cho văn học kháng chiến, khơi dậy sự đồng cảm, trân trọng người đọc, đồng thời thể hiện tài năng, tâm lòng nhà văn Tô Hoài. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét được 2 - 3 ý: 0,5 điểm. - Học sinh nhận xét được 1 ý: 0,25 điểm. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh, liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0